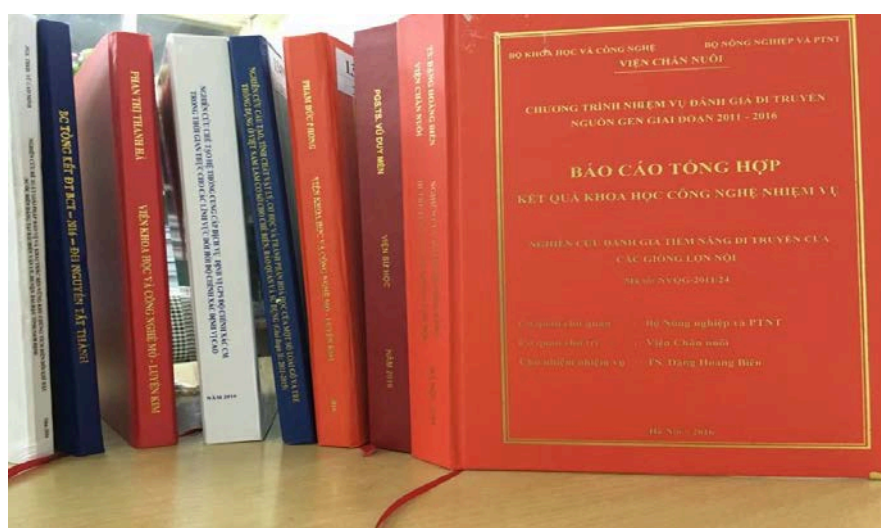


THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỐ 9
2021



THÔNG BÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Định kỳ 1 số/tháng)

BAN BIÊN TẬP

<i>Trưởng ban:</i>	THS. VŨ ANH TUẤN
<i>Phó Trưởng ban:</i>	ThS. Võ Thị Thu Hà ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh
<i>Ủy viên thư ký:</i>	ThS. Nguyễn Thị Thưa CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu CN. Nguyễn Thu Hà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	ii
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	9
<u>Phụ lục</u> : Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	90

LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”***.

Xuất bản phẩm ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 1 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 39349116- Fax: (024) 39349127- E-mail: quanly@vista.gov.vn

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

①
②
③
④

74479.1-2020. Nghiên cứu đề xuất một số khu vực có thể phục hồi và tái tạo hệ sinh thái rạn san hô phục vụ du lịch sinh thái biển Khánh Hòa/ Võ Sĩ Tuấn, TS. Nguyễn Văn Long; CN. Phan Kim Hoàng; ThS. Thái Minh Quang; ThS. Phan Thị Kim Hồng; ThS. Mai Xuân Đạt; ThS. Phạm Sĩ Hoàn; ThS. Phạm Bá Trung; CN. Hứa Thái Tuyên; TS. Hoàng Xuân Bền - Khánh Hòa - Viện Hải dương học Nha Trang, 2018 - 01/2015 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

⑤
⑥
⑦
⑧
⑨

⑩—Tổng quan về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, đa dạng sinh học ở vùng biển Khánh Hòa. Đánh giá hiện trạng hệ sinh thái rạn san hô ở các khu vực có tiềm năng sử dụng cho mục tiêu du lịch sinh thái biển. Điều tra hiện trạng sử dụng và quản lý tài nguyên tại các khu vực tiềm năng. Phân tích các yếu tố tích cực và hạn chế liên quan đến phục hồi rạn san hô và phát triển du lịch sinh thái và đề xuất các khu vực có thể phục hồi và tái tạo rạn san hô nhằm sử dụng cho du lịch sinh thái. Xây dựng mô hình phục hồi, tái tạo rạn san hô với sự tham gia quản lý của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: KHA-2019-002

①	Mã tra cứu
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

1. Khoa học tự nhiên	9
101. Toán học và thống kê.....	9
10101. Toán học cơ bản	9
10102. Toán học ứng dụng.....	9
102. Khoa học máy tính và thông tin	10
10201. Khoa học máy tính	12
103. Vật lý	12
10302. Vật lý các chất cô đặc.....	12
10303. Vật lý hạt và trường.....	14
10304. Vật lý hạt nhân	14
10305. Vật lý plasma và chất lỏng	15
10399. Khoa học vật lý khác	15
104. Hóa học	16
10401. Hoá hữu cơ	16
10403. Hoá lý	18
105. Các khoa học trái đất và môi trường liên quan	19
10509. Các khoa học môi trường	19
10511. Khí hậu học	21
10512. Hải dương học	21
10513. Thủy văn; Tài nguyên nước	22
10599. Khoa học trái đất và khoa học môi trường liên quan khác	23
106. Sinh học.....	23
10605. Hoá sinh; phương pháp nghiên cứu hoá sinh.....	23

10613. Sinh học biển và nước ngọt.....	24
10615. Đa dạng sinh học.....	24
10616. Công nghệ sinh học.....	25
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....	25
201. Kỹ thuật dân dụng.....	25
20102. Kỹ thuật xây dựng.....	25
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải.....	25
20105. Kỹ thuật thủy lợi.....	26
202. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin.....	29
20201. Kỹ thuật điện và điện tử.....	30
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..	31
20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông.....	32
20205. Viễn thông.....	33
203. Kỹ thuật cơ khí.....	34
20302. Chế tạo máy nói chung.....	34
20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng.....	35
20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng.....	36
20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân.....	37
204. Kỹ thuật hóa học.....	38
20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm).....	38
205. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim.....	38
20503. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim màu.....	38
20505. Cán kim loại; kéo kim loại; sản xuất sản phẩm kim loại; sản xuất ống kim loại, v.v.....	39

20510. Gốm.....	39
20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ.....	39
20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)	40
20513. Gỗ, giấy, bột giấy	40
206. Kỹ thuật y học	41
20601. Kỹ thuật và thiết bị y học	41
20602. Kỹ thuật phân tích mẫu bệnh phẩm.....	41
20604. Kỹ thuật chẩn đoán bệnh	42
207. Kỹ thuật môi trường.....	42
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật.....	42
20702. Kỹ thuật dầu khí (dầu mỏ, khí đốt)	44
209. Công nghệ sinh học công nghiệp	44
20901. Các công nghệ xử lý sinh học (các quá trình công nghiệp dựa vào các tác nhân sinh học để vận hành quy trình), xúc tác sinh học; lên men	45
211. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống.....	45
21101. Kỹ thuật thực phẩm	46
299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác	46
3. Khoa học y, dược.....	47
302. Y học lâm sàng	47
30203. Nhi khoa	47
30207. Hệ hô hấp và các bệnh liên quan.....	47
30215. Da liễu, Hoa liễu.....	48
30217. Bệnh về khớp.....	48
30221. Ung thư học và phát sinh ung thư	49
304. Dược học	49

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc	49
305. Công nghệ sinh học trong y học.....	50
30502. Công nghệ sinh học liên quan đến thao tác với các tế bào, mô, cơ quan hay toàn bộ sinh vật (hỗ trợ sinh sản); công nghệ tế bào gốc	50
399. Khoa học y, dược khác	51
4. Khoa học nông nghiệp	51
401. Trồng trọt	52
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm.....	52
40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả	54
40105. Cây công nghiệp và cây thuốc	57
40107. Bảo quản và chế biến nông sản	58
402. Chăn nuôi.....	58
40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi.....	59
40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi.....	60
404. Lâm nghiệp.....	60
40403. Quản lý và bảo vệ rừng	61
405. Thủy sản.....	61
40501. Sinh lý và dinh dưỡng thủy sản.....	62
40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản.....	62
40504. Nuôi trồng thủy sản	63
40505. Hệ sinh thái và đánh giá nguồn lợi thủy sản	64
406. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp	65
40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;.....	65
40699. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp khác	66
499. Khoa học nông nghiệp khác.....	66
5. Khoa học xã hội	67

502. Kinh tế và kinh doanh	67
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh....	70
50202. Kinh doanh và quản lý	72
503. Khoa học giáo dục.....	75
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.. ..	75
504. Xã hội học	76
50404. Dân tộc học.....	77
50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội.....	77
505. Pháp luật.....	81
50501. Luật học.....	81
506. Khoa học chính trị	83
50601. Khoa học chính trị.....	83
50602. Hành chính công và quản lý hành chính.....	84
50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị.....	85
507. Địa lý kinh tế và xã hội.....	85
50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội	85
50702. Địa lý kinh tế và văn hoá.....	86
599. Khoa học xã hội khác.....	88
6. Khoa học nhân văn.....	88
601. Lịch sử và khảo cổ học	88
60101. Lịch sử Việt Nam	88
60199. Các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác.....	88
602. Ngôn ngữ học và văn học	89
60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung	89

THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

1. Khoa học tự nhiên

101. Toán học và thống kê

10101. Toán học cơ bản

76241. 09-2021. **Một số bất biến của Idêan trong đại số giao hoán và tổ hợp/** TS. Lê Đình Nam, PGS. TS. Nguyễn Công Minh; TS. Thiều Đình Phong; TS. Vũ Quang Thanh - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2020 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu về các tính chất của đại số của ideal định thức của ma trận Hankel mở rộng. Đưa ra công thức tính và đặc trưng cho tính Gorenstein cho đại số này. Hiện đã submit và đang hoàn thiện theo yêu cầu của tạp chí. Nghiên cứu chỉ số chính quy của lũy thừa hình thức của ideal cạnh liên kết với một phức đơn hình. Đưa ra được công thức tính của đối tượng này thông qua các yếu tố tổ hợp trong trường hợp phức đơn hình là Matroid. Hiện đã submit và đang hoàn thiện theo yêu cầu của tạp chí. Nguyên cứu bất biến đồng điều của lũy thừa của tích Fiber. Đưa ra được các công thức tính độ sâu và chỉ số chính quy của lũy thừa các ideal trong nhiều các trường hợp đặc biệt của ideal. Hiện đã submit và đang hoàn thiện theo yêu cầu của tạp chí.

Số hồ sơ lưu: 17086

10102. Toán học ứng dụng

74153. 09-2021. **Một số phương pháp chỉnh hóa cho bài**

toán không chỉnh/ GS. TS. Đặng Đức Trọng, PGS. TS. Nguyễn Huy Tuấn; TS. Võ Hoàng Hưng; TS. Phạm Hoàng Uyên; TS. Cao Xuân Phương - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh, 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu sự ổn định của nghiệm phương trình đạo hàm riêng (PDE) và phương trình đạo hàm riêng có bậc không nguyên (FPDE). Nghiên cứu một số bài toán ngược không chỉnh như bài toán giá trị cuối, bài toán tìm nguồn. Mặt khác, các FPDE thường được thành lập từ các mô hình quá trình ngẫu nhiên Brown và Levy với các bậc đạo hàm là các tham số trong mô hình nên thường không được xác định một cách chính xác. Khảo sát các bài toán giải chập với dữ liệu bị nhiễu không chuẩn (non-standard).

Số hồ sơ lưu: 16336

74156. 09-2021. **Hàm F-đa điều hòa dưới và phương trình Hessian phức/** TS. Nguyễn Xuân Hồng, GS. TSKH. Lê Mậu Hải - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2019 - 04/2017 - 08/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm đặc điểm của các hàm F-đa điều hòa dưới sao cho có thể xấp xỉ được bởi một dãy các hàm đa điều hòa dưới. Đặc trưng độ đo Monge-Ampere của hàm dưới thác triển cực đại, từ đó nghiên cứu sự hội tụ trong dung lượng của dãy các dưới thác

triển cực đại của các hàm đa điều hòa dưới. Nghiên cứu sự tồn tại và tính liên tục Holder của nghiệm của phương trình Hessian phức trong miền không bị chặn. Nghiên cứu toán tử Monge-Ampere phức cho hàm đa điều hòa dưới và hàm F-đa điều hòa dưới. Từ đó áp dụng toán tử này để nghiên cứu xấp xỉ của các hàm F-đa điều hòa dưới và giải bài toán Dirichlet. Đề tài cũng nghiên cứu về ngưỡng chính tắc của hàm đa điều hòa dưới.

Số hồ sơ lưu: 16339

75950. 09-2021. **Xấp xỉ tín hiệu với số chiều rất lớn hoặc vô hạn và ứng dụng/ GS.TSKH.** Đinh Dũng, ThS. Bùi Khắc Thiện; ThS. Nguyễn Mạnh Cường; PGS.TS. Nguyễn Đình Hoá; TS. Mai Xuân Thảo; TS. Vũ Công Bằng - Hà Nội - Viện Công nghệ Thông tin, 2019 - 10/2017 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các bài toán xấp xỉ chữ thập hyperbolic và khôi phục trên lưới thưa tín hiệu có số chiều d rất lớn hoặc vô hạn. Nghiên cứu xấp xỉ tập thể tuyến tính chữ thập hyperbolic và xấp xỉ phi tuyến n -số hạng các quá trình trong tự nhiên, kinh tế và kỹ thuật được mô hình hóa bằng phương trình đạo hàm riêng có tác động hoặc đầu vào phụ thuộc tham số ngẫu nhiên có số biến rất lớn hoặc vô hạn. Bài toán xấp xỉ tín hiệu với số chiều d rất lớn và các bài toán tối ưu có kích cỡ lớn có liên quan như: xấp xỉ phi tuyến và khôi phục tín hiệu bằng thuật toán thích nghi; các bài toán xấp xỉ chữ thập hyperbolic vô hạn chiều cho

tín hiệu từ không gian Sobolev-giải tích và tính tối ưu của xấp xỉ theo n -độ dày Kolmogorov và e -chiều...các phương pháp số ngẫu nhiên cho bài toán tối ưu hợp thành có kích cỡ lớn trong học máy.

Số hồ sơ lưu: 16816

102. Khoa học máy tính và thông tin

76081. 09-2021. **Nghiên cứu ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM) trong thiết kế, đánh giá công trình xanh theo hướng phát triển bền vững/ PGS.TS.** Phạm Hùng Cường, PGS.TS. Đinh Văn Thuật; PGS.TS. Nguyễn Thế Quân; PGS.TS. Trần Anh Bình; TS. Phạm Thị Hải Hà; ThS. Lê Ngọc Hải; TS. Nguyễn Thanh Chương; GS.TS. Nguyễn Việt Anh; ThS. Đỗ Quốc Hoàng; ThS. Phạm Văn Hoàn; TS. Nguyễn Phương Thảo; ThS. Lê Đình Linh; GS.TS. Po-Han Chen; GS.TS. Liang-Jenq Leu; GS.TS. Luh-Maan Chang - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng, 2019 - 10/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết lập phần mềm tích hợp BIM-CTX để thiết kế và đánh giá CTX theo 3 bộ tiêu chí là bộ tiêu chí LOTUS (chủ yếu đang áp dụng tại Việt Nam), bộ tiêu chí LEED (mang tính quốc tế) và bộ tiêu chí EEWH (chủ yếu áp dụng tại Đài Loan), trong đó chú trọng đánh giá theo bộ tiêu chí LOTUS. Nghiên cứu lựa chọn Revit Autodesk là phần mềm thiết kế ứng dụng BIM phổ biến nhất ở Việt Nam để thiết lập các phần mềm tích hợp trong đánh giá CTX. Phần mềm tích hợp BIM- CTX sẽ

được áp dụng đánh giá cho một công trình đã được cấp chứng chỉ CTX tại Việt Nam, theo tiêu chí LOTUS để kiểm chứng tính chính xác, hiệu quả của phần mềm cả trên khía cạnh kỹ thuật, công nghệ của việc thiết kế và hiệu quả kinh tế, xã hội trong thực tế.

Số hồ sơ lưu: 16921

77231. 09-2021. **Nghiên cứu triển khai Big Data cho hoạt động quản trị quan hệ khách hàng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam/ TS.** Phan Thanh Đức, ThS. Ngô Thuỳ Linh; TS. Chu Thị Hồng Hải; TS. Nguyễn Văn Thủy; TS. Đinh Trọng Hiếu; CN. Lã Xuân Đăng; ThS. Chu Văn Huy; ThS. Trần Hồng Thắng; ThS. Nguyễn Minh Đức - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2019 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các khía cạnh lý thuyết công nghệ và ứng dụng của Big Data. Phân tích và đánh giá các chiến lược ứng dụng Big Data trên thế giới. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá tính sẵn sàng cho việc triển khai Big Data tại các ngân hàng thương mại. Đề xuất khung nhân tố ảnh hưởng (Critical Success Factor - CSF) cho các dự án Big Data. Ứng dụng dữ liệu lớn nâng cao hoạt động quản trị quan hệ khách hàng (Customer Relationship Management - CRM). Đề xuất các chính sách, quy định, hướng dẫn cần thiết cho việc triển khai các dự án Big Data cho hoạt động quản trị quan hệ khách hàng tại ngân hàng thương mại.

Số hồ sơ lưu: 17495

77248. 09-2021. **Nghiên cứu chính sách phát triển nội dung thông tin bản địa ASEAN và đề xuất cho Việt Nam/ ThS.** Đào Ngọc Tuyền, ThS. Triệu Minh Long; ThS. Hoàng Minh Hằng; CN. Nguyễn Hồng Nga - Hà Nội - Vụ Hợp tác quốc tế-Bộ Thông tin và Truyền thông, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về nội dung số, hiện trạng tại Việt Nam và xu hướng phát triển trên thế giới. Nghiên cứu kinh nghiệm quản lý và phát triển nội dung thông tin số bản địa ASEAN, và các nước trên thế giới. Đề xuất các khuyến nghị về chính sách phát triển nội dung số tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17493

77250. 09-2021. **Phân tích và phát hiện mã độc sử dụng các công nghệ trí tuệ nhân tạo/ PGS.TS.** Trần Nguyên Ngọc, TS. Nguyễn Việt Hùng; TS. Phan Việt Anh; ThS. Vũ Đình Phái; GS.TS. Qi Shi; PGS.TS. Nguyễn Lê Minh; GS.TS. Ogawa Mizuhito; PGS.TS. Bùi Thu Lâm - Hà Nội - Trường Đại học Kỹ thuật Lê Quý Đôn, 2019 - 06/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập mẫu mã độc phục vụ phân tích xây dựng hệ thống phát hiện, phân loại tự động. Chuyển giao, tiếp nhận công nghệ phân tích mã độc và công nghệ phát hiện mã độc sử dụng trí tuệ nhân tạo. Các thuật toán phát hiện mã độc cổ điển, xây dựng thuật toán phát hiện mã độc sử dụng trí tuệ nhân tạo và phát hiện mã độc dùng kỹ thuật phân tích

động. Mua sắm thiết bị phục vụ huấn luyện mạng học sâu và thuê lập trình viên xây dựng hệ thống. Triển khai xây dựng hệ thống phân tích mã độc trực tuyến. Ngoài ra cũng đang xây dựng bản đăng ký sở hữu trí tuệ về hệ thống phân tích mã độc trực tuyến.

Số hồ sơ lưu: 17506

10201. Khoa học máy tính

74154. 09-2021. **Phân tích ngôn ngữ tự nhiên và trích rút tri thức từ dữ liệu văn bản song ngữ ứng dụng cho dịch máy thống kê/** PGS. TS. Lê Anh Cường, PGS. TS. Phạm Bảo Sơn; TS. Nguyễn Văn Vinh; PGS. TS. Huỳnh Văn Nam; TS. Lê Quang Hùng; ThS. Nguyễn Thị Xuân Hương; ThS. Hoàng Thị Ngọc Trang - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ, 2019 - 03/2015 - 03/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển các phương pháp hiệu quả để xây dựng các công cụ phân tích tiếng Việt cho các bài toán: xây dựng mô hình ngôn ngữ, phân tích cú pháp, xác định các loại cụm từ, phân tích quan điểm. Các công cụ có chất lượng tốt và khả năng xử lý dữ liệu với qui mô lớn. Các phương pháp mới cũng có thể được áp dụng để phân tích tiếng Anh và xây dựng các công cụ cho tiếng Anh. Phát triển các mô hình mới để khai phá tri thức song ngữ. Cải tiến các mô hình giống hàng và ứng dụng cho bài toán dịch máy thống kê. Xây dựng hệ thống dịch máy thống kê cho cặp ngôn ngữ Anh – Việt. Các bài toán cơ bản cho phân tích tiếng Việt bao gồm: Tách từ (word segmentation)

cho văn bản tiếng Việt; Gán nhãn từ loại (POS tagging) cho văn bản tiếng Việt. Dịch máy theo tiếp cận thống kê bào gồm: Các kĩ thuật làm trơn trong các mô hình giống hàng IBM; Tích hợp thông tin ngôn ngữ học vào mô hình thống kê; Sử dụng kết quả học biểu diễn (ví dụ word2vec) trong mô hình dịch thống kê.

Số hồ sơ lưu: 16338

78519. 09-2021. **Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý trực tuyến nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Yên Bái/** ThS. Nguyễn Duy Khiêm, - Yên Bái - Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông, 2017 - 03/2017 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng phần mềm quản lý trực tuyến nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Yên Bái, triển khai trên hệ thống máy chủ và đưa vào vận hành sử dụng từ năm 2017 được phát triển trên nền công nghệ Microsoft.NET với bộ công cụ Microsoft Visual Studio 2014 và ngôn ngữ lập trình C#; cơ sở dữ liệu SQL Server 2014. Tiến hành xây dựng cơ sở dữ liệu các nhiệm vụ khoa học từ năm 2010 đến năm 2016 và xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng của người dùng và quản trị phần mềm.

Số hồ sơ lưu: YBI-024-2020

103. Vật lý

10302. Vật lý các chất cô đặc

74026. 09-2021. **Khảo sát sự phụ thuộc vào nhiệt độ và áp suất của cấu trúc và các tính chất nhiệt động học của silicene lỏng và vô**

định hình bằng phương pháp động lực học phân tử/ TS. Huỳnh Anh Huy, ThS. Ông Kim Lẹ; ThS. Nguyễn Trường Long; CN. Phạm Văn Phước Em; CN. Nguyễn Lâm Thùy Dương; CN. Trương Quốc Tuấn - Cần Thơ - Trường Đại học Cần Thơ., 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định cơ chế nguyên tử của hiện tượng khuếch tán dị thường trong silicene lỏng dưới ảnh hưởng của nhiệt độ và áp suất; Các quy luật tinh thể hóa silicene lỏng và vô định hình do lão hóa; Xác định cơ chế chuyển pha vô định hình - vô định hình khi bị nén dưới áp suất cao. Khảo sát sự phụ thuộc vào nhiệt độ của hệ số khuếch tán trong silicene lỏng và chuyển pha từ lỏng sang vô định hình. Khảo sát quá trình chuyển pha của silicene lỏng và vô định hình dưới áp suất cao.

Số hồ sơ lưu: 16302

74148. 09-2021. **Tổng hợp và nghiên cứu tính chất của một số hệ vật liệu tổ hợp ba thành phần trên cơ sở graphen, ferit kim loại và polyme dẫn nhằm ứng dụng làm vật liệu điện cực siêu tụ điện/** TS. Trần Viết Thứ, TS. Trần Đình Phong; TS. Vũ Đình Thảo; ThS. Dương Minh Tuấn; ThS. Vũ Văn Thủy - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2019 - 05/2016 - 05/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp graphen oxyt (GO) dùng làm tiền chất để tổng hợp các hệ vật liệu tổ hợp trên cơ sở graphen. Xây dựng quy trình thực nghiệm tổng hợp các hệ vật liệu tổ hợp hai

thành phần CuFe₂O₄/graphen và MnFe₂O₄/graphen. Khảo sát ảnh hưởng của điều kiện tổng hợp đến tính chất quang học, cấu trúc tinh thể, hình thái học của từng hệ. Xây dựng quy trình thực nghiệm tổng hợp các hệ vật liệu tổ hợp ba thành phần bằng cách kết hợp CuFe₂O₄/graphen và MnFe₂O₄/graphen với các polymer (PANI/PPy). Khảo sát ảnh hưởng của điều kiện tổng hợp đến tính chất quang học, cấu trúc tinh thể, hình thái học của từng hệ. Nghiên cứu tính chất điện hóa của tất cả các hệ trên để đánh giá khả năng sử dụng chúng làm vật liệu điện cực cho siêu tụ điện. So sánh đánh giá đặc trưng lưu trữ điện tích của các hệ đã nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 16330

76235. 09-2021. **Truyền dẫn điện tử không cân bằng qua các hệ chấm lượng tử trong chế độ Kondo/** TS. Nguyễn Thị Kim Thanh, ThS. Nguyễn Thị Tố Loan - Hà Nội - Viện Vật lý, 2020 - 04/2017 - 01/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định các mô hình tính toán đơn giản nhưng thích hợp để có thể nghiên cứu được truyền dẫn điện tử trong cả hai trường hợp cân bằng và không cân bằng bằng cách sử dụng các phương pháp boson hoá. Khảo sát một cách hệ thống các tính chất truyền dẫn điện tử cơ bản trong hệ chấm lượng tử trong chế độ Kondo ở trạng thái cân bằng theo cả hai phương pháp boson hoá toán tử và boson hoá phiếm hàm. Khảo sát các tính chất truyền dẫn điện tử cơ bản

trong hệ chấm lượng tử trong chế độ Kondo ở trạng thái không cân bằng theo các phương pháp boson hoá. Thảo luận các đặc trưng chất lỏng Fermi, chất lỏng không Fermi và sự cạnh tranh, giao nhau của hai đặc trưng này trong truyền dẫn nhiệt điện qua chấm lượng tử trong chế độ Kondo một kênh và đa kênh.

Số hồ sơ lưu: 17092

76248. 09-2021. **Nghiên cứu tăng mật độ dòng tới hạn của hệ siêu dẫn nhiệt độ cao Bi-Sr-Ca-Cu-O sử dụng tâm ghim từ nhân tạo có cấu trúc nano/** TS. Trần Hải Đức, TS. Nguyễn Khắc Mẫn; PGS. TS. Đỗ Thị Kim Anh; ThS. Dương Thị Thanh Nhân; CN. Đinh Thị Quỳnh - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2019 - 04/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ chế tăng mật độ dòng tới hạn (J_c) của hệ siêu dẫn nhiệt độ cao BSCCO bằng cách sử dụng các tâm ghim từ nhân tạo có cấu trúc nano. Ứng dụng công nghệ nano chế tạo tâm ghim từ nhân tạo cấu trúc nano trong vật liệu siêu dẫn BSCCO. Nghiên cứu hiệu ứng tăng J_c của các mẫu gốm BSCCO có chứa tâm ghim từ nhân tạo cấu trúc nano. Nghiên cứu, chế tạo màng BSCCO có chứa tâm ghim từ nhân tạo cấu trúc nano, phân tích hiệu ứng tăng J_c và mô hình hóa quá trình phát triển của tâm ghim từ nhân tạo này.

Số hồ sơ lưu: 17099

10303. Vật lý hạt và trường

75235. 09-2021. **Xác định hệ số hiệu chuẩn hình học trong phép chuẩn liều neutron: hình trụ và hình hộp chữ nhật/** ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh, ThS. Bùi Thị Ánh Dương; ThS. Bùi Đức Kỳ; KS. Dương Văn Triệu; ThS. Hồ Quang Tuấn; ThS. Trần Thanh Hà - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2018 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Cơ sở)

Trong phép hiệu chuẩn thiết bị đo neutron, hiệu chỉnh hình học do kích thước của thiết bị đo neutron cần phải được thực hiện. Tuy nhiên, các nghiên cứu trước đây đều chỉ đưa ra hệ số hiệu chỉnh hình học cho các thiết bị đo neutron có chất làm chậm hình cầu. Nghiên cứu này cho thấy hệ số hiệu chỉnh hình học sẽ được tính toán cho các thiết bị đo neutron có chất làm chậm hình trụ, hình hộp chữ nhật với đầu dò chủ động ^6LiI (Eu) bằng chương trình mô phỏng MCNP6.

Số hồ sơ lưu: 16708

10304. Vật lý hạt nhân

74124. 09-2021. **Nghiên cứu quá trình hình thành và biến đổi trạng thái của ion sắt (Fe-ions) trong ze-o-lit (Zeolite) bằng các phương pháp phổ kế hạt nhân./** TS. Trần Quốc Dũng, GS. TS. Châu Văn Tạo; TS. Trịnh Hoa Lăng; CN. Ninh Đức Tuyên; CN. Phan Chánh Vũ; ThS. Lưu Anh Tuyên - Hồ Chí Minh - Trung tâm Hạt nhân TP Hồ Chí Minh, 2019 - 03/2014 - 09/2016. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tạo các mẫu Ze-o-lit; Xử lý nhiệt sau trao đổi ion cho từng loại mẫu trong không khí và chân không; xác định hàm lượng sắt sau quá trình trao đổi ion; Nghiên cứu trạng thái của ion sắt trên các khung cấu trúc cho các mẫu sau trao đổi và quá trình dịch chuyển trạng thái; Ảnh hưởng của quá trình oxi sắt hóa sau trao đổi ion dưới điều kiện thay đổi nhiệt độ trong áp suất và không khí, so sánh với các điều kiện chân không; Nghiên cứu tác động của nước trong kênh kích thước nano của zeolit đến quá trình dịch chuyển của sắt ion trong điều kiện nhiệt độ thay đổi; Nghiên cứu sự sau hồng tinh thể; Ảnh hưởng của ion sắt đến các đặc trưng hủy po-si-tron.

Số hồ sơ lưu: 16328

10305. Vật lý plasma và chất lỏng

73966. 09-2021. **Nghiên cứu ứng dụng chất lỏng chứa vật liệu cacbon nanô trong hấp thụ năng lượng mặt trời/** TS. Bùi Hùng Thắng, GS. TS. Phan Ngọc Minh; GS. TS. Phan Hồng Khôi; PGS. TS. Vũ Đình Lãm; ThS. Phạm Văn Trinh; ThS. Cao Thị Thanh; KS. Lê Đình Quang - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2019 - 05/2016 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chế tạo chất lỏng chứa thành phần CNTs trong hấp thụ trực tiếp năng lượng mặt trời. Khảo sát tính chất cơ lý, tính chất nhiệt của chất lỏng chứa thành phần CNTs chế tạo được. Nghiên cứu chế tạo chất lỏng chứa thành phần Graphene trong hấp thụ trực tiếp năng lượng mặt trời. Khảo sát tính chất cơ lý,

tính chất nhiệt của chất lỏng chứa thành phần Graphene chế tạo được. Nghiên cứu chế tạo chất lỏng chứa đồng thời các thành phần CNTs, Graphene trong hấp thụ trực tiếp năng lượng mặt trời. Khảo sát tính chất cơ lý, tính chất nhiệt của chất lỏng chứa đồng thời thành phần CNTs, Graphene và chất lỏng chứa vật liệu cacbon nanô khác chế tạo được. Xây dựng thiết bị đo hiệu quả hấp thụ trực tiếp năng lượng mặt trời của chất lỏng. Khảo sát hiệu quả hấp thụ trực tiếp năng lượng mặt trời của chất lỏng chứa thành phần CNTs. Nghiên cứu cơ chế nâng cao hiệu quả hấp thụ năng lượng mặt trời của chất lỏng chứa thành phần cacbon nanô (graphene và CNTs). Xây dựng mô hình, lập trình và mô phỏng hệ thống hấp thụ trực tiếp năng lượng mặt trời ứng dụng chất lỏng chứa thành phần cacbon nanô. Số hồ sơ lưu: 16304

10399. Khoa học vật lý khác

74084. 09-2021. **Nghiên cứu và xây dựng mô hình fractal cho hiện tượng điện thế chảy trong môi trường xốp/** TS. Lương Duy Thành, TS. Phan Văn Độ; TS. Nguyễn Văn Nghĩa; TS. Phạm Thị Thanh Nga; PGS. TS. Vũ Phi Tuyền; ThS. Nguyễn Trọng Tâm - Hà Nội - Đại học Thủy lợi, 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu sự phụ thuộc của hệ số điện thế chảy và thế zeta vào thành phần khoáng chất của môi trường xốp, loại chất lỏng, hỗn hợp chất lỏng, nồng độ dung dịch, độ pH, nhiệt độ. Nghiên cứu, xây dựng một mô hình lý thuyết để tính toán thế

zeta cho dung dịch điện phân loại 2:2 và hỗn hợp dung dịch 1:1 và 2:2 với các tỷ lệ khác nhau. - Phân tích và giải thích kết quả thực nghiệm bằng các mô hình lý thuyết có liên quan đến các tham số hóa lý phụ thuộc vào chất lỏng-chất rắn như mật độ nhóm bề mặt (loại môi trường xốp), hằng số phân ly (loại môi trường xốp) và hằng số liên kết (loại chất điện phân). Nghiên cứu hệ số điện thế chảy với hỗn hợp hai thành phần (nước – triethylamine) gần điểm tách pha bằng cách thay đổi nhiệt độ (scanning) từ khá xa nhiệt độ tới hạn (T_c) tới gần nhiệt độ tới hạn. Nghiên cứu kịch bản về sự thay đổi bất thường của của lớp điện tích kép cũng như chiều dài Debye đối với hỗn hợp hai thành phần gần điểm tách pha. Xây dựng biểu thức fractal cho dòng điện chảy trong môi trường xốp dựa trên lý thuyết hình học fractal của môi trường xốp và dòng điện chảy trong một ống mao dẫn. Xây dựng biểu thức fractal cho dòng điện dẫn trong môi trường xốp dựa trên dòng điện dẫn trong một ống mao dẫn. Xây dựng mô hình hình học fractal cho hệ số điện thế chảy trong môi trường xốp. So sánh mô hình lý thuyết thu nhận được với số liệu thực nghiệm trong các tài liệu đã công bố cũng như so sánh với phương trình HS cải biến.

Số hồ sơ lưu: 16320

74125. 09-2021. **Nghiên cứu, chế tạo các van spin và các tiếp xúc từ xuyên ngầm tích hợp với kênh dẫn vi lưu để phát hiện nhanh, nhạy các hạt nano từ cho ứng dụng y sinh/** TS. Nguyễn Thị

Ngọc Anh, TS. Đỗ Hùng Mạnh; ThS. Trịnh Thị Hồng Thúy; ThS. Đỗ Khánh Tùng; ThS. Tạ Ngọc Bách - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2019 - 05/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện các linh kiện SVs, MTJ để chế tạo được các cảm biến có hệ số MR cao ở nhiệt độ phòng, hoạt động ở vùng từ trường thấp, đặc biệt có độ nhạy cảm cao với từ trường thông qua tối ưu hóa vật liệu, các điều kiện tạo màng hoặc điều kiện ủ. Thiết kế, chế tạo các kênh dẫn vi lưu kích thước micro/nano có khả năng tích hợp dễ dàng với các cảm biến GMR/TMR. Hoàn thiện và làm chủ công nghệ chế tạo các kênh dẫn vi lưu, tích hợp chúng với các cảm biến GMR/TMR đã chế tạo được, đáp ứng được các tiêu chí cho ứng dụng như: kích thước nano, sử dụng các vật liệu giá thành rẻ, tính ổn định cao, độ lặp lại tốt. Tiến hành thử nghiệm khả năng phát hiện cũng như độ nhạy của các cảm biến chế tạo được đối với các hạt nano Fe₃O₄ siêu thuận từ có gắn thành công các đối tượng sinh học nhằm hướng tới các ứng dụng thực tế trong y sinh.

Số hồ sơ lưu: 16327

104. Hóa học

10401. Hoá hữu cơ

76196. 09-2021. **Nghiên cứu hoá học click của một số monosaccharide có chứa hợp phần dị vòng/** GS. TS. Nguyễn Đình Thành, TS. Hoàng Thị Kim Vân; TS. Vũ Ngọc Toán; TS. Trần Thị Thanh Vân; ThS. Đỗ Sơn Hải - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên

(Đại học Quốc gia Hà Nội), 2019 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng hợp các dị vòng chromene và pyran thế cần thiết cho hợp phần dị vòng có chứa nhóm cầu nối azido và propargyl khi sử dụng một số chất lỏng ion và dung môi xanh. Nghiên cứu chuyển hoá các dị vòng chromene và pyran thành các dẫn xuất azide hoặc có chứa hợp phần propargyl. Nghiên cứu chuyển hoá một số monosaccharide thành các dẫn xuất chứa các nhóm azido và propargyl. Nghiên cứu phản ứng click của các hợp phần azide và propargyl nhận được ở trên dưới các điều kiện hoá học xanh.

Số hồ sơ lưu: 17056

76222. 09-2021. **Nghiên cứu tổng hợp và khảo sát tính chất vật lý các hợp chất dị vòng nitor ứng dụng cho vật liệu hữu cơ bán dẫn/** TS. Trần Quang Hưng, TS. Đặng Thanh Tuấn; TS. Nguyễn Ngọc Tuấn; TS. Trương Thị Thanh Nga; TS. Nguyễn Quyết Tiến; TS. Trần Đức Quân; ThS. Nguyễn Quảng An - Hà Nội - Viện Hóa Học, 2020 - 05/2016 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hoàn thiện phương pháp tổng hợp các hệ dị vòng, được kỳ vọng cho tính chất phát quang tốt hơn, độ bền nhiệt, bền oxi hóa tốt hơn, dễ dàng chế tạo linh kiện điện tử. Mỗi hướng tổng hợp sẽ cho 10-20 hợp chất mới. Các hợp chất tổng hợp được sẽ được xác định cấu trúc tường minh bằng các phương pháp phổ như NMR, GC-MS và HR-MS.

Cấu trúc của một số hợp chất quan trọng sẽ được xác định bằng phương pháp nhiễu xạ tia X. Khảo sát tính chất vật lý, đặc biệt là tính chất phát quang của các vật liệu hữu cơ tổng hợp được. Hoạt tính kháng vi sinh vật của một số hợp chất tổng hợp được.

Số hồ sơ lưu: 17079

76246. 09-2021. **Nghiên cứu các phức tương tác của một số hợp chất hữu cơ có nhóm chức với CO₂ và H₂O bằng phương pháp hóa học lượng tử/** PGS. TS. Nguyễn Tiến Trung, PGS. TS. Vũ Thị Ngân; PGS. TS. Nguyễn Phi Hùng; PGS. TS. Nguyễn Thị Ái Nhung; TS. Nguyễn Lê Tuấn; ThS. Nguyễn Ngọc Trí - Bình Định - Trường Đại học Quy Nhơn, 2019 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định cấu trúc bền và so sánh của các phức được hình thành bởi tương tác của một số hợp chất hữu cơ có nhóm chức với nCO₂ và nH₂O (n=1-2) và xác định các nhóm định chức tương tác mạnh với CO₂, từ đó định hướng tìm kiếm những vật liệu hấp thụ khí CO₂. Xác định sự tồn, vai trò của các tương tác yếu không cộng hóa trị trong việc làm bền phức và cũng đồng thời làm rõ sự cộng kết của các tương tác này, đặc biệt là giữa các liên kết hydro. Giải thích bản chất của BSHB với sự tham gia của liên kết cộng hóa trị C-H; và đưa ra một mô hình thuyết mới về bản chất của BSHB trên cơ sở những thuộc tính của monome ban đầu.

Số hồ sơ lưu: 17098

10403. Hoá lý

76198. 09-2021. **Xúc tác nano-Me/CeO₂/C (Me= Au, Pd, AuPd): tổng hợp, đặc trưng và hoạt tính xúc tác oxy hoá VOCs trong điều kiện nhiệt độ thấp, độ ẩm cao/** TS. Nguyễn Quang Long, TS. Ngô Thanh An; TS. Lê Minh Viễn; KS. Nguyễn Phúc Thanh Duy; ThS. Lâm Hoa Hùng; ThS. Biện Công Trung - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, 2019 - 04/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích sự ảnh hưởng của các thành phần chất xúc tác, phương pháp tổng hợp, phương pháp biến tính đến các tính chất lý hóa, cấu trúc, đặc tính hình thái của chất xúc tác nano-Me/CeO₂/C (Me=Au, Pd, AuPd). Tìm ra được sự ảnh hưởng của các thành phần chất xúc tác, phương pháp biến tính chất xúc tác nano-Me/CeO₂ đến hoạt tính xúc tác cho phản ứng oxy hóa toluene, fomaldehyde và hỗn hợp của chúng ở nhiệt độ thấp và độ ẩm cao. Tìm ra được thành phần, phương pháp tổng hợp, phương pháp biến tính thích hợp vật liệu nano-Me/CeO₂/C (Me=Au, Pd, AuPd) để làm xúc tác hiệu quả cho quá trình oxy hóa chất ô nhiễm VOCs ở nhiệt độ thấp và độ ẩm cao.

Số hồ sơ lưu: 17063

76214. 09-2021. **Nghiên cứu phản ứng quang oxy hóa khí hydrocarbon khó phân hủy trên các xúc tác quang có năng lượng vùng cấm thấp dạng màng mỏng/**

GS. TSKH. Lưu Cẩm Lộc, TS. Hoàng Tiến Cường; TS. Hà Cẩm Anh; TS. Nguyễn Trí; ThS. Nguyễn Thị Thùy Vân - Hồ Chí Minh - Viện Công nghệ Hóa Học, 2019 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm sáng tỏ ưu điểm của việc sử dụng kết hợp ánh sáng tử ngoại và khả kiến trong quang phân hủy các hydrocarbon khó phân hủy trong khí thải. Phân biệt đặc điểm hoạt động của ba nhóm xúc tác quang được nghiên cứu. Thiết lập phương trình động học quang oxy hóa sâu p-xylene trên các hệ xúc tác quang khác nhau dưới chiếu xạ của ánh sáng tử ngoại và khả kiến. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lựa chọn và định hướng ứng dụng các xúc tác tốt nhất cho quá trình quang phân hủy khí thải trong thực tế.

Số hồ sơ lưu: 17070

76237. 09-2021. **Nghiên cứu vật liệu biến hóa trên cơ sở tinh thể quang tử /** PGS. TS. Lê Đắc Tuyên, PGS.TS. Dư Thị Xuân Thảo; TS. Phạm Thị Trang; ThS. Tống Bá Tuấn; ThS. Đặng Hồng Lưu - Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 2020 - 04/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở vật lý để nghiên cứu vật liệu biến hóa trên cơ sở tinh thể quang tử opal hoạt động ở vùng tần số GHz, THz đến vùng ánh sáng nhìn thấy. Nghiên cứu đặc tính điện từ của cấu trúc vật liệu. Thiết kế và chế tạo vật liệu biến hóa kết hợp với tinh thể quang tử hoạt động ở vùng tần số GHz, THz đến vùng ánh sáng nhìn thấy. Đề xuất

mô hình vật lý của cấu trúc cộng hưởng vật liệu biến hóa dựa trên lý thuyết hiệu dụng và phương pháp mạch điện tương đương. Nghiên cứu đề xuất thiết kế tối ưu của vật liệu biến hóa có tính năng tốt hơn, ví dụ như có độ rộng băng tần lớn hơn, có thể thay đổi tần số bằng tác động ngoại vi,...Nghiên cứu chế tạo và kiểm chứng bằng thực nghiệm cấu trúc vật liệu biến hóa trên cơ sở tinh thể quang tử hoạt động ở vùng ánh sáng nhìn thấy.

Số hồ sơ lưu: 17091

76238. 09-2021. **Sự tăng/giảm của hiệu ứng màn chắn trên năng lượng liên kết của exciton trong bán dẫn đơn lớp TMDs do từ trường/** TS. Hoàng Đỗ Ngọc Trâm, PGS. TS. Đinh Thị Hạnh; TS. Phan Ngọc Hưng; ThS. Lý Duy Nhất - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2019 - 04/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan về các tính chất, các thí nghiệm và tính toán năng lượng liên kết của exciton trong bán dẫn đơn lớp TMDs, trong trường hợp có và không có từ trường. Xác định các thông số vật lý cho các TMDs đặc trưng cho hệ bán dẫn này (WS₂, MoS₂) nhằm sử dụng trong các tính toán và phân tích. Xác định tham số trong thế màn chắn Yukawa bằng cách so sánh kết quả tính toán lý thuyết bằng phương pháp toán tử FK với các số liệu thực nghiệm cho năng lượng liên kết của exciton trung hòa trong bán dẫn đơn lớp WS₂ khi chưa có mặt từ trường. So sánh hiệu quả của việc sử dụng thế

màn chắn dạng Yukawa và thế màn chắn bán thực nghiệm trong công trình của Chernikov. Đề xuất và cải tiến biểu thức thế màn chắn thuận lợi cho việc áp dụng phương pháp toán tử FK đồng thời cho phép thu kết quả phù hợp thực nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 17090

105. Các khoa học trái đất và môi trường liên quan

10509. Các khoa học môi trường

74028. 09-2021. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp kiểm soát xâm nhập mặn cho Thành phố Đà Nẵng/** TS. Hoàng Thanh Sơn, TS. Vũ Thị Thu Lan; TS. Đặng Việt Dũng; ThS. Hoàng Thanh Hoà; PGS. TS. Nguyễn Tùng Phong; ThS. Đinh Phùng Bảo; TS. Nguyễn Diệu Trinh; ThS. Nguyễn Đại Trung; KS. Lê Đức Hạnh - Hà Nội - Viện Địa lý, 2019 - 11/2016 - 10/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, đánh giá tình hình xâm nhập mặn vào sông thành phố Đà Nẵng; Đánh giá nguyên nhân và tác động của xâm nhập mặn đến sự phát triển của thành phố Đà Nẵng đã xác định được: tác động của các yếu tố tự nhiên chính đến vấn đề xâm nhập mặn của thành phố Đà Nẵng (địa hình, cấu trúc địa chất và khí hậu) và tác động của các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đến diễn biến độ mặn trong nước sông của thành phố Đà Nẵng, trong đó tác động của các công trình thủy điện thượng nguồn đến diễn biến xâm nhập mặn là yếu tố trội. Dự báo xâm nhập mặn vào các sông thành phố Đà Nẵng. Sử dụng 02 mô hình: Mô

hình Mike 11HD + AD và mô hình Delta để mô phỏng quá trình lan truyền mặn trong sông để phục vụ công tác dự báo, cảnh báo xâm nhập mặn vào sông theo các kịch bản phát triển. Đề xuất các giải pháp ứng phó với xâm nhập mặn thành phố Đà Nẵng gồm: Cơ sở khoa học đề xuất giải pháp kiểm soát xâm nhập mặn phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng, bảo đảm quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn; Các giải pháp ngắn hạn và dài hạn ứng phó tình trạng xâm nhập mặn vùng hạ du thành phố Đà Nẵng. Xây dựng công cụ hỗ trợ ra quyết định kiểm soát xâm nhập mặn thành phố Đà Nẵng được thể hiện trên website

www.kiemsoatman.vanhanhhochua.

Số hồ sơ lưu: 16311

76189. 09-2021. **Nghiên cứu xây dựng hệ thống nghiệp vụ dự báo khí hậu hạn mùa cho Việt Nam bằng các mô hình động lực/** TS. Mai Văn Khiêm, ThS. Nguyễn Ngọc Bích Phượng; PGS. TS. Nguyễn Văn Thắng; PGS. TS. Huỳnh Thị Lan Hương; TS. Nguyễn Đăng Quang; TS. Công Thanh; TS. Võ Văn Hòa; TS. Vũ Văn Thắng; ThS. Trần Đình Trọng; ThS. Lã Thị Tuyết - Hà Nội - Viện khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, 2019 - 10/2016 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng và phát triển được các mô hình động lực vào dự báo hạn mùa (đến 6 tháng) các trường khí hậu trung bình tháng và một số hiện tượng khí hậu cực đoan cho

Việt Nam. Xây dựng được hệ thống tổ hợp dự báo hạn mùa từ sản phẩm dự báo của các mô hình động lực. Thiết lập được hệ thống dự báo ở chế độ nghiệp vụ.

Số hồ sơ lưu: 17074

76211. 09-2021. **Nghiên cứu xây dựng, thử nghiệm mô hình cộng đồng làng xã cacbon thấp, chống chịu cao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu tại khu vực nông thôn đồng bằng Bắc Bộ/** GS. TS. Nguyễn Văn Nội, TS. Nguyễn Minh Phương; PGS. TS. Bùi Duy Cam; PGS. TS. Đỗ Quang Trung; PGS. TS. Đỗ Minh Đức; TS. Nguyễn Tùng Lâm; TS. Lương Quang Huy; TS. Bạch Quang Dũng; PGS. TS. Trần Ngọc Anh; PGS. TS. Nguyễn Ngọc Minh - Hà Nội - Trung tâm Động lực học Thủy khí Môi trường, 2019 - 12/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở khoa học của mô hình cộng đồng cacbon thấp, chống chịu cao nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu ở các vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ; Xây dựng bộ tiêu chí của mô hình cộng đồng cacbon thấp, chống chịu cao nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho các vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ; Xây dựng mô hình trình diễn và đánh giá hiệu quả các mô hình cộng đồng cacbon thấp, chống chịu cao ở các vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: 17068

76344. 09-2021. **Nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển du**

lịch gắn với bảo tồn đa dạng sinh học tại Khu Dự trữ Sinh quyển Kiên Giang/ PGS. TS. Phạm Trung Lương, ThS.Võ Trí Chung; TS.Phạm Lê Thảo; TS.Nguyễn Xuân Niệm; GS.TSKH.Đặng Trung Thuận; PGS.TS.Lại Vĩnh Cẩm; PGS.TS.Nguyễn Thế Chinh; TS.Hoàng Văn Thắng; PGS.TS.Lương Hồng Quang; ThS.Hoàng Hoa Quân; ThS.Nguyễn Đức Tùng - Hà Nội - Viện Môi trường và Phát triển bền vững, 2019 - 11/2015 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác lập nguyên lý và đề xuất mô hình chung cho khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang và một số mô hình cụ thể phát triển du lịch gắn với bảo tồn đa dạng sinh học ở các địa bàn trọng điểm bảo tồn đa dạng sinh học (vùng lõi) thuộc khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang, trong đó 02 mô hình ở vườn quốc gia Phú Quốc và Khu Bảo tồn biển Phú Quốc được vận hành thử nghiệm trong thực tiễn. Trên cơ sở phân tích hệ thống chính sách hiện hành, đề xuất một số chính sách và giải pháp nhằm phát triển du lịch và vận hành có hiệu quả mô hình phát triển du lịch gắn với bảo tồn đa dạng sinh học ở Khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang. Có được cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học và hoạt động phát triển du lịch cập nhật đối với Khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang.

Số hồ sơ lưu: 17227

10511. Khí hậu học

76952. 09-2021. Tiếp thu và làm chủ công nghệ dự báo bão hạn

mùa bằng mô hình động lực phục vụ công tác bảo đảm an toàn cho các hoạt động kinh tế - xã hội và an ninh trên khu vực Biển Đông - Việt Nam/ GS.TS. Phan Văn Tân, PGS.TS. Trần Quang Đức; CN. Phạm Thanh Hà; CN. Phạm Quang Nam; CN. Hoàng Danh Huy; ThS. Nguyễn Mạnh Linh; CN. Hoàng Gia Nam; TS. Nguyễn Văn Hiệp; ThS. Nguyễn Thị Tuyết; TS. Nguyễn Kim Chi; TS. Jack Katzfey; TS. John McGregor - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2019 - 06/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng và phát triển hệ thống nghiệp vụ dự báo bão hạn mùa (HTDBBHM) cho Việt Nam với hạn dự báo đến 6 tháng. Thiết lập hệ thống tính toán hiệu năng cao (HPC) kèm theo các phần mềm chuyên dụng và HTDBBHM đã được cài đặt và chạy dự báo ở chế độ nghiệp vụ. Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ tham gia dự án thông qua các đợt thực tập ở nước ngoài và làm việc cùng chuyên gia ở Việt Nam. Góp phần củng cố và tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Số hồ sơ lưu: 17380

10512. Hải dương học

74155. 09-2021. Nghiên cứu đề xuất tiêu chí xác định chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông, suối, kênh, rạch. Áp dụng thử nghiệm cho dòng chính sông Đồng Nai từ sau

hồ Trị An đến cửa Soài Rạp/ ThS. Ngô Chí Hương, ThS. Đặng Thị Thu Trang; ThS. Đỗ Thị Bích Ngọc; ThS. Phan Mai Linh; TS. Nguyễn Quang Phi; ThS. Cao Thị Lua; ThS. Thái Văn Tiến; TS. Phạm Thị Hương Lan - Hà Nội - Cục Quản lý Tài nguyên nước, 2018 - 06/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, tổng hợp, xử lý, phân loại thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến xác định chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước. Phân tích, đánh giá các quy định về tiêu chí xác định hành lang bảo vệ nguồn nước trên thế giới và Việt Nam. Nghiên cứu mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến việc xác định chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông, suối, kênh, rạch. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới từng chức năng đã xác định. Đề xuất tiêu chí xác định chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông, suối, kênh, rạch. Nghiên cứu áp dụng thử nghiệm trên dòng chính sông Đông Nai từ sau hồ Trị An đến cửa Soài Rạp. Đề xuất nội dung chính của dự thảo Văn bản hướng dẫn bộ tiêu chí xác định chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông, suối, kênh, rạch.

Số hồ sơ lưu: 16340

10513. Thủy văn; Tài nguyên nước

76658. 09-2021. **Nghiên cứu đánh giá nguồn tài nguyên nước biển sử dụng làm nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh mắt, xoang, miệng/** TS. Nguyễn Đình Nguyên, ThS. Nguyễn Thị Oanh; PGS. TS. Vũ Văn Tích; TS. Bùi Thanh Tùng;

TS. Phạm Nguyễn Hà Vũ; TS. Vũ Đức Lợi; TS. Đinh Xuân Thành; TS. Nguyễn Đình Thái; ThS. Lương Thị Thu Hoài; ThS. Vũ Việt Đức - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2019 - 04/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được vùng biển nước sâu với tốc độ dòng dưới 0,5cm/s; Nơi có sự giao thoa với dòng ven bờ là thấp nhất nhằm tránh sự pha trộn của chất ô nhiễm từ dòng ven bờ đưa ra; Thành phần khoáng trung bình của nước biển khu vực biển sâu, so với chuẩn SMOW; 4; Nguồn gốc của nước biển sâu theo thành phần đồng vị. Các tầng nước tại khu vực biển sâu có đặc trưng thành phần lý - hóa - sinh làm nguyên liệu bào chế thuốc xịt mũi, nước rửa vết thương, nước súc miệng theo T, độ muối khoáng hóa và thang độ sâu; Vùng nguyên liệu theo đặc điểm thành phần hóa - lý - sinh theo tiêu chí của ngành dược của nước biển theo nhiệt độ, độ muối khoáng hóa và thang độ sâu; Đề xuất giải pháp khoa học khoanh vùng và khai thác nguồn nguyên liệu cho sản xuất nước súc miệng, chữa bệnh mắt, xoang, miệng.

Số hồ sơ lưu: 17305

77033. 09-2021. **Đánh giá tiềm năng, biến động tài nguyên nước mặt, nước ngầm và đề xuất giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở một số đảo trọng điểm/** PGS.TS. Bùi Xuân Thông, PGS.TS. Nguyễn Văn Đản; TS. Bùi Việt Dũng; TS. Tô Đình Huyền; PGS.TS. Lã Thanh Hà; PGS.TS. Đinh Xuân Thành; TS. Nguyễn Ngọc Hà; TS.

Nguyễn Lê Tuấn; TS. Trần Thành Lê; TS. Phan Đức Tác - Hà Nội - Viện Hải văn và Môi trường, 2019 - 11/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra khảo sát bổ sung thủy, hải văn, địa chất, địa vật lý, triển khai áp dụng các mô hình tính toán, mô phỏng về tài nguyên nước (TNN), khoan thăm dò và triển khai trạm quan trắc động thái nước tại 3 lỗ khoan đảo Lý Sơn. Xác định cơ sở khoa học để đánh giá tiềm năng, biến động TNN trên các đảo nghiên cứu và các nhân tố tác động đến TNN trên các đảo. Nghiên cứu, đánh giá được tiềm năng và biến động tài nguyên nước trên các đảo trọng điểm: Đảo Cô Tô, Cát Bà, Lý Sơn. Đề xuất định hướng mô hình khai thác hợp lý TNN và các giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên nước, kỹ thuật trữ nước và bổ trợ nước dưới đất phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng các đảo nghiên cứu. Xây dựng CSDL GIS tài nguyên nước các đảo nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 17389

10599. Khoa học trái đất và khoa học môi trường liên quan khác

76706. 09-2021. Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xác lập phương pháp lượng giá và quy trình kết chuyển các giá trị của tài nguyên và môi trường vào hệ thống hạch toán tài khoản quốc gia mới ở Việt Nam/ PGS. TS. Nguyễn Thế Chinh, TS. Lại Văn Mạnh; TS. Lại Hồng Thanh; PGS. TS. Phạm Văn Lợi; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Châu Trần Vĩnh;

TS. Nguyễn Hoàng Nam; ThS. Lê Trường; ThS. Nguyễn Thị Thùy Dương; ThS. Trần Thị Thu Hà - Hà Nội - Viện Chiến Lược, Chính Sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2019 - 12/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế về hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) và hệ thống tài khoản quốc gia mới – tích hợp kinh tế môi trường (SEEA). Điều tra, đánh giá thực trạng và khả năng thực hiện các phương pháp lượng giá và kết chuyển các giá trị của tài nguyên và môi trường vào hệ thống tài khoản quốc gia mới – tích hợp kinh tế với môi trường ở Việt Nam. Tổng hợp xây dựng báo cáo cơ sở khoa học về các phương pháp lượng giá và quy trình kết chuyển các giá trị của tài nguyên và môi trường vào hệ thống tài khoản quốc gia ở Việt Nam. Nghiên cứu áp dụng hệ thống hạch toán tài khoản quốc gia mới vào công tác hoạch định và điều hành chính sách quản lý tài nguyên và môi trường ở Việt Nam. Thử nghiệm các phương pháp lượng giá và quy trình kết chuyển các giá trị của tài nguyên và môi trường vào hệ thống tài khoản quốc gia mới ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17311

106. Sinh học

10605. Hoá sinh; phương pháp nghiên cứu hoá sinh

76210. 09-2021. Tìm kiếm các chất có hoạt tính sinh học của chi Kháo (Phoebe) ở Việt Nam / TS. Nguyễn Thị Việt Thanh, TS. Lê

Huyền Trâm; TS. Giang Thị Phương Ly; TS. Hồ Đức Cường; ThS. Đinh Thị Thu Hiền; PGS. TS. Nguyễn Đăng Quang - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hóa học, 2019 - 05/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được tiềm năng hoạt chất sinh học chi *Phoebe*. Phân lập được một số hoạt chất chính của một số loài trong chi. Phát hiện một số chất có hoạt tính sinh học nhằm tạo cơ sở khoa học cho những nghiên cứu ứng dụng tiếp theo. Đề tài liên ngành hoá học các hợp chất thiên nhiên, sinh thái và tài nguyên sinh vật, y dược, kế thừa các kết quả nghiên cứu đã đạt được trong nước và quốc tế về lĩnh vực tìm kiếm các hoạt chất sinh học từ tự nhiên.

Số hồ sơ lưu: 17067

10613. Sinh học biển và nước ngọt

76209. 09-2021. **Nghiên cứu thành phần hóa học và một số hoạt tính sinh học chi *Dó đất* (*Balanophora*) ở Việt Nam** / TS. Bùi Hữu Tài, TS. Nguyễn Xuân Nhiệm; TS. Trần Hồng Quang; ThS. Lê Thị Huyền; ThS. Đan Thị Thúy Hằng; CN. Đỗ Thị Trang - Hà Nội - Viện Hóa Sinh Biển, 2019 - 05/2016 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thành phần hóa học của một số loài thuộc chi *Balanophora* phổ biến ở Việt Nam (gồm: *B. fungosa*, *B. latisepala*, và *B. laxiflora*) và đánh giá tác dụng gây độc tế bào ung thư, tác dụng kháng viêm của các hợp chất phân lập được. Phát hiện thành phần hóa học chủ yếu của một số loài

Balanophora ở nước ta như *B. fungosa*, *B. latisepala*, và *B. laxiflora*. Đánh giá một số hoạt tính sinh học của phân đoạn chiết, các chất phân lập theo hướng gây độc tế bào ung thư, kháng viêm.

Số hồ sơ lưu: 17069

10615. Đa dạng sinh học

74151. 09-2021. **Nghiên cứu đa dạng thành phần loài của chi *Lưu hoa* *Billolivia* (họ *Thượng tiễn* - *Gesneriaceae*) ở Việt Nam** / TS. Vũ Ngọc Long, TS. Lưu Hồng Trường; ThS. Nguyễn Trần Quốc Trung; ThS. Nguyễn Quốc Đạt - Hà Nội - Viện Sinh thái học miền Nam, 2019 - 05/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát tại các bộ sưu tập trong nước. Các bộ sưu tập mẫu thực vật họ *Gesneriaceae*, có thể bao gồm các mẫu vật chưa được biết thuộc chi *Lưu hoa*, được lưu trữ tại chủ yếu các viện nghiên cứu và trường đại học ở TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội. Thu thập và xử lý tiêu bản. Dự kiến sẽ thu thập khoảng 100 tiêu bản các loài *Lưu hoa* ở nhiều khu rừng thuộc vùng Tây Nguyên. Thu thập và xử lý mẫu DNA, trên thực địa, mỗi loài *Lưu hoa* sẽ được thu 3-4 mẫu DNA từ lá và được giữ trong silica gel dạng hạt. Giám định tên loài và xây dựng danh lục. Toàn bộ các mẫu tiêu bản thu thập của các loài sẽ được định loại với đầy đủ tên khoa học và tên tiếng Việt.

Số hồ sơ lưu: 16335

10616. Công nghệ sinh học

76217. 09-2021. **Đánh giá các gen biểu hiện và xác định một số chỉ thị phân tử của các chủng Salmonella gây bệnh và đa kháng thuốc phân lập được từ thịt bán lẻ ở Hà Nội/ GS. TS. Nghiêm Ngọc Minh, TS. Nguyễn Đăng Tôn; PGS. TS. Võ Thị Bích Thủy; TS. Lê Thị Nguyên Bình; ThS. Nguyễn Thị Hoài Thu; KS. Phạm Thùy Linh; ThS. Nguyễn Đức Hiếu - Hà Nội - Viện Nghiên cứu hệ gen, 2020 - 05/2016 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xác định mức độ ô nhiễm của vi khuẩn Salmonella spp. trong các mẫu thịt (bao gồm thịt lợn, thịt bò, thịt gà) đang lưu hành trên thị trường Hà Nội. Phân loại và định typ các chủng vi khuẩn Salmonella gây bệnh cho con người (bao gồm các chủng vi khuẩn Salmonella gây tiêu chảy, gây ngộ độc thực phẩm). Đồng thời đánh giá khả năng kháng các loại kháng sinh đang được dùng phổ biến trong điều trị của các chủng vi khuẩn này. Xác định toàn bộ hệ gen biểu hiện của vi khuẩn, đặc biệt phân tích một số nhóm gen chỉ thị phân tử trong đó có nhóm gen quy định tính kháng thuốc của vi khuẩn Salmonella. Phân tích và so sánh nhằm xác định chắc chắn khả năng biểu hiện của các gen chỉ thị phân tử được lựa chọn bằng kỹ thuật PCR.

Số hồ sơ lưu: 17075

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ**201. Kỹ thuật dân dụng****20102. Kỹ thuật xây dựng**

76938. 09-2021. **Phân lập và định danh các chủng vi khuẩn có khả năng tạo tủa calcite và đề xuất hướng ứng dụng/ ThS. Lê Quỳnh Loan, Nguyễn Hoàng Dũng; Hoàng Quốc Khánh; Trần Trung Kiên; Vũ Bảo Khánh; Ngô Đức Duy; Nguyễn Lương Hiếu Hòa; Thân Quốc An Hạ; Trần Thị Mỹ Ngọc; Huỳnh Thị Diệp - TP. Hồ Chí Minh - Viện sinh học Nhiệt đới, 2019 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Thu thập mẫu tại vùng có tiềm năng có vi khuẩn tạo tủa calcite, địa điểm thu mẫu khu vực 2 tỉnh Kiên Giang và Bình Phước gồm các mẫu đất, đá vôi tại các mỏ đá hoặc mẫu thạch nhũ trong hang động tự nhiên. Phân lập, định danh, sàng lọc các chủng vi khuẩn có khả năng tạo tủa calcite. Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng và hoạt tính tạo tủa calcite. Tối ưu đa yếu tố để tìm ra điều kiện tối ưu cho hoạt tính tạo tủa calcite. Lên men ở quy mô bioreactor. Thử nghiệm khả năng tăng cường tính bền vững của bê tông khi bổ sung vi khuẩn tạo tủa calcite và khả năng làm liền vết nứt của các chủng vi khuẩn tạo tủa calcite.

Số hồ sơ lưu: HCM-031-2020

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải

76042. 09-2021. **Ứng dụng kỹ thuật tiên tiến trí tuệ nhân tạo của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0**

trong dự báo biến đổi địa môi trường khi xây dựng tuyến đường cao tốc ven biển đoạn Hải Phòng – Ninh Bình/ TS. Phạm Thái Bình, TS. Hồ Sĩ Lành; TS. Bùi Tiến Diệu; TS. Ngô Quốc Trinh; TS. Trần Trung Hiếu; PGS.TS. Nguyễn Đức Mạnh; PGS.TS. Lê Hoàng Sơn; TS. Trần Trung Kiên; TS. Ngô Thị Thanh Hương; TS. Đỗ Minh Ngọc - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2019 - 06/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xác định tổ hợp các tham số tự nhiên, môi trường và địa kỹ thuật ảnh đến các đặc trưng địa môi trường (hệ số cố kết C_v và chỉ số nén C_c) của đất yếu khu vực nghiên cứu. Ứng dụng các kỹ thuật trí tuệ nhân tạo trong dự báo hệ số cố kết C_v của đất nền khu vực nghiên cứu. Ứng dụng các kỹ thuật trí tuệ nhân tạo trong dự báo chỉ số nén C_c của đất nền khu vực nghiên cứu. Đánh giá và lựa chọn mô hình tối ưu (SVM, ANN hay ANFIS) trong việc dự báo các tham số hệ số cố kết C_v và chỉ số nén C_c . Xây dựng dự thảo hướng dẫn việc áp dụng các kỹ thuật trí tuệ nhân tạo trong dự báo các tham số địa môi trường nói chung phục vụ thiết kế thi công công trình giao thông.

Số hồ sơ lưu: 16908

78520. 09-2021. **Thử nghiệm sử dụng ván ép tre thay thế gỗ tự nhiên trong thi công mặt cầu treo trên địa bàn tỉnh Yên Bái.**/ ThS. Trần Xuân Cường, - Yên Bái - Sở Giao thông vận tải tỉnh Yên Bái, 2017 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát hiện trạng các cầu treo trên địa bàn tỉnh Yên Bái và khảo sát, ký kết hợp đồng với đơn vị sản xuất tấm ván ép tre sử dụng làm mặt cầu treo. Tiến hành chỉ đạo tháo dỡ kết cấu gỗ cầu cũ, thay thế mặt cầu treo bằng ván ép tre. Đề xuất các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ.

Số hồ sơ lưu: YBI-025-2020

20105. Kỹ thuật thủy lợi

74123. 09-2021. **Nghiên cứu đề xuất các mô hình , giải pháp công nghệ khai thác và bảo vệ phát triển bền vững nguồn nước karst phục vụ cấp nước sinh hoạt tại các vùng núi cao , khan hiếm nước khu vực Bắc Bộ .** / TS. Đỗ Ngọc Ánh , ThS. Nguyễn Văn Trãi ; PGS. TS. Nguyễn Văn Lâm ; ThS. Đào Đức Bằng ; ThS. Bùi Mạnh Bằng; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; KS. Nguyễn Tuấn Anh ; KS. Trần Trịnh Nghiêm; ThS. Đỗ Xuân Ninh; ThS. Đỗ Anh Đức - Hà Nội - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2019 - 12/2015 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động của các mô hình, giải pháp khai thác nguồn nước karst trong các thành tạo carbonat khu vực nghiên cứu; Nghiên cứu phong tục tập quán khai thác, sử dụng và xác định nhu cầu dùng nước sinh hoạt của đồng bào vùng núi cao, khan hiếm nước khu vực nghiên cứu; Nghiên cứu xác định tiềm năng các nguồn nước karst trong thành tạo carbonat thuộc vùng núi cao, khan

hiếm nước các khu vực làm mô hình; Nghiên cứu, đánh giá thực trạng công tác bảo vệ và phát triển bền vững nguồn nước karst khu vực nghiên cứu; Nghiên cứu lựa chọn, đề xuất các mô hình, giải pháp công nghệ khai thác và bảo vệ phát triển bền vững các nguồn nước karst phục vụ cấp nước sinh hoạt tại các vùng núi cao, khan hiếm nước khu vực nghiên cứu; Khảo sát, thiết kế, xây dựng công trình thí điểm (dạng Pilot) giải pháp, công nghệ đã được lựa chọn để khai thác bền vững nguồn nước karst ngầm và mạch lộ; Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn kỹ thuật cho mô hình, giải pháp công nghệ khai thác và bảo vệ phát triển bền vững nguồn nước karst.

Số hồ sơ lưu: 16321

75446. 09-2021. **Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phân lũ, chậm lũ, giảm lũ nhằm giảm ngập cho TP. Hồ Chí Minh khi hồ Dầu Tiếng xả lũ theo thiết kế hoặc gặp sự cố/** PGS. TS Nguyễn Phú Quỳnh, ThS. Đỗ Đắc Hải; ThS. Đinh Thị Thùy Trang; KS. Đỗ Hồng Lam; TS. Trần Thái Bình; ThS. Vũ Toàn; ThS. Nguyễn Thị Khay; KS. Trần Văn Trương; ThS. Lưu Thị Thúy Hằng; KS. Đỗ Tuấn Anh; ThS. Ứng Ngọc Nam - TP. Hồ Chí Minh - Viện khoa học thủy lợi miền nam, 2018 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng sơ đồ mô phỏng chế độ thủy văn, thủy lực. Đánh giá khả năng tải của sông Sài Gòn và nguy cơ ngập lụt khu vực TP. Hồ Chí Minh. Phân tích đánh giá mức độ thiệt hại do ngập với các trường hợp xả của hồ Dầu Tiếng. Nghiên cứu

đánh giá hiệu quả của việc phân lũ sông Sài Gòn sang sông Vàm Cỏ qua Rạch Tra. Nghiên cứu các giải pháp phân lũ, chậm lũ và giảm lũ nhằm giảm ngập cho TP. Hồ Chí Minh. Xây dựng các chiến lược trung và dài hạn quản lý rủi ro do lũ cho toàn lưu vực Sài Gòn Đồng Nai khi hồ Dầu Tiếng xả lũ với các cấp thiết kế hoặc gặp sự cố.

Số hồ sơ lưu: HCM-0213-2018

76072. 09-2021. **Nghiên cứu đề xuất các giải pháp công nghệ và quản lý trong thu trữ nước mưa và nước mặt phục vụ dân sinh vùng Tây Bắc/** ThS. Phạm Văn Ban, TS. Nguyễn Hồng Trường; PGS.TS. Trần Chí Trung ; PGS.TS. Đoàn Doãn Tuấn ; PGS.TS. Nguyễn Thế Quảng; TS. Ngô Anh Quân ; ThS. Trần Việt Dũng; ThS. Nguyễn Xuân Thịnh; ThS. Phạm Đình Kiên ; ThS. Trần Hưng - Hà Nội - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2019 - 05/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đánh giá thực trạng công trình thu trữ nước, xử lý nước mưa, nước mặt và các tổ chức quản lý khai thác sử dụng công trình. Đề xuất giải pháp công nghệ thu trữ nước mưa, nước mặt phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất quy mô hộ gia đình, cụm dân cư, tổ chức. Nghiên cứu đề xuất giải pháp tổ chức quản lý bảo vệ, khai thác, duy trì bền vững hệ thống thu, trữ, xử lý và phân phối nước. Xây dựng mô hình thử nghiệm công nghệ thu trữ và xử lý nước phục vụ sinh hoạt; mô hình tổ chức quản lý bền vững hệ thống cấp nước. Xây dựng tài liệu, sổ tay

hướng dẫn kỹ thuật về thu, trữ, xử lý nước mưa, nước mặt và tổ chức quản lý phù hợp.

Số hồ sơ lưu: 16917

76136. 09-2021. **Nghiên cứu cơ sở khoa học để xác định cơ chế bồi lấp, sạt lở và đề xuất các giải pháp ổn định các cửa sông Đà Diễn và Đà Nông tỉnh Phú Yên phục vụ phát triển bền vững cơ sở hạ tầng và kinh tế xã hội/** PGS. TS. Nguyễn Tiên Giang, PGS. TS. Trần Ngọc Anh; PGS. TS. Nguyễn Thọ Sáo; PGS. TS. Đỗ Minh Đức; PGS. TS. Vũ Văn Phái; TS. Nguyễn Kim Cương; TS. Lê Văn Công; TS. Chu Hải Tùng; ThS. Đặng Thị Liên; ThS. Bùi Mạnh Cường - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 10/2015 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định nguyên nhân, cơ chế và các yếu tố ảnh hưởng đến hiện tượng bồi lấp, sạt lở tại 02 cửa sông (cửa sông Đà Diễn và cửa sông Đà Nông) tỉnh Phú Yên. Đề xuất giải pháp khoa học và công nghệ chống bồi lấp, sạt lở nhằm ổn định vùng cửa sông, đáp ứng được yêu cầu ra vào của tàu thuyền, thoát lũ và bảo vệ môi trường sinh thái có xét đến điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Số hồ sơ lưu: 17050

76188. 09-2021. **Nghiên cứu xây dựng: bộ định mức - đơn giá chuyên ngành công tác thí nghiệm mô hình thủy lực công trình thủy điện/** ThS. Đặng Xuân Hanh, ThS. Đinh Lê Phương Anh; ThS. Kiều Cẩm Thúy; ThS. Hoàng Đức Thuật;

ThS. Phạm Minh Hòa; KS. Nguyễn Thị Quỳnh Phương; ThS. Đinh Thị Thanh Lan; ThS. Phạm Ngọc Rư; KS. Lê Văn Hiếu; TS. Lê Thị Nhật; ThS. Vũ Ngọc Luân - Hà Nội - Viện năng lượng, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chế độ chính sách cho công tác xây dựng và chế độ chính sách cho công tác nhân công lao động. Nghiên cứu các định mức phân xây dựng gồm có các công việc sau: công tác chuẩn bị mặt bằng; công tác thiết lập địa hình; công việc chế tạo mô hình cụm công trình đầu mối bằng kính hữu cơ; công tác gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị phục vụ thí nghiệm; các định mức cho công tác khác liên quan mô hình. Nghiên cứu các định mức phân thí nghiệm mô hình thủy lực và các định mức cho các trường hợp thí nghiệm mô hình thấm.

Số hồ sơ lưu: 17052

76190. 09-2021. **Nghiên cứu tính toán lũ vượt thiết kế theo QCVN 04-05 và đề xuất một số giải pháp đảm bảo an toàn công trình và giảm ngập lụt hạ lưu sông Ba/** ThS. Lê Nguyên Trung, KS. Nguyễn Thế Hùng; ThS. Trần Vũ; ThS. Kiều Cẩm Thúy; ThS. Hoàng Đức Thuật; ThS. Đặng Xuân Hanh; ThS. Đinh Lê Phương Anh; ThS. Phạm Ngọc Rư; CN. Nguyễn Hoài Thu - Hà Nội - Viện năng lượng, 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tính toán lũ vượt thiết kế của công trình (lũ vượt kiểm tra) theo QCVN 04-05; Đề xuất một

số giải pháp đảm bảo an toàn công trình và giảm ngập lụt hạ lưu sông Ba. Qua nghiên cứu nhận thấy có những hồ chứa có thể ứng phó với lũ vượt kiểm tra nhờ các giải pháp phi công trình do đó việc ứng phó với lũ vượt kiểm tra cần được nghiên cứu cụ thể cho từng lưu vực và từng hồ chứa. Đề chủ động trong quá trình vận hành hồ chứa cần: Đầu tư phát triển và hoàn thiện phần mềm công nghệ, nâng cao tính tự động hóa trong quá trình vận hành hồ chứa; Phát triển và hoàn thiện phương pháp và công nghệ để có thể dự báo mưa, lũ và vận hành liên hồ thời gian thực.

Số hồ sơ lưu: 17048

76839. 09-2021. **Phân vùng chức năng vùng bờ thành phố Hồ Chí Minh/** ThS. Ngô Nam Thịnh, CN. Trần Tuấn Hoàng; TS. Nguyễn Huy Anh; TS. Lê Thị Kim Thoa; TS. Dương Thị Thúy Nga; TS. Mai Văn Khiêm; TS. Nguyễn Công Thành; TS. Nguyễn Văn Tú; ThS. Nguyễn Trâm Anh; ThS. Trần Thị Kim - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM, 2019 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin, dữ liệu, số liệu phục vụ phân vùng chức năng vùng bờ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên vùng bờ thành phố Hồ Chí Minh. Phân tích, đánh giá các quá trình tự nhiên vùng bờ và các tác động do thiên tai và biến đổi khí hậu đến vùng bờ TP. Hồ Chí Minh. Khảo sát, đánh giá động lực học vùng cửa sông, biển ven bờ và sự tương tác giữa các quá trình tự

nhiên và các hệ sinh thái vùng bờ. Xây dựng bản đồ hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và không gian vùng bờ. Nghiên cứu và xây dựng luận cứ khoa học cho việc phân vùng chức năng vùng bờ TP. Hồ Chí Minh phục vụ việc khai thác, sử dụng hợp lý, bền vững các tài nguyên và không gian vùng bờ. Phân vùng chức năng vùng bờ TP. Hồ Chí Minh làm cơ sở cho việc lập quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ.

Số hồ sơ lưu: HCM-028-2020

202. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin

76024. 09-2021. **Nghiên cứu chế tạo thử nghiệm băng tải đọc mã vạch tự động phục vụ phát triển các dịch vụ bưu chính/** ThS. Trần Hải Vân, TS. Nguyễn Như Toàn; CN. Đinh Vương Anh; KS. Hồ Chí Thiện; CN. Bùi Đình Anh Đức; KS. Nguyễn Thị Thu Hà; KS. Nguyễn Hồng Long - Hà Nội - Công ty cổ phần thiết bị bưu điện, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tự chủ và làm chủ công nghệ thiết kế chế tạo hệ thống băng tải đọc mã vạch tự động, lựa chọn các thiết bị đọc mã vạch tự động đáp ứng yêu cầu khai thác của VN Post. Tiến tới tích hợp chế tạo và thử nghiệm hệ thống đọc mã vạch tự động tại POSTEF và VN Post, nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng bưu chính trong nước, thay thế các sản phẩm nhập ngoại. Tận dụng nguồn lực sẵn có: Tiềm lực tài chính tốt và vững chắc với đội ngũ kỹ sư có trình độ,

năng lực, kinh nghiệm với tay nghề cao để phát triển sản phẩm mới, có giá trị gia tăng ngày một cao. Góp phần thúc đẩy hiện đại hóa ngành bưu chính, tăng năng suất lao động nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển bưu phẩm ngày càng nâng cao trong bối cảnh bùng nổ thương mại điện tử ở Việt Nam và trên thế giới.

Số hồ sơ lưu: 16923

76066. 09-2021. **Giải pháp tiết kiệm năng lượng: nghiên cứu chế tạo màng dẫn điện trong suốt TiO₂ pha tạp ứng dụng cho cửa sổ kính nhằm chống nóng và chống bẩn/** TS. Hoàng Ngọc Lam Hương, TS. Phạm Văn Thành; ThS. Lưu Mạnh Quỳnh; ThS. Nguyễn Minh Hiếu - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2018 - 03/2015 - 03/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo màng mỏng Ta:TiO₂ (TTO) bằng phương pháp đồng phún xạ hai bia TiO₂ và Ta. Khảo sát tính chất điện và tính chất quang của màng TTO - Chế tạo màng mỏng Nb:TiO₂ (TNO) mang tính khử cao bằng cách sử dụng hỗn hợp khí Ar và H₂. Khảo sát tính chất điện và tính chất quang của màng TNO. Cải thiện tính chất của màng TNO bằng cách thêm Ag vào bằng phương pháp đồng phún xạ hai bia TNO và Ag. Khảo sát tính chất điện, tính chất quang, tính chất quang xúc tác và hiệu suất chống nóng của màng Ag-TNO. Nghiên cứu chế tạo màng đa chức năng TiO₂ pha tạp kim loại vừa có tính dẫn điện trong suốt, vừa có tính quang xúc tác, để ứng dụng cho cửa sổ kính nhằm chống nóng và chống bẩn.

Số hồ sơ lưu: 16906

77232. 09-2021. **Nghiên cứu và ứng dụng mã vạch 2 chiều (mã QR) trong việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm ngành da - giày Việt Nam/** ThS. Lê Trần Vũ Anh, ThS. Nguyễn Hải Trung; KS. Nguyễn Văn Hiền; ThS. Trần Ngọc Sơn; ThS. Nguyễn Thị Yên; ThS. Phùng Mạnh Trường; ThS. Mai Xuân Hòa; CN. Nguyễn Huy Đồng; ThS. Trần Thanh Xuân; CN. Bùi Đức Ngọc - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Da - Giày, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu công nghệ nhận dạng mã vạch 2 chiều để truy xuất nguồn gốc nguyên liệu, sản phẩm ngành công nghiệp tại Việt Nam và thế giới. Đánh giá thực trạng nhu cầu sử dụng công nghệ mã số, mã vạch để truy xuất nguồn gốc nguyên liệu, sản phẩm ngành công nghiệp da - giày. Xây dựng phần mềm quản lý điều hành, nghiệp vụ và khai thác hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm ngành da - giày tương thích cơ sở dữ liệu quản lý mã số mã vạch theo chuẩn mạng GEPIR của quốc gia. Triển khai thử nghiệm và đánh giá khả năng ứng dụng của hệ thống truy xuất nguồn gốc, sản phẩm ngành da - giày. Đánh giá sơ bộ hiệu quả và đề xuất giải pháp cải tiến, mở rộng hệ thống ứng dụng.

Số hồ sơ lưu: 17496

20201. Kỹ thuật điện và điện tử

76194. 09-2021. **Nghiên cứu nội địa hóa các công cụ quy hoạch, thiết kế và vận hành hệ thống điện: tính toán trào lưu công suất**

tối ưu OPF dùng máy tính song song/ ThS. Phạm Vũ Long, ThS. Đặng Thành Trung; KS. Trần Quang Khải; KS. Phạm Minh Quân; KS. Nguyễn Xuân Phúc; KS. Hoàng Văn Lâm; KS. Trần Mạnh Hùng - Hà Nội - Viện năng lượng, 2020 - 11/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tăng tỉ lệ nội địa hóa công cụ quy hoạch, thiết kế và vận hành hệ thống điện (HTĐ), nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật điện, giảm chi phí nhập ngoại, hướng tới quản lý lưới điện thông minh đảm bảo an ninh năng lượng và an ninh mạng. Thêm công cụ tính toán ứng dụng trong việc vận hành (chọn phương án vận hành tối ưu nhằm giảm chi phí nhiên liệu, giảm tổn thất), quy hoạch, thiết kế (tính toán chọn phương án tối ưu) hệ thống điện.

Số hồ sơ lưu: 17051

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..

74122. 09-2021. **Hoàn thiện, làm chủ công nghệ thiết kế, chế tạo Robot công nghiệp 6 bậc tự do và ứng dụng sản phẩm vào dây chuyền sản xuất công nghiệp/** TS. Đỗ Trần Thắng, PGS. TS. Phạm Mạnh Thắng; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Ngô Thị Hồng Huệ; ThS. Lê Chí Công - Hà Nội - Viện Cơ học, 2018 - 07/2015 - 12/2017. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu làm chủ quá trình thiết kế, chế tạo Robot tay máy 6 bậc tự do dạng gọn nhẹ định hướng ứng dụng phù hợp trong môi trường sản xuất vừa và nhỏ, tự động hóa hoàn toàn và bán tự động. Xây dựng, phát triển phần mềm tính toán, mô phỏng và điều khiển Robot. Phân tích, thiết kế và hoàn thiện giải pháp công nghệ phục vụ chế tạo, tích hợp hệ thống Robot 6 bậc tự do. Chế tạo, tích hợp 01 hệ thống Robot 6 bậc tự do. Triển khai ứng dụng hệ thống Robot đã chế tạo vào thực tế.

Số hồ sơ lưu: 16322

78532. 09-2021. **Ứng dụng công nghệ thông tin thiết lập hệ thống camera giám sát cơ động qua mạng internet phục vụ công tác bảo đảm an ninh trật tự ở các vị trí trọng điểm, mục tiêu quan trọng trên địa bàn thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái./** KS. Phạm Ngọc Hữu, CN. Bùi Đức Trung; CN. Hoàng Văn Ngữ; Nguyễn Quốc Phương; KS. Nguyễn Đức Lâm; CN. Vũ Xuân Hiếu - Yên Bái - Công an tỉnh Yên Bái, 2017 - 04/2017 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát tình hình an ninh, trật tự, cơ sở hạ tầng ở những vị trí trọng điểm, mục tiêu quan trọng trên địa bàn thành phố Yên Bái. Tiến hành lựa chọn chủng loại thiết bị, công nghệ để đưa ra giải pháp tối ưu nhất. Nghiên cứu lắp giáp các thiết bị để tạo ra hệ thống camera giám sát cơ động gồm 04 camera cùng với hệ thống nguồn (pin, pin năng lượng ánh sáng, đầu ghi, thiết bị kết nối internet...).

Số hồ sơ lưu: YBI-028-2020

20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông

74082. 09-2021. **Thiết kế và phân tích kỹ thuật bảo mật lớp vật lý trong mạng vô tuyến nhận thức dưới các điều kiện vận hành nghiêm ngặt/** PGS. TS. Hồ Văn Khương, TS. Võ Quế Sơn; PGS. TS. Phạm Hồng Liên; TS. Phạm Ngọc Sơn; ThS. Phạm Thị Đan Ngọc; ThS. Đỗ Đắc Thiêm; ThS. Nguyễn Hữu Phong - Hà Nội - Trường Đại học Bách khoa, 2019 - 10/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiến hành khảo sát các tài liệu về kỹ thuật bảo mật lớp vật lý trong mạng vô tuyến nhận thức để phát hiện các vấn đề mở cần nghiên cứu. Nghiên cứu các nguồn nhiễu non-Gaussian, các kênh truyền fading không đồng nhất, các hàm toán học đặc biệt, và các kỹ thuật phân bố công suất phát cho SU, thông tin kênh truyền không hoàn hảo. Nghiên cứu các kỹ thuật để mô hình hóa các nguồn nhiễu non-Gaussian và sự không hoàn hảo về thông tin kênh truyền cho các kênh truyền fading tổng quát. Thiết kế kỹ thuật bảo mật lớp vật lý hiệu quả trong mạng vô tuyến nhận thức dưới các điều kiện vận hành nghiêm ngặt. Phân tích kỹ thuật bảo mật lớp vật lý hiệu quả được thiết kế trong mạng vô tuyến nhận thức. Nghiên cứu mối quan hệ giữa khả năng bảo mật và độ tin cậy truyền tin của các kỹ thuật bảo mật lớp vật lý đã thiết kế. Tối ưu hóa các thông số hệ thống; tóm tắt tất cả các nghiên cứu đã thực hiện nhằm xem

xét khả năng mở rộng và tạo ra ý tưởng mới.

Số hồ sơ lưu: 16319

76215. 09-2021. **Thiết kế anten thấu kính phẳng cho phép thay đổi hướng bức xạ bằng điện tử./** TS. Nguyễn Bình Dương, TS. Nguyễn Bình Dương; TS. Mai Linh; TS. Nguyễn Ngọc Tĩnh; TS. Trịnh Lê Huy; ThS. Trần Văn Sư; KS. Nguyễn Minh Triết - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Quốc tế, 2020 - 04/2017 - 01/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Trong thiết kế anten thấu kính phẳng, điểm mấu chốt là phải tìm được cấu trúc các phần tử thấu kính cho phép thay đổi pha để có thể bù pha bị thiếu do sự khác nhau của quãng đường đi từ nguồn bức xạ đến mặt các phần tử thấu kính. Mặt khác để có thể điều khiển được hướng bức xạ bằng điện tử, phần tử thấu kính của anten phải có khả năng tích hợp với các linh kiện điện tử như PIN diodes, RF MEMS và đồng thời có khả năng thay đổi pha truyền dẫn khi thay đổi trạng thái ON/OFF của linh kiện điện tử nhằm thay đổi hướng bức xạ khi thay đổi trạng thái làm việc của linh kiện điện tử.

Số hồ sơ lưu: 17083

76218. 09-2021. **Tối ưu quản lý tài nguyên trong mạng di động có lưu trữ nội dung/** TS. Võ Thị Lưu Phương, PGS. TS. Lê Tuấn Anh; TS. Trần Hoàng Nguyên; PGS. TS. Trần Mạnh Hà; CN. Nguyễn Phan Hùng Thuận; CN. Nguyễn Thanh Xuân Tùng - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Quốc tế, 2020 -

05/2016 - 02/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế một giải thuật lưu trữ cho ARN, giải thuật lưu trữ được thiết kế dựa trên mô hình lưu trữ có hợp tác, trong đó các nút hợp tác với nhau để tăng khả năng đáp ứng cho các yêu cầu từ các UE. Các giải thuật lưu trữ phân tán và phản ứng sẽ được nghiên cứu. Nghiên cứu bài toán rộng hơn về phân bố tài nguyên giữa các Slice trong mạng RAN có lưu trữ nội dung.

Số hồ sơ lưu: 17073

20205. Viễn thông

76204. 09-2021. “Nghiên cứu xây dựng mô hình hệ thống mạng không dây phi cấu trúc nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ mạng ứng dụng trong mô hình trường Đại học.”/ ThS. Nguyễn Hoàng Chiến, ThS. Trần Thị Lan Anh; PGS. TS. Phạm Thanh Giang; ThS. Ngô Hải Anh; ThS. Lương Thị Thảo Hiếu; ThS. Trần Quốc Hoàn; ThS. Đoàn Thị Diệp Uyên - Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đề tài đưa ra một cơ chế mà yêu cầu sự thay đổi không lớn về phân lớp IEEE 802.11 MAC chuẩn, hai kiểu mô hình mạng đơn chặng và đa chặng đã được tính toán để đánh giá hiệu quả của cơ chế đưa ra. Đầu tiên, mô hình đơn chặng được sử dụng để chứng thực sự cải thiện khả năng thực thi ở tầng MAC. Sau đó, mô hình đa chặng được sử dụng để chứng thực sự cải thiện khả năng thực thi tại tầng liên kết. Các kết quả

mô phỏng cho thấy cơ chế đưa ra cải thiện sự công bằng cho mỗi luồng, toàn bộ sự thực thi, và môi trường tiện ích của mạng. Những giải pháp đề ra có tính khả thi cao vì được xuất phát từ sự phân tích và đánh giá chặt chẽ kết hợp với ứng dụng trong thực tế. Nếu được thực hiện, các giải pháp có khả năng triển khai trong các hệ thống đòi hỏi tính sẵn sàng cao mà không phụ thuộc vào cơ sở hạ tầng mạng nhằm đạt được sự công bằng và ổn định trong mạng.

Số hồ sơ lưu: 17059

76226. 09-2021. **Nghiên cứu, ứng dụng IoT vào quản lý các bưu cục của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam/** ThS. Vũ Thanh Xuân, ThS. Phan Trọng Lê; KS. Lê Vân Phương; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh; KS. Nguyễn Đình Hoà; ThS. Nguyễn Thị Thanh Mây - Hà Nội - Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống quản lý tập trung GMS (General Monitoring System) và các hệ thống tự động gắn với IoT đã được ứng dụng và phát triển rộng rãi trong một số lĩnh vực như ngành xây dựng, viễn thông, bưu chính,... nhằm hỗ trợ và nâng cao công tác quản lý vận hành CSHT cho các công trình xây dựng, nhà trạm, kho hàng, nhà máy, xí nghiệp, phương tiện vận tải...Việc nghiên cứu, ứng dụng IoT tại các Bưu cục của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam có thể đạt được các mục tiêu cụ thể sau: Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, từng bước chuyển đổi số, thay đổi cách thức hoạt động, nâng cao năng suất

hiệu quả lao động. Tăng cường khả năng kiểm soát chất lượng dịch vụ cung cấp tại bưu cục. Tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng tại bưu cục. Tăng cường an toàn, an ninh, phòng chống cháy nổ tại bưu cục.

Số hồ sơ lưu: 17084

78558. 09-2021. **Ứng dụng công nghệ GIS trong xây dựng phần mềm quản lý hạ tầng bưu chính viễn thông tỉnh Yên Bái/ KS. Trần Hùng, - Yên Bái - Sở Thông tin và Truyền thông, 2017 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Tìm hiểu mô hình tổng thể của hệ thống thông tin chuyên ngành bưu chính viễn thông tỉnh Yên Bái. Nghiên cứu, phân tích, thiết kế, lập trình phần mềm, nghiên cứu xây dựng và tích hợp bản đồ nền đa tỉ lệ dạng webmap của tỉnh Yên Bái đồng thời nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu GIS hạ tầng bưu chính viễn thông trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Số hồ sơ lưu: YBI-041-2020

203. Kỹ thuật cơ khí

77249. 09-2021. **Nghiên cứu thiết kế và chế tạo thiết bị đo tốc độ động cơ bằng phương pháp không tiếp xúc ứng dụng trong công nghiệp/ ThS. Trần Thị Quỳnh Oanh, TS. Đặng Thanh Thủy; TS. Vũ Ngọc Kiên; KS. Nguyễn Thế Thủy; ThS. Cao Thị Mai Phương - Bắc Giang - Trường cao đẳng kỹ thuật công nghiệp, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Tổng quan về thiết bị và phương pháp đo tốc độ động cơ hiện có tại Việt Nam. Đánh giá ưu nhược

điểm của từng phương pháp đo tốc độ động cơ. Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thiết bị đo tốc độ động cơ bằng phương pháp không tiếp xúc. Áp dụng thử nghiệm vào thực tế và đánh giá hiệu quả của thiết bị đã được chế tạo. Xây dựng tài liệu hướng dẫn, thực hành phục vụ công tác đào tạo tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 17509

20302. Chế tạo máy nói chung

76132. 09-2021. **Nghiên cứu, xây dựng quy trình kiểm tra không phá hủy (NDT) ứng dụng để kiểm tra chất lượng và đảm bảo an toàn cho thiết bị chịu áp lực ở Việt Nam/ ThS. Nguyễn Ngọc Hoa, ThS. Ngô Trọng Bính; TS. Hoàng Văn Châu; KS. Lê Anh Chiến; PGS. TS. Đào Quang Kế; ThS. Nguyễn Tiến Phong; KS. Hoàng Văn Minh; KS. Đặng Tùng Lâm; ThS. Nguyễn Minh Tiên; KS. Bùi Mạnh Cường; CN. Ngô Thị Mai Phương; KTV. Nguyễn Trần Vinh Quang; KTV. Nguyễn Thị Hương Trang; KTV. Nguyễn Huy Hoàng; CN. Nguyễn Thị Ngọc Hà Sôphia; TS. Hoàng Minh Thuận; ThS. Nguyễn Việt Hưng; TS. Nguyễn Thanh Tú; ThS. Trần Viết Phú - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ hàn Việt Nam, 2019 - 06/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Thiết lập các Quy trình kiểm tra NDT thống nhất, đồng bộ phục vụ cho kiểm tra, đánh giá chất lượng cho các thiết bị chịu áp lực. Xây dựng các quy trình kiểm tra đánh giá trình độ các Kỹ thuật viên thực hiện

kiểm tra NDT theo từng phương pháp cụ thể. Tập huấn, hướng dẫn cho các cơ sở chế tạo thiết bị chịu áp lực, các tổ chức, cá nhân và các kỹ thuật viên thực hiện kiểm tra chất lượng TBCAL theo các quy trình kiểm tra NDT.

Số hồ sơ lưu: 17095

76180. 09-2021. **Nghiên cứu công nghệ sản xuất thép SCS15 để chế tạo nắp khuôn hộp kết tinh đúc phôi thép/** KS. Nguyễn Hồng Phúc, KS. Trần Đình Cường; KS. Bùi Xuân Bách; ThS. Nguyễn Thị Hằng; CN. Nguyễn Thành Xuân; ThS. Trần Trọng Mạnh - Hà Nội - Viện luyện kim đen, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về công nghệ sản xuất thép hợp kim không gỉ ngoài nước, trong nước. Nhu cầu về nắp khuôn hộp kết tinh và thép SCS15 trong nước. Nghiên cứu xác định công nghệ sản xuất thép mác SCS15 bao gồm: công nghệ luyện thép, công nghệ đúc, công nghệ nhiệt luyện. Xác định được công nghệ sản xuất thép mác SCS15 đạt tiêu chuẩn JIS G5121 (1991) của Nhật Bản, chế tạo 05 nắp khuôn hộp kết tinh đúc phôi thép đạt yêu cầu kỹ thuật của Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung, đánh giá kết quả nghiên cứu và từ đó đưa ra khả năng áp dụng vào thực tiễn sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 17045

20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng

76011. 09-2021. **Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo máy tuyển huyền phù bánh xe đứng cho nhà máy sàng tuyển than Vàng Danh 2/** KS. Cao Ngọc Đầu, TS. Nguyễn Anh; TS. Nguyễn Văn Tân; ThS. Đặng Quang Tuyền; ThS. Lê Văn Lợi; ThS. Ngô Thu Huyền Trang; ThS. Vũ Thị Thùy Dương; KS. Trần Chung Chính; KS. Đào Đình Trung; TS. Trần Ngọc Minh - Hà Nội - Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin, 2018 - 01/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế, chế tạo 02 máy tuyển huyền phù bánh xe đứng (theo mẫu máy CKB-20 của Nga) để cung cấp cho công trình nhà máy sàng tuyển Vàng Danh 2, Công ty Than Vàng Danh - TKV đưa vào phục vụ sản xuất từ quý 4 năm 2017. Làm chủ thiết kế, công nghệ, chế tạo các loại máy tuyển huyền phù bánh xe đứng, phục vụ các công trình tuyển than, quặng trong nước thay thế nhập khẩu, tiến tới xuất khẩu trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: 16859

76019. 09-2021. **Hoàn thiện thiết kế và chế tạo một số loại sàng rung cho nhà máy sàng tuyển than Vàng Danh 2/** ThS. Bạch Đông Phong, TS. La Văn Tửu; ThS. Nguyễn Chân Phương; ThS. Lê Văn Lợi; TS. Lê Thùy Dương; TS. Trần Ngọc Minh; KS. Vũ Chí Cao; KS. Hoàng Hiếu Minh; ThS. Phạm Thị Thu Thủy; ThS. Nguyễn Mạnh Hoàng - Hà Nội - Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin, 2018 -

12/2015 - 06/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu xây dựng phần mềm hỗ trợ tính toán thiết kế sàng rung. Hoàn thiện tài liệu tính toán, bộ bản vẽ thiết kế, bộ quy trình công nghệ chế tạo 12 loại sàng rung. Xây dựng bộ tài liệu thiết kế, lắp đặt, vận hành cho 12 loại sàng rung. Chế tạo, lắp ráp, chạy thử nghiệm không tải và có tải, đưa vào sử dụng 19 sàng rung.

Số hồ sơ lưu: 16875

77236. 09-2021. **Nghiên cứu hoàn thiện thiết kế, chế tạo và thử nghiệm đầu dò dòng xoáy kiểm tra không phá hủy/** TS. Nguyễn Văn Thủy, CN. Luyện Thị Thu Hằng; KS. Đỗ Tùng Khánh; TS. Huỳnh Thượng Hiệp; ThS. Nguyễn Việt Anh; CN. Trịnh Đình Trường; TS. Vương Hoàng Nam; CN. Đỗ Minh Đức; ThS. Hoàng Cường - Hà Nội - Viện nghiên cứu thử nghiệm không phá hủy (RINDT), 2020 - 03/2014 - 03/2016. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiến hành nghiên cứu hoàn thiện lý thuyết thiết kế và chế tạo thử nghiệm một số loại đầu dò tích hợp trên thiết bị hiện có. Đánh giá chất lượng đầu dò được thiết kế và chế tạo. Từ các kết quả nghiên cứu đạt được sẽ phát triển lý thuyết thiết kế chế tạo phù hợp điều kiện Việt Nam trong việc thiết kế chế tạo các loại đầu dò khác nhau để đáp ứng nhu cầu kiểm tra ECT của các nhà máy nhiệt điện hóa dầu trong nước.

Số hồ sơ lưu: 17500

20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng

75454. 09-2021. **Nghiên cứu ứng dụng hệ polythiophene biến tính trong pin mặt trời hữu cơ** / ThS. Lưu Tuấn Anh, Nguyễn Trần Hà; Vương Vĩnh Đạt; Nguyễn Hữu Tâm; Trương Thu Thủy - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, 2018 - 08/2016 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Tổng hợp polythiophene biến tính trên cơ sở các monomer 2,2'-(3-hexylthiophene-2,5- diyl)bis(4,4,5,5-tetramethyl-1,3,2- dioxaborolane) và tris(4-bromophenyl)amine (P3HTBTTPA). Đánh giá cấu trúc và tính chất của polythiophene biến tính P 3HTBTTPA. Tổng hợp và đánh giá cấu trúc , tính chất của các chất hoạt quang cấu trúc BHJ . Chế tạo pin OSC cấu trúc BHJ bằng công nghệ spincoating sử dụng lớp hoạt quang P3HT/PC61BM (pin mặt trời i OSC loại 1). Chế tạo pin OSC cấu trúc BHJ bằng công nghệ spincoating sử dụng lớp hoạt quang P3HTTBTPA/PC61BM (pin mặt trời OSC loại 2). Đánh giá đặc tính kỹ thuật pin mặt trời OSC có lớp hoạt quang P3HT/PC61BM và P3HTTBTPA/PC61BM.

Số hồ sơ lưu: HCM-0217-2018

76191. 09-2021. **Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của Nhà máy điện mặt trời nổi lưới đến lưới điện phân phối của địa phương/** TS. Nguyễn Anh Tuấn, KS. Lê Văn Hùng; KS. Nguyễn Văn An; ThS. Vũ Bình Dương; ThS. Vũ Ngọc Đức; KS. Đặng Hương Giang; ThS.

Trần Tuấn Dương - Hà Nội - Viện năng lượng, 2020 - 11/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá các tác động của Nhà máy điện mặt trời qui mô từ 5-20 MW khi vận hành thương mại tới lưới điện phân phối của địa phương (lưới 22/35kV). Trên cơ sở nghiên cứu tập hợp các tài liệu nghiên cứu trong và ngoài nước về các phương pháp tiếp cận và tính toán sẽ lựa chọn phương pháp phù hợp để nghiên cứu trong đề tài. Tiến hành thu thập các dữ liệu, số liệu, thông số... báo cáo cần thiết liên quan đến điều kiện vận hành nhà máy điện mặt trời, lưới điện địa phương... để từ đó tính toán mô phỏng các ảnh hưởng của đầu nối nhà máy điện mặt trời vào lưới trung áp. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng tác động.

Số hồ sơ lưu: 17046

20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân

76075. 09-2021. **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị chiếu xạ gamma dùng nguồn phóng xạ đã qua sử dụng/** TS. Nghiêm Xuân Khánh, KS. Vũ Tiến Hà; KS. Đinh Chí Hưng; KS. Trần Đăng Mạnh; ThS. Nguyễn Đỗ Kiên; KS. Nguyễn Đức Huyền; ThS. Nghiêm Xuân Long; KS. Đặng Thanh Dũng; CN. Đỗ Minh Đức; TS. Lê Đức Thảo - Hà Nội - Trung tâm Đánh giá không phá hủy (NDE), 2019 - 10/2016 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan ứng dụng năng lượng nguyên tử trong chọn tạo giống nông nghiệp. Thiết

kế, chế tạo thiết bị chiếu xạ gamma có đặc tính kỹ thuật như sau: Thể tích buồng chiếu đáp ứng chiếu xạ cho công thức 500 hạt/lần hoặc 05 bình tam giác thể tích 200ml/lần; Thiết bị cho phép chiếu đồng thời nhiều công thức với liều chiếu khác nhau tùy theo vị trí đặt mẫu chiếu; Thiết bị đáp ứng thời gian chiếu tối đa 72 giờ cho liều chiếu 300Gy và tối đa 5 giờ cho liều chiếu 50Gy; Đảm bảo an toàn điều khiển, vận hành; Đảm bảo an toàn bức xạ; Có phương án ứng phó sự cố phóng xạ phù hợp. Các phương pháp xác định liều chiếu của thiết bị chiếu xạ gamma. An toàn bức xạ trong nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị chiếu xạ gamma. Chiếu xạ thử nghiệm bằng thiết bị chiếu xạ gamma dùng nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

Số hồ sơ lưu: 16913

77282. 09-2021. **Tính toán ảnh hưởng của nhiên liệu có chứa Actini hiếm đến tính toán vật lý và an toàn lò phản ứng năng lượng VVER (V491)/** ThS. Trần Vĩnh Thành, KS. Nguyễn Thị Mai Hương; TS. Phạm Như Việt Hà; ThS. Trần Việt Phú; ThS. Tạ Duy Long; ThS. Nguyễn Hữu Tiệp; CN. Nguyễn Thị Dung; ThS. Bùi Duy Linh; KS. Nguyễn Huy Hiệp - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2019 - 01/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tính toán quá trình cháy nhiên liệu trong lò phản ứng VVER-1200, đưa ra báo cáo xác định tổng lượng các đồng vị Actini hiếm sinh ra và khả năng tiêu hủy các chất thải phóng xạ trong quá trình vận hành

của lò phản ứng. Nghiên cứu nhiên liệu có chứa Actini hiếm, phân tích ảnh hưởng của nhiên liệu chứa Actini hiếm đến các đặc trưng vật lý và an toàn của lò phản ứng VVER-1200. Nâng cao năng lực tính toán vật lý và an toàn lò phản ứng năng lượng VVER (V491).

Số hồ sơ lưu: 17514

204. Kỹ thuật hóa học

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)

76624. 09-2021. **Nghiên cứu, xây dựng quy trình sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh dùng cho cây ngô/** ThS. Nguyễn Thị Lan Anh, ThS. Hoàng Phương Lan; TS. Lê Đăng Quang; TS. Nguyễn Mai Cương - Hà Nội - Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, xây dựng quy trình tạo sinh khối có chứa 03 chủng vi sinh vật (Chủng *Paenibacillus polymyxa*; Chủng *Bacillus subtilis* và Chủng *Trichoderma viride*) - Quy trình tạo ra chế phẩm vi sinh vật gốc phù hợp làm thành phần của phân bón hữu cơ vi sinh. Nghiên cứu quy trình sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh dùng cho cây ngô quy mô 10 lít/mẻ. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho phân bón hữu cơ vi sinh đã sản xuất (theo quy định tại Nghị định 108/2017/NĐ-CP). Sản xuất thử phân bón hữu cơ vi sinh. Đánh giá chất lượng sản phẩm phân bón hữu cơ vi sinh (theo tiêu chuẩn cơ sở đã xây dựng). Khảo nghiệm phân bón hữu cơ vi sinh trên cây ngô quy mô đồng

ruộng diện hẹp. Xây dựng hướng dẫn sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh đã sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 17304

205. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim

20503. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim màu

76193. 09-2021. **Nghiên cứu công nghệ chế tạo đầu xoắn dây máy bó thép thanh bằng thép gió mác SKH51/ KS.** Dư Công Thanh, KS. Bùi Xuân Bách; ThS. Nguyễn Thị Hằng; KTV. Phạm Ngọc Hoa; KTV. Nguyễn Thanh Hải; KTV. Nguyễn Đăng Khoát; KS. Lê Văn Nguyên; KS. Phạm Văn Lâm - Hà Nội - Viện luyện kim đen, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu công nghệ sản xuất thép gió SKH 51 bao gồm: Công nghệ nấu luyện, công nghệ tinh luyện, công nghệ gia công áp lực, công nghệ nhiệt luyện và gia công chế tạo sản phẩm; Nghiên cứu xác định, đánh giá chất lượng sản phẩm về thành phần hóa học, độ cứng và tổ chức tế vi của thép nghiên cứu; Chế tạo 10 chi tiết đầu xoắn dây buộc máy bó thép thanh bằng thép nghiên cứu, lắp đặt dùng thử đánh giá chất lượng sản phẩm. Bằng cách sử dụng thiết bị trong nước và tận dụng các nguyên liệu sẵn có trong nước, nhóm thực hiện nhiệm vụ đã xác lập được Quy trình công nghệ để chế tạo thép gió SKH 51 bao gồm: Công nghệ nấu luyện; Công nghệ tinh luyện; Công nghệ gia công áp lực; Công nghệ nhiệt luyện; Công nghệ

gia công cơ khí sản phẩm thép SKH51.

Số hồ sơ lưu: 17055

20505. Cán kim loại; kéo kim loại; sản xuất sản phẩm kim loại; sản xuất ống kim loại, v.v..

76236. 09-2021. **Nano tấm Pd/M (M = Au, Pt) mới lạ với tính chất quang và hoạt tính xúc tác cao/** TS. Trần Thị Bích Quyên, PGS. TS. Đoàn Văn Hồng Thiện; PGS. TS. Bùi Lê Anh Tuấn; TS. Lương Huỳnh Vũ Thanh - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2020 - 04/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp được nano tấm mới lạ Pd/M (M = Au, Pt) nanosheets với cấu trúc lõi/vỏ (core/shell) và composite. Đồng thời, thử hoạt tính xúc tác và khảo sát khả năng tăng cường tính chất quang của vật liệu nano tấm Pd/M (M = Au, Pt); ứng dụng làm chất xúc tác (xúc tác fuel cells) cho sự oxi hóa của methanol bởi phương pháp điện hóa (CV) và là chất nền cho việc phát hiện chất màu bởi phương pháp Raman (SERS).

Số hồ sơ lưu: 17081

20510. Gốm

76182. 09-2021. **Nghiên cứu, ứng dụng mô hình đổi mới sinh thái cho các doanh nghiệp trong ngành sản xuất sản phẩm gốm sứ công nghiệp/** TS. Chu Văn Giáp, TS. Nguyễn Thành Đông; ThS. Trần Hoàng Ánh Ngọc; KS. Phan Thị Thúy Nga; KS. Nguyễn Thu Diệu; KS. Bùi Trường Chinh; CN. Trần

Thị Nga; CN. Nguyễn Thị Thùy Linh; CN. Nguyễn Thị Hồng Vân - Hà Nội - Viện nghiên cứu sành sứ thủy tinh công nghiệp, 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn áp dụng mô hình đổi mới sinh thái cho các doanh nghiệp ngành sản xuất sản phẩm gốm sứ công nghiệp; Xây dựng 04 mô hình điểm áp dụng đổi mới sinh thái cho các doanh nghiệp trong ngành sản xuất sản phẩm gốm sứ công nghiệp; Tổ chức 02 khóa tập huấn hướng dẫn áp dụng đổi mới sinh thái cho các doanh nghiệp ngành sản xuất sản phẩm gốm sứ công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 17047

20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ

77251. 09-2021. **Nghiên cứu, thiết kế, xây dựng hệ thống pilot chế biến xỉ titan thành sản phẩm TiCl₄ và TiO₂ công suất 50kg/h/** GS.TS. Phan Đình Tuấn, TS. Lý Cẩm Hùng; TS. Hoàng Minh Nam; PGS.TS. Đỗ Quang Minh; PGS.TS. Lê Văn Lữ; ThS. Kiều Đỗ Trung Kiên; ThS. Nguyễn Phan Khánh Thịnh; ThS. Trần Duy Hải; ThS. Vũ Lê Văn Khánh; ThS. Trần Anh Khoa - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM, 2019 - 11/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình công nghệ và thiết bị quy mô pilot, năng suất 50kg/h để clo hóa xỉ titan, sản xuất TiCl₄ đạt tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ cho việc chế tạo bột TiO₂ pigment ứng dụng trong sản xuất sơn

nước cụ thể: Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất và tinh chế $TiCl_4$ từ xỉ titan năng suất 50kg/h; Xây dựng quy trình công nghệ chế tạo bột TiO_2 từ $TiCl_4$ đạt tiêu chuẩn bột màu ứng dụng được trong sản xuất sơn nước; Xây dựng quy trình công nghệ xử lý môi trường, đảm bảo an toàn trong quá trình chế tạo; Thiết bị clo hóa ở nhiệt độ cao, phục vụ cho việc clo hóa xỉ titan, năng suất 50kg/h; Ít nhất 1000 kg $TiCl_4$ có độ sạch đạt và vượt mức 99% để làm nguyên liệu sản xuất 500kg TiO_2 đạt tiêu chuẩn pigment.

Số hồ sơ lưu: 17501

20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)

76234. 09-2021. **Nghiên cứu chế tạo vật liệu tổ hợp nano rGO/SMO nhằm ứng dụng cho cảm biến khí/** GS. TS. Nguyễn Đức Hòa, PGS. TS. Bùi Thị Hằng; TS. Phạm Văn Tông; ThS. Đặng Ngọc Sơn; ThS. Chu Thị Quý; KTV. Hoàng Quốc Khanh; ThS. Đỗ Quang Đạt - Hà Nội - Viện Đào tạo Quốc tế về Khoa học Vật liệu (ITIMS), 2019 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu quy trình ổn định tổng hợp vật liệu nano ô xít kim loại bán dẫn (SMO), vật liệu rGO, và vật liệu tổ hợp nano rGO/SMO, đồng thời nắm được cơ chế hình thành vật liệu rGO/SMO, mối liên hệ giữa vi cấu trúc và tính chất vật liệu, quy trình ổn định chế tạo vật liệu tổ hợp nano rGO/SMO với số lượng lớn (cỡ

gram) đáp ứng được yêu cầu trong ứng dụng cảm biến khí. Đưa ra kết luận về khả năng nhạy khí của vật liệu nano tổ hợp rGO/SMO, từ đó tiến tới nâng cao phẩm chất của cảm biến

Số hồ sơ lưu: 17087

20513. Gỗ, giấy, bột giấy

76073. 09-2021. **Nghiên cứu công nghệ chế tạo giấy thấm sử dụng để kiểm tra độ hút nước của giấy./** KS. Đào Sĩ Hinh, KS. Nguyễn Thị Hằng; KS. Nguyễn Thế Sáng; KS. Đoàn Thị Lệ Huyền; KS. Nguyễn Đình Hải - Hà Nội - Viện công nghiệp giấy và xenlulô, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, đánh giá tiềm năng sử dụng giấy thấm để kiểm tra độ hút nước của giấy tại Việt Nam. Nghiên cứu chế độ công nghệ chế tạo giấy thấm sử dụng để kiểm tra độ hút nước của giấy. Chế tạo thử nghiệm 10.000 tờ giấy thấm sử dụng để kiểm tra độ hút nước của giấy. Thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp về chất lượng của giấy thấm sử dụng để kiểm tra độ hút nước của giấy. Đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật của quy trình công nghệ được xác lập.

Số hồ sơ lưu: 16914

76074. 09-2021. **Hoàn thiện công nghệ và thiết bị sản xuất giấy chống thấm dầu mỡ dùng cho bao gói thực phẩm khô/** KS. Đỗ Thị Thu Nguyệt, KS. Vũ Thị Kiều Loan; KTV. Hoàng Văn Trình; KS. Mai Bảo Ngọc; TS. Đặng Văn Sơn - Hà Nội - Viện công nghiệp giấy và

xenluy lô, 2019 - 01/2018 - 12/2019.
(Đề tài cấp Bộ)

Ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài “Nghiên cứu công nghệ sản xuất giấy chống thấm dầu mỡ dùng cho bao gói thực phẩm khô” để sản xuất giấy chống thấm dầu mỡ đạt chất lượng tương đương với sản phẩm nhập khẩu trên thị trường đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng. Hoàn thiện công nghệ và thiết bị sản xuất giấy chống thấm dầu mỡ với quy mô 1,5 tấn/ngày. Sản xuất được 150 tấn giấy chống thấm dầu mỡ dùng cho bao gói thực phẩm khô đạt các chỉ tiêu chất lượng theo tiêu chuẩn Liên bang Nga GOST 1760:2014 và tiêu chuẩn Ấn Độ IS 6622:1972 Reaffirmed 1999. Tạo ra sản phẩm mới có khả năng cạnh tranh và tiêu thụ trên thị trường trong nước.

Số hồ sơ lưu: 16915

206. Kỹ thuật y học

20601. Kỹ thuật và thiết bị y học

76949. 09-2021. Làm chủ công nghệ sản xuất chỉ khâu phẫu thuật phủ chất kháng khuẩn nano bạc sử dụng trong y tế công suất 2 triệu m/năm/ KS. Cao Thị Vân Diễm, KS. Đào Thượng Quân; ThS. Tô Văn Long; KS. Bùi Công Nam; KS. Trần Thị Quỳnh Mai; KS. Đỗ Thị Hồng Nhung; PGS.TS. Lê Hùng Anh; PGS.TS. Hà Kim Trung; PGS.TS. Nguyễn Văn Sơn; ThS. Lê Thị Hồng Nhung; ThS. Bùi Việt Dũng; ThS. Lê Thị Hồng Minh - Tp. Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Nhà máy Thiết bị Y học và Vật liệu sinh

học, 2019 - 06/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu và làm chủ quy trình công nghệ sản xuất chỉ khâu phẫu thuật (CKPT) kháng khuẩn nano bạc từ khâu chế tạo dung dịch kháng khuẩn đến các khâu hoàn thiện sản phẩm. Các quy trình triển khai sản xuất thử nghiệm sản phẩm được thể hiện qua các báo cáo chuyên đề và được kiểm tra đánh giá các chỉ tiêu thông số của quá trình sản xuất, thông số của sản phẩm, đưa vào ứng dụng cho giai đoạn sản xuất thử nghiệm, sản xuất lô số 0 chất lượng đạt yêu cầu. Xây dựng quy trình sản xuất CKPT phủ nano, sản xuất thử nghiệm, đánh giá sinh học, đánh giá trên lâm sàng để xác định độ an toàn và hiệu quả của sản phẩm CKPT phủ nano. Hoàn thành các thủ tục để xin lưu hành sản phẩm tại thị trường Việt nam và xây dựng chiến lược truyền thông phát triển cho sản phẩm CKPT ở trong và ngoài nước.

Số hồ sơ lưu: 17376

20602. Kỹ thuật phân tích mẫu bệnh phẩm

76207. 09-2021. Thiết kế, tổng hợp, thử tác dụng kháng ung thư của một số dẫn chất acylhydrazon mới hướng hoạt hóa caspase/ TS. Trần Phương Thảo, TS. Phạm Thế Hải; GS. TS. Nguyễn Hải Nam; ThS. Trần Thị Lan Hương; KTV. Trần Quốc Trung; KTV. Đỗ Thị Mai Hương; KTV. Phạm Thị Hoa - Hà Nội - Trường Đại học Dược Hà Nội, 2020 - 12/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế và tổng hợp được 40-50 dẫn chất acylhydrazon mới có cấu trúc độc đáo, đa dạng hướng hoạt hóa enzym caspase và gây độc với tế bào ung thư. Thử hoạt tính sinh học: Thử tác dụng hoạt hóa caspase* và độc tính tế bào ung thư (in vitro) của các dẫn chất tổng hợp được; Thử tác dụng chống ung thư in vivo của một số dẫn chất có độc tính tế bào in vitro mạnh. Thiết lập được mối liên quan cấu trúc, tác dụng hoạt hóa caspase của các dẫn chất tổng hợp được.

Số hồ sơ lưu: 17064

20604. Kỹ thuật chẩn đoán bệnh

76230. 09-2021. Nghiên cứu chế tạo cảm biến sinh học điện hóa có độ nhạy và chọn lọc cao dựa trên vật liệu carbon nanotubes và graphene/ TS. Nguyễn Xuân Viêt, PGS. TS. Nguyễn Xuân Hoàn; TS. Trương Thanh Tú; CN. Phạm Thị Hoa; ThS.Vũ Văn Dũng - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 04/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chế tạo cảm biến sinh học điện hóa dựa trên nền vật liệu cacbon nanotube và graphene kết hợp với hạt nano kim loại (Au, Ag, Cu, Ni v.v.) nhằm phát hiện sớm sự thay đổi bất thường một số chất đánh dấu sinh học như hCG, PSA, dopamine, glucose phục vụ chẩn đoán sớm một số bệnh hiểm nghèo ở người như ung thư, Parkinson, tiểu đường. Sử dụng những phương pháp hợp lí, trong điều kiện ở Việt nam để biến tính, nâng cao hoạt động điện hóa của hệ ba điện cực trong cảm

biến sinh học điện hóa. phát triển hệ cảm biến sinh học điện hóa có độ nhạy và độ chọn lọc cao trong việc phát hiện các chất đánh dấu sinh học (hCG, glucose, dopamine v.v.) trong nghiên cứu chẩn đoán sớm một số bệnh ở người. Tiến tới đưa kết quả nghiên cứu vào ứng dụng trong thực tế.

Số hồ sơ lưu: 17089

207. Kỹ thuật môi trường

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật

74119. 09-2021. Nghiên cứu đánh giá công tác quản lý an toàn trong hoạt động kinh doanh khí (LPG/LNG/CNG) và đề xuất nội dung và kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn/ KS. Nguyễn Đăng Doanh, KS. Nguyễn Quang Anh; KS. Tạ Minh Đức; KS. Lý Việt Hưng; KS. Thang Hoàng Hà; KS. Lưu Văn Hùng; KS. Nguyễn Thanh Bình; KS. Dương Công Tăng; ThS. Đào Trọng Kiên; ThS. Khuất Đình Cường - Hà Nội - Trung tâm Hỗ trợ Kỹ thuật an toàn công nghiệp, 2018 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan, rà soát các tiêu chuẩn quốc tế trong lĩnh vực kinh doanh khí LPG, LNG, CNG được xây dựng; Khảo sát, đánh giá hiện trạng sản xuất liên quan đến LPG, LNG, CNG; Nghiên cứu, rà soát, đánh giá hiện trạng quy chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn Việt Nam trong lĩnh vực LPG. Định hướng nội dung quy chuẩn Việt Nam xây dựng trong lĩnh vực LPG; Nghiên cứu, rà soát, đánh giá hiện trạng quy chuẩn

Việt Nam, tiêu chuẩn Việt Nam trong lĩnh vực LNG. Định hướng nội dung quy chuẩn Việt Nam xây dựng trong lĩnh vực LNG, CNG.

Số hồ sơ lưu: 16325

76197. 09-2021. **Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật xử lý ô nhiễm chất hữu cơ và giảm thiểu phát sinh khí gây mùi (sunfua) trong nước sông nội đô ở miền Bắc Việt Nam/** ThS. Lương Duy Hanh, ThS. Biện Tuấn Anh; TS. Dương Thị Thanh Xuyên; TS. Nguyễn Hữu Huân; TS. Dương Ngọc Bách; KS. Vũ Tài Huy; KS. Phí Phương Hạnh; ThS. Phạm Hùng Sơn; ThS. Võ Thịnh Hiền; ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; GS. TSKH. Dương Đức Tiến; ThS. Nguyễn Xuân Huân; ThS. Trần Thị Hằng; ThS. Phạm Tiến Đức; KS. Phí Thị Ly; CN. Ngô Ngọc Anh - Hà Nội - Cục Bảo vệ môi trường miền Bắc, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2019 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiện trạng chất lượng nước sông nội đô miền Bắc Việt Nam; Điều tra, khảo sát, phân tích, đánh giá chất lượng nước thải theo các nguồn; Nghiên cứu các giải pháp xử lý nước sông giảm thiểu ô nhiễm CHC và giảm phát sinh khí gây mùi bằng các chất ô xy hóa khác nhau; Tính toán lượng phát sinh khí gây mùi (sunfua) tại các sông nội đô thành phố Hà Nội làm căn cứ đề xuất giải pháp giảm thiểu; Đề xuất giải pháp kỹ thuật xử lý giảm thiểu ô nhiễm CHC và giảm phát sinh khí gây mùi (sunfua) trong nước sông nội đô.

Số hồ sơ lưu: 17060

76386. 09-2021. **Nghiên cứu phát triển công nghệ thích ứng xử lý bùn hữu cơ thu khí sinh học phát điện/** TS. Trương Thị Hòa, PGS. TS. Đỗ Văn Mạnh; PGS. TS. Tăng Thị Chính; ThS. Lê Xuân Thanh Thảo; ThS. Nguyễn Việt Hoàn; KS. Huỳnh Đức Long; TS. Đỗ Tuấn Anh; ThS. Lê Minh Tuấn; ThS. Đặng Thị Mai Anh; ThS. Trần Thanh Hải Tùng - Hà Nội - Viện Công nghệ môi trường, 2019 - 10/2018 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình công nghệ xử lý bùn hữu cơ thu khí sinh học phát điện phù hợp với điều kiện Việt Nam (điều kiện kinh tế, xã hội, môi trường) và có khả năng nhân rộng. Xây dựng mô hình xử lý bùn hữu cơ thu khí sinh học phát điện. Thúc đẩy một số lĩnh vực liên quan, đặc biệt là hệ thống xử lý bùn thải có nồng độ hữu cơ cao và các công nghệ tách khí sinh học phức tạp và vận hành cho phát điện. Không chỉ áp dụng cho phân hủy bùn thải của các trạm xử lý nước thải, mà công nghệ này còn có thể được áp dụng cho nhiều loại chất thải có nguồn gốc khác nhau chẳng hạn như: ngành chăn nuôi, vệ sinh công cộng, phế thải nông nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 17078

78597. 09-2021. **Nghiên cứu, chế tạo lò đốt rác thải y tế ở các trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh Yên Bái/** KS. Đặng Văn Thắng, - Yên Bái - Công ty TNHH cơ khí và xây

lắp Hồng Hà, 2017 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thiết kế và chế tạo hoàn thiện lò đốt rác thải y tế tại các trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh Yên Bái phù hợp với điều kiện, nhu cầu của các trạm y tế xã nhằm giảm chi phí xử lý rác thải. Tiến hành xây dựng mô hình lò đốt rác thải y tế tại trạm y tế xã Tuy Lộc - thành phố Yên Bái và xây dựng hướng dẫn, vận hành, bảo quản lò đốt rác thải y tế cũng như xây dựng quy trình đốt rác thải y tế.

Số hồ sơ lưu: YBI-051-2020

20702. Kỹ thuật dầu khí (dầu mỏ, khí đốt)

74118. 09-2021. **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn, xây dựng tài liệu huấn luyện về đánh giá rủi ro tại nơi làm việc đối với các cơ sở tồn chứa LPG/ KS.** Nguyễn Hữu Dũng, TS. Trần Văn Lượng; KS. Nguyễn Văn Nam; KS. Trần Danh Thăng; KS. Đỗ Việt Mỹ; KS. Trần Đức Thọ; KS. Nguyễn Quang Huy; KS. Nguyễn Quang Anh - Hà Nội - Cục Kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp, 2018 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan, rà soát các quy định quốc tế có liên quan đến đánh giá rủi ro cơ sở tồn chứa LPG. Rà soát các quy định đối với các cơ sở tồn chứa LPG. Đánh giá hiện trạng cơ sở tồn chứa LPG. Tổng hợp hiện trạng công tác đánh giá, quản lý rủi ro cơ sở tồn chứa LPG. Nghiên cứu, tổng hợp các nội dung đánh giá rủi ro tại nơi làm việc đối với cơ sở tồn chứa LPG. Nghiên cứu, biên soạn, dự thảo tài liệu huấn

luyện. Trên cơ sở đó, nhóm thực hiện nhiệm vụ đã xây dựng tài liệu huấn luyện về đánh giá rủi ro định tính tại nơi làm việc đối với cơ sở tồn chứa khí dầu mỏ hóa lỏng.

Số hồ sơ lưu: 16326

209. Công nghệ sinh học công nghiệp

76634. 09-2021. **Tạo dòng, biểu hiện và thu nhận Tobacco Etch Virus Protease (TEV) và Human Rhinovirus 3C Protease (HRV3C) ở Bacillus subtilis/ PGS.TS. Nguyễn Đức Hoàng, PGS. TS. Phan Thị Phương Trang; ThS. Trương Thị Tinh Tươi; ThS. Lê Dương Vương; CN. Nguyễn Ngọc Yến Nhi; CN. Phan Thị Thu Hạnh; ThS. Huỳnh Quốc Việt; GS. Wolfgang Schumann - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Khoa học và Công nghệ Sinh học, 2019 - 10/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Hoàn thành mục tiêu ban đầu đặt ra là tạo dòng, biểu hiện và thu nhận Tobacco Etch Virus Protease (TEV) và Human Rhinovirus 3C Protease (HRV3C) ở Bacillus subtilis. Việc sản xuất các protease TEV HRV3C protease trên B. subtilis là hoàn toàn khả thi. Biểu hiện hai loại protease đóng vai trò quan trọng trong công nghệ tinh chế protein này từ chủng chủ an toàn Bacillus subtilis sẽ là tiền đề thúc đẩy khả năng ứng dụng chúng trong công nghệ protein tái tổ hợp phục vụ trong lĩnh vực y dược và thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: HCM-020-2020

20901. Các công nghệ xử lý sinh học (các quá trình công nghiệp dựa vào các tác nhân sinh học để vận hành quy trình), xúc tác sinh học; lên men

78533. 09-2021. **Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống xử lý chất thải trong chăn nuôi lợn tại Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Văn Lãng, huyện Yên Bình/ KS. Phùng Thế Hồng, - Yên Bái - Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Văn Lãng, 2016 - 01/2016 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)**

Hoàn thiện hệ thống xử lý chất thải trong chăn nuôi lợn tại 05 hộ xã viên Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Văn Lãng, mỗi hộ lắp đặt thêm 01 hầm biogas compóite song song với hầm biogas xây bằng gạch; 01 bể lắng lọc và 01 hệ thống ống dẫn nước thải vào nơi quy định. Tiến hành đánh giá hiệu quả sử dụng của hệ thống xử lý chất thải trong chăn nuôi lợn đã được hoàn thiện tại Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Văn Lãng để khuyến cáo nhân rộng.

Số hồ sơ lưu: YBI-029-2020

211. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống

76961. 09-2021. **Nghiên cứu công nghệ tích hợp hóa sinh chế biến rượu vang chất lượng cao từ quả điều/ TS. Nguyễn Văn Khoa, TS. Đỗ Mạnh Huy; ThS. Nguyễn Minh Hiền; ThS. Trần Thị Tường An; ThS. Võ Thị Thu Giang; GS.TS. Lê Văn Việt Mẫn; ThS. Dương Phước Đạt; KS. Đặng Hồng Chuyên; KS. Dương Huỳnh Thanh Linh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Nơ; ThS.**

Trần Bội An; CN. Nguyễn Minh Tý - TP. Hồ Chí Minh - Viện Công nghệ Hóa Học, 2019 - 10/2016 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình công nghệ tiên tiến sản xuất rượu vang đặc sản chất lượng cao từ quả điều đạt hàm lượng tanin < 0,15%. Xây dựng bộ tiêu chuẩn cơ sở đối với sản phẩm và mô hình chế biến rượu vang từ quả điều quy mô 100 lít/mẻ. Sản phẩm rượu vang từ quả điều: 300 lít đạt tiêu chuẩn cơ sở. Bước đầu nghiên cứu thành công quy trình chế biến rượu vang điều từ quả điều tươi sau thu hoạch. Sản phẩm có hương vị thơm đặc trưng của điều, giàu dinh dưỡng, khả năng kháng oxi hóa cao, tốt cho sức khỏe. Tạm tính chi phí giá thành sản phẩm có tính cạnh tranh cao so với các sản phẩm rượu vang hoa quả khác trên thị trường.

Số hồ sơ lưu: 17382

77035. 09-2021. **Hoàn thiện quy trình sản xuất và phát triển sản phẩm mới chè xanh viên nén phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu/ ThS. Phùng Trọng Thọ, ThS. Lê Thị Thu Phương; ThS. Phan Anh Châu; ThS. Nguyễn Việt Hưng; CN. Cao Thị Việt Anh; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hải; CN. Lê Thị Lan; ThS. Nguyễn Mạnh Hùng; KS. Ngô Đức Tú; KS. Vũ Đình Chương; ThS. Đỗ Tiến Thành - Phú Thọ - Trường cao đẳng công nghệ thực phẩm, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Sản xuất thành công sản phẩm chè xanh dạng viên, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm chè của tỉnh Tuyên Quang ở thị trường trong

nước và quốc tế. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất chè xanh dạng viên nén từ một số giống chè có tiềm năng để sản xuất chè xanh chất lượng cao. Lựa chọn một số máy và thiết bị thích hợp để sản xuất chè xanh dạng 13 viên nén. Sản xuất 10 tấn chè xanh dạng viên nén có chất lượng tốt. Đào tạo, tập huấn cho 5 cán bộ kỹ thuật và 20 công nhân thành thạo quy trình sản xuất chè viên dạng viên nén cho Công ty Cổ phần Chè Sông Lô.

Số hồ sơ lưu: 17390

21101. Kỹ thuật thực phẩm

76216. 09-2021. **Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất nước giải khát từ quả la hán và nấm linh chi phục vụ tiêu dùng và đào tạo/** ThS. Đào Thị Hiên, ThS. Trần Thị Ngọc Oanh; ThS. Phan Anh Châu; TS. Đào Thị Việt Hà; KS. Nguyễn Thị Hòa; ThS. La Thị An; KS. Lê Việt Đức; ThS. Nguyễn Thị Hà Trang; ThS. Phạm Thị Diễm Hằng - Phú Thọ - Trường cao đẳng công nghiệp thực phẩm, 2019 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thử nghiệm chế biến “nước giải khát từ quả la hán và nấm linh chi” không sử dụng đường saccharose nhằm: Cung cấp sản phẩm tốt cho sức khỏe mà những người bị bệnh béo phì, tiểu đường, tim mạch và những người trong giai đoạn ăn kiêng sử dụng được. Đa dạng hoá các sản phẩm nước giải khát trên thị trường. Liệt kê vào các sản phẩm chức năng trên thị trường.

Số hồ sơ lưu: 17077

299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác

76633. 09-2021. **Giải pháp thông gió tự nhiên sử dụng nguồn nhiệt bức xạ mặt trời trong điều kiện thời tiết ở Thành phố Hồ Chí Minh/** PGS. TS. Nguyễn Quốc Ý, TS. Huỳnh Bá Phước; PGS. TS. Nguyễn Quốc Ý; PGS. TS. Nguyễn Thị Bảy; ThS. Hà Phương; ThS. Lê Thanh Thuận; ThS. Trần Thị Mỹ Hồng - TP. Hồ Chí Minh - Viện khoa học và công nghệ tính toán, 2019 - 09/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tìm hiểu đặc tính làm việc của ống khói nhiệt hai kênh, so sánh đặc tính làm việc của ống khói nhiệt hai kênh với loại một kênh thông thường ở các kích thước đồng dạng với ống khói nhiệt trong các công trình thực tế. Nghiên cứu đặc tính làm việc của ống khói nhiệt hai kênh trong điều kiện thời tiết thực ở Thành phố Hồ Chí Minh để đạt được hiệu quả thông gió tốt nhất. Tiến hành thực nghiệm và mô phỏng số để đánh giá đặc tính làm việc của ống khói nhiệt phù hợp điều kiện công trình và thời tiết thực ở TP. HCM. Thử nghiệm được thực hiện cả trong phòng thí nghiệm trên nhà thực và trong điều kiện thời tiết thực. Mô phỏng được thực hiện bằng mã nguồn tự phát triển cũng như phần mềm thương mại.

Số hồ sơ lưu: HCM-019-2020

76840. 09-2021. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị điện và điện tử gia**

dụng và các mục đích tương tự (QCVN 9:2012/BKHCN)/ ThS. Nguyễn Văn Khôi, ThS. Nguyễn Văn Khôi; CN. Vũ Thị Hồng Hạnh; ThS. Trịnh Minh Tùng; ThS. Phạm Thị Phương Thảo; ThS. Ngô Thị Ngọc Hà; KS. Đỗ Thị Tuyết; CN. Trần Duy Tài; ThS. Hoàng Thị Thúy Hồng; ThS. Lăng Thị Diệu Linh - Hà Nội - Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam, 2018 - 05/2017 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Đảm bảo hiệu lực, hiệu quả thực tiễn quản lý nhà nước về EMC. Tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Đảm bảo lợi ích của các bên liên quan phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn Việt Nam. Trong đó, đảm bảo hiệu quả bảo vệ quyền lợi chính đáng người tiêu dùng. Điều chỉnh quy chuẩn kỹ thuật theo hướng phù hợp thông lệ quốc tế trong bối cảnh mở cửa thị trường xuất nhập khẩu và mở rộng đối tượng quản lý đối với sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp điều kiện phát triển kinh tế trong từng thời kỳ, trên cơ sở Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Điều chỉnh cơ chế kiểm tra nhà nước, phương thức đánh giá sự phù hợp theo hướng thông thoáng hơn nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đồng thời vẫn đảm bảo hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về EMC đối với thiết bị điện, điện tử gia dụng.

Số hồ sơ lưu: 17310

3. Khoa học y, dược

302. Y học lâm sàng

30203. Nhi khoa

73967. 09-2021. **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị bệnh suy giảm miễn dịch bẩm sinh ở trẻ em/** PGS. TS. Lê Thị Minh Hương, TS. Ngô Diễm Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Vân Anh; ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh Lê; TS. Nguyễn Thanh Bình; GS. TS. Lê Thanh Hải; PGS. TS. Trần Minh Điền; TS. Phan Hữu Phúc; TS. Trần Thị Chi Mai; ThS. Thục Thanh Huyền - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Sức khỏe trẻ em, 2019 - 12/2015 - 11/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình chẩn đoán xác định bệnh suy giảm miễn dịch bẩm sinh ở trẻ em. Xây dựng quy trình điều trị thay thế bệnh suy giảm miễn dịch bẩm sinh thể không có gammaglobulin máu liên kết nhiễm sắc thể giới tính X (XLA). Quy trình sử dụng tế bào gốc điều trị bệnh suy giảm miễn dịch bẩm sinh thể kết hợp nguy kịch ở trẻ em (SCID).

Số hồ sơ lưu: 16305

30207. Hệ hô hấp và các bệnh liên quan

76200. 09-2021. **Nghiên cứu quy trình ứng dụng một số kỹ thuật hồi sức hô hấp hiện đại trong cấp cứu điều trị bệnh nhân suy hô hấp cấp nặng nhằm đối phó với dịch cúm/** PGS. TS. Nguyễn Quốc Anh, GS. TS. Nguyễn Gia Bình; PGS. TS. Đặng Quốc Tuấn; PGS. TS. Đào Xuân Cơ; TS. Lê Thị

Diễm Tuyết; ThS. Bùi Văn Cường; ThS. Phạm Thế Thạch; TS. Nguyễn Công Tấn; TS. Bùi Thị Hương Giang; ThS. Trịnh Thế Anh; ThS. Nguyễn Bá Cường; ThS. Hoàng Minh Hoàn; ThS. Ngô Trọng Toàn; ThS. Dương Đức Mạnh; ThS. Bùi Nam Phong; ThS. Nguyễn Hoàng Sơn; ThS. Nguyễn Đức Phúc - Hà Nội - Bệnh viện Bạch Mai, 2019 - 04/2014 - 04/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Việc ứng dụng thành công các công nghệ kỹ thuật hồi sức hiện đại cho thấy ngành hồi sức cấp cứu và chống độc Việt Nam đã theo kịp các bước tiến bộ về khoa học và công nghệ của các nước trong khu vực cũng như trên thế giới. Với thành công đó đã cải thiện rất rõ chất lượng cấp cứu điều trị nhiều bệnh nặng hiểm nghèo khá phổ biến. Làm giảm rõ rệt tỷ lệ tử vong và biến chứng với tổng kết trước đó 5 - 10 năm. Từ đó tạo được niềm tin cho người bệnh, cho nhân dân trong cả nước. Ứng dụng thành công các quy trình kỹ thuật hồi sức hiện đại đã giúp cứu sống nhiều người bệnh hiểm nghèo, giảm biến chứng tàn phế, giảm ngày điều trị từ đó giảm chi phí cho chăm sóc y tế, giúp người bệnh trở lại cộng đồng lao động và học tập cống hiến cho gia đình và cộng đồng. Hạn chế bệnh nhân sang các nước điều trị, tiết kiệm được nguồn ngân sách đáng kể.

Số hồ sơ lưu: 17053

30215. Da liễu, Hoa liễu

78584. 09-2021. Nghiên cứu thực trạng, đánh giá hiệu quả điều trị và can thiệp truyền thông phòng chống bệnh chàm (viêm da cơ địa) và dị ứng thức ăn ở trẻ 24-60 tháng tuổi tại thành phố Yên Bái - tỉnh Yên Bái/ PGS.TS. Lê Thị Minh Hương, - Hà Nội - Bệnh viện Nhi Trung ương, 2017 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định tỷ lệ và một số yếu tố liên quan đến viêm da cơ địa và dị ứng thức ăn ở trẻ em 24 - 60 tháng tuổi tại 05 trường mầm non thuộc thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Từ đó, đánh giá hiệu quả điều trị và chuyển giao phác đồ điều trị viêm da cơ địa và dị ứng thức ăn ở trẻ em 24 - 60 tháng tuổi các trường mầm non thuộc thành phố Yên Bái. Đồng thời, tiến hành xây dựng mô hình truyền thông và đánh giá hiệu quả can thiệp, truyền thông phòng chống viêm da cơ địa và dị ứng thức ăn ở trẻ em 24 - 60 tháng tuổi tại thành phố Yên Bái.

Số hồ sơ lưu: YBI-046-2020

30217. Bệnh về khớp

77261. 09-2021. Nghiên cứu tác dụng chống viêm, giảm đau của thủy châm chế phẩm chứa nọc ong trên bệnh nhân thoái hóa cột sống, thoái hóa khớp gối, viêm quanh khớp vai/ PGS.TS. Nguyễn Bá Quang, TS. Phạm Hồng Vân; PGS.TS. Nghiêm Hữu Thành; PGS.TS. Cấn Văn Mão; PGS.TS. Lê Văn Quân; ThS. Nguyễn Duy Luật; TS. Nguyễn Đức Minh; TS. BSKII. Huỳnh Nguyễn Lộc; TS. Đặng Thị

Hoàng Tuyên - Hà Nội - Bệnh viện Châm cứu Trung ương, 2020 - 07/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá tính an toàn và tác dụng chống viêm, giảm đau, cải thiện vận động của thủy châm chế phẩm chứa nọc ong trên động vật thực nghiệm. Xây dựng được quy trình thủy châm chế phẩm chứa nọc ong trong điều trị thoái hóa cột sống, thoái hóa khớp gối, viêm quanh khớp vai. Đánh giá tác dụng chống viêm giảm đau của thủy châm chế phẩm chứa nọc ong trên bệnh nhân thoái hóa cột sống, thoái hóa khớp gối, viêm quanh khớp vai.

Số hồ sơ lưu: 17511

30221. Ung thư học và phát sinh ung thư

77225. 09-2021. **Hiệu quả can thiệp dinh dưỡng cho bệnh nhân ung thư đường tiêu hóa điều trị hóa chất/** GS.TS. Lê Thị Hương, ThS. Nguyễn Thùy Linh; CN. Phạm Thị Tuyết Chinh; BS. Dương Thị Phương; TS. Trịnh Lê Huy; CN. Ma Ngọc Yến; PGS.TS. Lê Văn Quảng; ThS. Tống Thị Khuyên; GS.TS. Trần Văn Thuận; BS. CKII. Đinh Thị Kim Liên; ThS. Nguyễn Thị Vượng - Hà Nội - Trường Đại học Y Hà Nội, 2020 - 09/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân ung thư đường tiêu hóa điều trị hóa chất tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội và Bệnh viện K trung ương. Xây dựng phác đồ can thiệp dinh dưỡng cho người bệnh ung thư đường tiêu

hóa điều trị hóa chất. Đánh giá hiệu quả can thiệp dinh dưỡng trên người bệnh ung thư dạ dày và ung thư đại tràng điều trị hóa chất tại khoa Ung bướu và Chăm sóc giảm nhẹ – Bệnh viện Đại học Y Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: 17497

304. Dược học

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc

76623. 09-2021. **Nghiên cứu tác động bảo vệ thận in vitro và in vivo của Sâm Việt Nam và thành phần hoạt tính./** GS. TS. Nguyễn Minh Đức, GS. TS. Nguyễn Minh Đức; TS. Lê Thị Hồng Vân; PGS. TS. Đỗ Thị Hồng Tươi; ThS. Vũ Huỳnh Kim Long; ThS. Nguyễn Lê Thanh Tuyền - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, 2020 - 05/2016 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá tác động bảo vệ thận của sâm Việt Nam hoặc sâm Việt Nam chế biến và các hợp chất tiềm năng trên mô hình in vitro và in vivo dựa theo thử nghiệm phân đoạn theo định hướng tác dụng sinh học (activity guide fractionation and isolation). Xác định thành phần của sâm Việt Nam hoặc sâm Việt Nam chế biến có tác dụng bảo vệ thận. So sánh tác dụng bảo vệ thận của các hợp chất phân lập từ sâm Việt Nam hoặc sâm Việt Nam chế biến.

Số hồ sơ lưu: 17303

76756. 09-2021. **Nghiên cứu xây dựng công thức và quy trình bào chế viên nang từ cao hỗn hợp**

râu mèo, mướp đắng và mắc cỡ/ ThS. Dương Thị Mộng Ngọc, CN. Lâm Bích Thảo; CN. Nguyễn Nhật Minh; PGS.TS. Đỗ Thị Hồng Tươi; TS. Lê Minh Quân; TS. Nguyễn Thị Hải Yến; TS. Nguyễn Công Phi - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Sâm và Dược liệu Tp. HCM, 2019 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng công thức và quy trình bào chế viên nang cứng từ cao hỗn hợp râu mèo, mướp đắng và mắc cỡ. Xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm chất lượng chế phẩm viên nang cứng. Chiết xuất và kiểm nghiệm chất lượng cao toàn phần. Khảo sát độ ổn định và tính an toàn của chế phẩm.

Số hồ sơ lưu: HCM-025-2020

77034. 09-2021. **Nghiên cứu đánh giá và phát triển một số bài thuốc dân gian có tác dụng điều trị bệnh gan, mật của các dân tộc vùng Tây Bắc/** GS.TS. Phạm Hùng Việt, PGS.TS. Dương Hồng Anh; GS.TS. Nguyễn Văn Tuyên; GS.TS. Nguyễn Thanh Hải; PGS.TS. Phan Minh Giang; PGS.TS. Ngô Quốc Anh; PGS.TS. Trần Văn Ôn; PGS.TS. Bùi Thanh Tùng; PGS.TS. Nguyễn Văn Đâu; TS. Nguyễn Thị Thu Hà - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 01/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra các bài thuốc dân gian chữa bệnh gan, mật ở khu vực Tây Bắc (tối thiểu 50 – 60 bài thuốc) và lựa chọn một số bài thuốc điển hình cho nghiên cứu tiếp theo. Đánh giá tác dụng sinh học cụ thể của một số

bài thuốc có tác dụng bảo vệ gan, mật điển hình. Xác định thành phần hóa học của bài thuốc và vị thuốc chính, xác định cấu trúc của một số chất có hoạt tính trong các bài thuốc đã lựa chọn (02 bài). Xây dựng qui trình bào chế một số dạng sản phẩm (02 cao khô và 02 viên nang) có tác dụng bảo vệ gan, mật từ các bài thuốc đã lựa chọn. Đánh giá tính an toàn và hiệu quả bảo vệ bệnh gan, mật của viên nang đã bào chế.

Số hồ sơ lưu: 17388

305. Công nghệ sinh học trong y học

30502. Công nghệ sinh học liên quan đến thao tác với các tế bào, mô, cơ quan hay toàn bộ sinh vật (hỗ trợ sinh sản); công nghệ tế bào gốc

74025. 09-2021. **Mô tả đặc tính chín thông số của tế bào/mô ung thư gan sử dụng phương pháp ma trận Mueller và phân cực Stokes/** TS. Phạm Thị Thu Hiền, TS. Lê Thanh Hải; TS. Bùi Chí Bảo; TS. Huỳnh Chấn Khôn; TS. Ngô Thị Minh Hiền - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Quốc tế, 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu và xây dựng một hệ thống quang học phân cực ánh sáng bằng cách sử dụng các thiết bị quang học đơn giản và không đắt tiền như kính phân cực (polarizer), kính ¼ bước sóng (quarter-wave plate), bộ lọc Mã số hồ sơ Ngày nhận báo cáo (Do Cơ quan điều hành Quỹ ghi) 3 cường độ trung lập (neutral density filter), máy đo phân cực Stokes

(hoặc một bộ analyzer) để đo các tính chất phân cực của ánh sáng bao gồm thông số của tính chất lưỡng chiết thẳng (linear birefringence – LB) góc định hướng của LB, thông số của tính chất lưỡng chiết tròn (Circular birefringence – CB), thông số của tính chất lưỡng sắc thẳng (linear dichroism – LD), góc định hướng của LD, thông số của tính chất lưỡng sắc tròn (circular dichroism – CD), hai tính chất khử cực thẳng (linear depolarization – L_Dep) và một tính chất khử cực tròn (circular depolarization – C_Dep). Dựa vào những kết quả thử nghiệm thành công trước đó của một số mẫu quang học, mẫu giả tế bào ... nhóm nghiên cứu mở rộng ứng dụng của hệ thống quang học bằng cách phân tích đặc tính và so sánh sự khác biệt của các kết quả đo các thông số quang học giữa mẫu mô, tế bào (da, gan) bình thường và mẫu mô, tế bào ung thư (da, gan). Sau đó, kết quả thử nghiệm này sẽ được sử dụng để xây dựng một ngân hàng dữ liệu nhằm so sánh sự khác biệt giữa các thông số quang học của mẫu tế bào/mô da, gan bình thường và ung thư trong các giai đoạn của bệnh ung thư. Nhóm nghiên cứu đang thực hiện các bước trên in vitro và sẽ tiến dần đến in vivo trên động vật để dần khẳng định khả năng đo của hệ thống. Vì vậy đây là một phương pháp hoàn toàn mới và có tính ứng dụng cao. Điều này có thể cung cấp các đặc tính quang học hiệu quả hơn cho việc phát hiện và chẩn đoán ung thư trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: 16301

399. Khoa học y, dược khác

77140. 09-2021. **Đánh giá và xây dựng quy trình kiểm soát chất lượng các nghiên cứu sức khỏe/** PGS.TS. Vũ Thị Hoàng Lan, TS. Bùi Thị Tú Quyên; ThS. Nguyễn Thùy Linh; ThS. Trần Thị Đức Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Kim Ngân; ThS. Lê Tự Hoàng; ThS. Nguyễn Thị Minh Thành; ThS. Nguyễn Đức Thành - Hà Nội - Trường Đại học Y tế Công cộng, 2018 - 12/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nghiên cứu khoa học y học tại Việt Nam. Xây dựng quy trình kiểm soát chất lượng nghiên cứu khoa học và các công cụ đánh giá chất lượng nghiên cứu khoa học phù hợp với điều kiện Việt Nam về khoa học sức khỏe (nghiên cứu lâm sàng, y tế công cộng và dược). Thử nghiệm về mức độ chấp nhận và tính khả thi của quy trình và công cụ đánh giá chất lượng nghiên cứu khoa học y học để đề xuất quy trình chính thức.

Số hồ sơ lưu: 16922

4. Khoa học nông nghiệp

78600. 09-2021. **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để xây dựng mô hình nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế nhãn Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp/** GS.TS. Trần Văn Hậu, GS.TS. Trần Văn Hậu; TS. Trần Sỹ Hiếu; ThS. Nguyễn Thanh Dục; KS. Võ Khoa Cường; KS. Nguyễn Tấn Đạt - - Trường Đại Học Cần Thơ, 2017 - 12/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Cây nhãn (*Dimocarpus longan* Lour.) là cây ăn trái có giá trị kinh tế cao, được trồng khá phổ biến ở Đồng bằng sông Cửu Long (Trần Văn Hậu và Đỗ Minh Huân, 2011). Theo Tổng Cục Thống kê (2019), tổng diện tích cây nhãn cả nước năm 2018 có 78.802 hecta, đạt sản lượng 541.381 tấn, trong đó đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có 24.913 hecta, chiếm 31% diện tích nhưng đạt sản lượng 227.624 tấn, chiếm 42% tổng sản lượng cả nước. Ở ĐBSCL, tỉnh Đồng Tháp có 4.894 hecta trồng nhãn, đứng thứ nhì sau tỉnh Vĩnh Long. Ở Đồng Tháp nhãn được trồng tập trung ở huyện Châu Thành với gần 4.000 hecta, trong đó diện tích nhãn E-Dor hơn 1.500 hecta. E-Dor là giống nhãn nổi tiếng và là giống được trồng chủ yếu ở Thái Lan. Diện tích trồng nhãn E - Dor chiếm hơn 70% diện tích trồng nhãn ở Thái Lan (Menzel et al. (1990); Wong, (2000). Nhãn E - Dor có năng suất và phẩm chất cao, được du nhập vào Việt Nam trong thập niên 90 nhưng là giống thích hợp với điều kiện Á nhiệt đới nên không ra hoa trong điều kiện thời tiết nhiệt đới như ở ĐBSCL. Gần đây nhờ biện pháp sử dụng Chlorate kali để kích thích ra hoa tỏ ra có hiệu quả nên nông dân bắt đầu phát triển trở lại với giống nhãn này. Nhãn E - Dor sinh trưởng mạnh, dễ đậu trái, năng suất cao, đặc biệt là nhiễm nhẹ bệnh Chối Rong. Ứng dụng quy trình kỹ thuật canh tác nhãn để cải thiện năng suất, chất lượng, trong đó áp dụng một số kỹ thuật quan trọng như tỉa cành, tạo tán, bón phân cân đối, xử lý ra hoa và đặc biệt là sử dụng hóa chất hợp lý để quản lý dịch bệnh là

nhu cầu bức xúc để phát triển vùng nhãn E-Dor của huyện Châu Thành đạt hiệu quả kinh tế cao, bền vững.

Số hồ sơ lưu: DTP-2020-008

401. Trồng trọt

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm

74017. 09-2021. **Nghiên cứu tuyển chọn giống sản và kỹ thuật thâm canh, rải vụ sản nhằm phục vụ phát triển cây sản bền vững ở tỉnh Đắk Nông.**/ TS. Nguyễn Thanh Phương, CN. Lê Minh Tuấn; ThS. Trương Công Cường; ThS. Nguyễn Đức Chí Công; KS. Lê Hồng Ân; ThS. Đỗ Thành Nhân; ThS. Trần Tiến Dũng - Quy Nhơn - Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Duyên hải Nam trung bộ, 2017 - 10/2013 - 04/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra thực trạng sản xuất sản tại 3 huyện Đắk Song, Đắk Glong và Krông Nô trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Nghiên cứu tuyển chọn giống sản trung và ngắn ngày năng suất cao, chất lượng tốt trên một số vùng sinh thái của tỉnh Đắk Nông. Nghiên cứu kỹ thuật thâm canh, rải vụ sản thông qua thí nghiệm về thời vụ, phân bón, mật độ và khoảng cách trồng sản. Xây dựng mô hình sản xuất sản thử nghiệm về giống và kỹ thuật thâm canh, rải vụ có kết quả tốt từ nghiên cứu như xây dựng mô hình giống và kỹ thuật thâm canh, rải vụ sản, hội thảo đầu bờ kết hợp tập huấn với quy mô 150 người và tiến hành hội thảo khoa học quy mô 40 người.

Số hồ sơ lưu: DNG-006-2019

76078. 09-2021. **Nghiên cứu chọn tạo giống đậu tương cho vùng Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long/** ThS. Nguyễn Văn Chương, ThS. Võ Như Cẩm; ThS. Võ Văn Quang; KS. Trần Hữu Yết; KS. Phạm Văn Ngọc; ThS. Phạm Thị Ngừng; ThS. Nguyễn Thị Bích Chi; KS. Nguyễn Văn Mạnh; ThS. Trần Văn Sỹ; ThS. Bùi Quang Định - Tp. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, 2019 - 01/2013 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Chọn tạo được giống đậu tương có thời gian sinh trưởng từ 80-90 ngày, cứng cây, ít đổ ngã, chín tập trung, năng suất đạt 2,5 tấn/ha tại vùng Đông Nam bộ (ĐNB) và đạt ≥ 3 tấn/ha tại vùng (Đồng bằng sông Cửu Long) ĐBSCL, chống chịu khá với một số sâu bệnh hại chính (Ri sắt *Phakopsora pachyrhizi*; đốm lá vi khuẩn (*Pseudomonas syringae*). Xây dựng được quy trình kỹ thuật canh tác cho các giống đậu tương mới trên 2 loại đất chính của 2 vùng ĐNB và ĐBSCL. Xây dựng được mô hình sản xuất đậu tương trên đất lúa chuyển đổi, năng suất đạt 2,5 tấn/ha tại vùng ĐNB và đạt ≥ 3 tấn/ha tại vùng ĐBSCL (năng suất giống đậu tương mới vượt 15 – 20% so với giống đối chứng địa phương). Chọn tạo và phát triển được giống đậu tương mới, có năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu khá đối với một số sâu bệnh hại chính, thích hợp cho vùng Đông Nam bộ và trên đất lúa chuyển đổi ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Số hồ sơ lưu: 16916

76917. 09-2021. **Nghiên cứu tuyển chọn giống và tối ưu điều kiện nuôi trồng quả thể nấm bông tuyết trùng thảo (*Isaria tenuipes* Peck.) thu thập ở Việt Nam/** ThS. Trần Văn Cảnh, CN. Nguyễn Anh Thư; CN. Trần Minh Trang; PGS.TS. Trần Ngọc Lâm; TS. Đinh Minh Hiệp; TS. Trương Bình Nguyên; ThS. Nguyễn Chí Dũng; ThS. Vương Lợi; ThS. Huỳnh Thu - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng sinh học, 2019 - 05/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố).

Tuyển chọn được 01 chủng nấm bông tuyết trùng thảo (BTTT) (*Isaria tenuipes*) thu thập tại các vùng núi Việt Nam có khả năng sinh trưởng tốt nhất, cho hàm lượng beauvericin và adenosine cao nhất. Tối ưu được các điều kiện nuôi trồng quả thể nấm BTTT (*Isaria tenuipes*) trên các môi trường (lông tĩn, bán rắn và nhộng tằm dâu). Bước đầu thực nghiệm nuôi trồng quả thể nấm BTTT (*Isaria tenuipes*) ở quy mô pilots. Khảo sát một số chỉ tiêu hạn chế (chỉ tiêu kim loại nặng, chỉ tiêu vi sinh vật) và đánh giá độc tính cấp của nấm BTTT (*Isaria tenuipes*).

Số hồ sơ lưu: HCM-029-2020

77245. 09-2021. **Sản xuất thử nghiệm giống sắn KM7 tại các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên/** TS. Nguyễn Thanh Phương, ThS. Hồ Sĩ Công; KS. Nguyễn Hòa Hân; KS. Nguyễn Trần Thủy Tiên; KS. Lê Văn Thìn; ThS.

Đình Quốc Huy - Bình Định - Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Duyên hải Nam trung bộ, 2020 - 01/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân nhanh và quy trình thâm canh giống sắn mới KM7 tại các vùng sinh thái duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Chuyển giao giống, quy trình kỹ thuật, giới thiệu mô hình trình diễn sản xuất giống sắn mới KM7 có năng suất cao, góp phần công nhận giống mới tại vùng duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Sản xuất 2.000.000 hom giống sắn giống KM7, đạt tiêu chuẩn hom giống thương phẩm. Xây dựng 4 mô hình thâm canh (quy mô 07 ha/mô hình) sản xuất giống sắn KM7 tại các vùng có điều kiện khó khăn ở duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Đào tạo tập huấn 120 cán bộ, nông dân về kỹ thuật nhân nhanh hom sắn và thâm canh sản xuất sắn. Công nhận chính thức giống sắn KM7 cho vùng sinh thái duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

Số hồ sơ lưu: 17508

78574. 09-2021. **Xây dựng chỉ dẫn địa lý "Gạo Mường Lò" cho sản phẩm gạo của cánh đồng Mường Lò, tỉnh Yên Bái/ CN.** Chu Quốc Tuấn, - Yên Bái - Văn phòng Hội đồng nhân dân, 2017 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát vùng gạo và đánh giá sơ bộ về uy tín, giá trị kinh tế - xã hội của "Gạo Mường Lò" và điều tra phân tích, đánh giá tính đặc thù của gạo nơi đây thông qua hệ thống thương mại. Từ đó xác định

chất lượng đặc thù của gạo và các điều kiện tự nhiên, con người ảnh hưởng đến chất lượng. Xây dựng bản đồ xác định phạm vi lãnh thổ tương ứng với chỉ dẫn địa lý, xây dựng văn bản tài liệu quản lý chỉ dẫn cũng như xây dựng hệ thống tem nhãn, bao bì sản phẩm và phương tiện truyền thông quảng bá cho thương hiệu "Gạo Mường Lò".

Số hồ sơ lưu: YBI-044-2020

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả

74019. 09-2021. **Nghiên cứu kỹ thuật trồng, chăm sóc và xử lý cây hoa đào nở hoa vào đúng dịp Tết Nguyên đán tại một số vùng sinh thái trên địa bàn tỉnh Đắk Nông./** KS. Nguyễn Thị Thảo, - Đắk Nông - Trung tâm Khuyến nông tỉnh Đắk Nông, 2017 - 12/2014 - 05/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập số liệu thứ cấp về điều kiện sinh thái tại 2 điểm thí nghiệm với các tiêu chí ghi nhận về đất đai, độ ẩm, độ cao và lượng mưa. Khảo nghiệm một số giống hoa đào trên địa bàn tỉnh Đắk Nông về tỷ lệ sống của các giống đào, đường kính thân và tán sau khi trồng và chiều cao của cây sau khi trồng với các mốc thời gian 2 tháng, 4 tháng, 6 tháng và 8 tháng. Nghiên cứu ảnh hưởng các biện pháp điều tiết sinh trưởng, điều chỉnh nở hoa vào đúng dịp Tết Nguyên đán như thời gian từ trồng, đốn đào đến ngày xuất hiện nụ, thời gian từ nụ đến nở hoa sau khi trồng, chỉ tiêu nở hoa, chỉ tiêu về khả năng ra hoa sau khi trồng và đốn đào và

các chỉ tiêu về chiều dài cánh hoa, đường kính hoa và độ bền của hoa.

Số hồ sơ lưu: DNG-007-2019

76541. 09-2021. Sản xuất giống hoa lan hồ điệp quy mô công nghiệp bằng công nghệ vi nhân giống/ TS. Nguyễn Văn Tiến, TS. Nguyễn Văn Tiến; TS. Đinh Thị Dinh; PGS.TS. Đặng Văn Đông; ThS. Bùi Thị Hồng; ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh; KS. Đào Thị Phương; KS. Nguyễn Thị Hồng Nhung; KS. Bùi Thị Hồng Nhụy; ThS. Nguyễn Minh Trí; CN. Bùi Thị Hường Bích - Hà Nội - Viện nghiên cứu rau quả, 2020 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện được quy trình công nghệ nhân giống và sản xuất hoa lan hồ điệp thương phẩm quy mô công nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho mỗi loại. Công nhận được 02 giống hoa màu tím hồng và tím đỏ, khả năng chống chịu sâu bệnh tốt, đủ tiêu chuẩn xuất khẩu. Sản xuất được 02 triệu cây giống/4 giống có chất lượng cây giống tương đương với giống nhập khẩu, giá thành không quá 70% so với nhập khẩu. Xây dựng mô hình sản xuất cây giống hoa lan hồ điệp, quy mô 1.000m²/giống. Xây dựng mô hình sản xuất hoa lan hồ điệp thương phẩm ứng dụng công nghệ cao, quy mô 25.000 cây/giống, chất lượng hoa tương đương so với sản xuất từ giống nhập khẩu.

Số hồ sơ lưu: 17291

76948. 09-2021. Ứng dụng tiên bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu

nhằm giải quyết việc làm và thu nhập cho các nhóm đối tượng bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển tại các huyện ven biển tỉnh Hà Tĩnh/ ThS. Trần Hậu Khanh, CN. Đoàn Thị Mai Anh; CN. Lê Như Sang; CN. Mai Thị Nhung; KTV. Hoàng Thị Kiên; CN. Trần Đức Hậu; ThS. Nguyễn Thị Thanh Tâm; CN. Lê Đình Quân; KTV. Nguyễn Thị Vân; CN. Nguyễn Thị Huế; ThS. Lê Thanh Uyên; KS. Đinh Xuân Toàn; KTV. Lê Trọng Đức; KS. Phạm Công Tự - Hà Tĩnh - Trung tâm phát triển nấm ăn và nấm dược liệu, 2020 - 08/2017 - 01/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận và hoàn thiện các quy trình công nghệ về sản xuất giống nấm cấp 1, giống nấm cấp 2 ở dạng dịch thể, sản xuất giống nấm cấp 3 dạng thể rắn. Xây dựng 01 mô hình sản xuất giống và bịch phôi giống nấm tại Trung tâm phát triển nấm ăn và nấm dược liệu. Xây dựng mô hình trồng nấm hộ gia đình; 60 hộ sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu tại các huyện thị ven biển. Đào tạo 10 kỹ thuật viên vững các quy trình kỹ thuật về sản xuất giống nấm, và quy trình kỹ thuật nuôi dưỡng ba loại nấm: Nấm sò, nấm mộc nhĩ và nấm linh Chi. Ứng dụng tiên bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất nấm ăn nhằm giải quyết việc làm và thu nhập ổn định cho các nhóm đối tượng bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường dự án Fomosa tỉnh Hà Tĩnh, tạo ngành nghề sản xuất mới, góp phần từng bước chuyển đổi nghề, phát triển kinh tế- xã hội tại địa phương.

Số hồ sơ lưu: 17374

76963. 09-2021. **Nghiên cứu cải tiến và hoàn thiện công nghệ chọn tạo, phát triển sản xuất một số chủng loại rau, hoa, quả chủ lực ở Việt Nam/ PGS.TS. Nguyễn Quốc Hùng, PGS.TS. Đặng Văn Đông; ThS. Bùi Thị Hồng; KS. Đoàn Thị Phi Yên; TS. Trần Ngọc Hùng; TS. Dương Kim Thoa; ThS. Đặng Hiệp Hòa; TS. Nguyễn Văn Tiến; TS. Đinh Thị Dinh; KS. Nguyễn Thị Hồng Nhung; KS. Bùi Thị Hồng Nhụy; ThS. Nguyễn Thị Liên Hương; ThS. Chu Thị Ngọc Mỹ; ThS. Lê Thị Hà; ThS. Hoàng Thị Tuyết Nhung - Hà Nội - Viện nghiên cứu rau quả, 2019 - 06/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tạo ra được 6 giống mới, nghiên cứu cải tiến và hoàn thiện được 5 quy trình công nghệ nhân giống, để tạo ra sản phẩm an toàn, nâng cao hiệu quả sản xuất lên 15-20% so với các quy trình hiện tại. Sản xuất thử nghiệm 200 nghìn cây giống hoa lan hồ điệp; 50 nghìn cây giống hoa lan đai châu; 1 triệu cây giống cà chua ghép trên gốc cà chua. Góp phần hỗ trợ nâng cao năng suất, khả năng cạnh tranh và chất lượng tăng trưởng của ngành rau, hoa, quả. Tăng cường hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng, đổi mới công nghệ để tạo thêm giá trị gia tăng cho ngành. Nâng cao năng lực của Viện Nghiên cứu rau quả theo hướng chủ động gắn kết chặt chẽ với nhu cầu của thị trường và các doanh nghiệp, tăng tỉ lệ thương mại sản phẩm nghiên cứu. Từng bước đưa Viện

thành đơn vị nghiên cứu công lập tự chủ về nghiên cứu, nguồn lực và tài chính.

Số hồ sơ lưu: 17386

78529. 09-2021. **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng chuỗi giá trị sản xuất rau an toàn tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái/ KS. Doãn Văn Thủy, - Yên Bái - Trạm Khuyến nông, 2017 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Điều tra khảo sát, lựa chọn hộ, diện tích xây dựng mô hình, phân tích mẫu đất, nước, đánh giá nguy cơ ô nhiễm, làm cơ sở lập hồ sơ xin chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất rau sạch. Tiến hành xây dựng mô hình 15 ha trồng các loại rau an toàn gồm: bí xanh, bí đỏ, củ cải, năng suất đạt từ 15-20 tấn/ha/vụ tùy loại rau, trên diện tích 3ha thuộc xã Đại Phác, huyện Văn Yên. Đồng thời kết nối người trồng rau an toàn với người tiêu thụ sản phẩm thông qua nhóm sở thích và hợp đồng của đơn vị tiêu thụ sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: YBI-026-2020

78534. 09-2021. **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thâm canh tăng năng suất bưởi Đại Minh và kết hợp nuôi ong lấy mật theo hướng sản xuất bền vững/ KS. Lã Tuấn Hưng, - Yên Bái - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2016 - 03/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Báo cáo kết quả thực hiện trong quá trình triển khai dự án, trên cơ sở kết quả theo dõi các chỉ tiêu khoa học

tiến hành tổng hợp, phân tích, đánh giá các chỉ tiêu khoa học. Đồng thời, đánh giá những ưu điểm và những tồn tại chưa thực hiện được so với yêu cầu của dự án trong thuyết minh đã được phê duyệt và bước đầu sơ bộ đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án. Từ những kết quả đánh giá trên đưa ra những khuyến nghị nhằm góp phần hoàn thiện mô hình và nhân rộng mô hình ra các xã vùng lân cận để đạt hiệu quả cao trong sản xuất cây bưởi Đại Minh.

Số hồ sơ lưu: YBI-030-2020

78594. 09-2021. **Áp dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình trồng thâm canh cây cam sành theo hướng bền vững tại huyện Lục Yên/ Lê Viết Đại, - Yên Bái - Phòng Nông nghiệp và PTNT, 2016 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Đánh giá tình hình sinh trưởng phát triển của cây cam sành giai đoạn kiến thiết cơ bản, đánh giá kết quả của mô hình áp dụng quy trình kỹ thuật thâm canh giống cam sành giai đoạn kinh doanh theo hướng an toàn, bền vững. Đồng thời, đánh giá hiệu quả việc tác động kỹ thuật vào sản xuất như: Kỹ thuật tia canh, bón phân hữu cơ, vôi, bón phân hóa học đạm, lân, kali, kỹ thuật thu hoạch, bảo quản, phòng trừ sâu bệnh hại cam... tại địa bàn thực hiện dự án và tìm hiểu hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội, hiệu quả môi trường... khi thực hiện dự án.

Số hồ sơ lưu: YBI-048-2020

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc

76950. 09-2021. **Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống và trồng cây sâm Lai Châu (*Panax vietnamensis* var. *fuscidiscus* K.Komatsu, S.Zhu & S.Q.Cai)/ ThS. Phạm Quang Tuyền, TS. Triệu Thái Hưng; PGS.TS. Trần Văn Con; ThS. Trần Thị Kim Hương; TS. Nguyễn Toàn Thắng; ThS. Trịnh Ngọc Bon; ThS. Nguyễn Quang Hưng; TS. Khuất Hữu Trung; PGS.TS. Đỗ Thị Hà; TS. Trần Thị Liên; ThS. Nguyễn Thanh Sơn; ThS. Bùi Thanh Tân; ThS. Ninh Việt Khương; CN. Nguyễn Thị Hoài Anh; ThS. Phan Ngọc Quân - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Lâm sinh, 2019 - 06/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xác định đặc điểm sinh học, tính đa dạng di truyền và kiến trúc bản địa của người dân về cây sâm Lai Châu. Tuyển chọn một số cây trội tiêu biểu có khả năng phát triển thành giống. Nghiên cứu thành phần hoá học, chất lượng dược liệu, và động thái tích lũy saponin của cây sâm Lai Châu. Chọn giống, nhân giống và xây dựng vườn giống gốc sâm Lai Châu. Biện pháp kỹ thuật trồng trọt và xây dựng mô hình trồng dưới mái che và dưới tán rừng sâm Lai Châu. Xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, hội thảo, hội nghị và tập huấn, chuyển giao kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 17379

40107. Bảo quản và chế biến nông sản

78543. 09-2021. **Nghiên cứu, chế tạo hệ thống sấy nông sản quy mô hộ gia đình, sử dụng nhiên liệu sẵn có ở địa phương tại huyện Mù Cang Chải/ KS. Vũ Hữu Lê, CN. Bùi Thị Huyền - Yên Bái - Công ty TNHH cơ khí và xây lắp Hồng Hà, 2016 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Thiết kế và chế tạo hệ thống sấy cải tiến phù hợp với điều kiện kinh tế của người dân trên địa bàn huyện Mù Cang Chải. Xây dựng mô hình hệ thống sấy cải tiến: 01 mô hình theo phương pháp trực tiếp để sấy nhiều sản phẩm nông sản khác nhau như: lúa, ngô, thảo quả với kích thước của hộc sấy là 3.700 x 1.250 x 600 (mm); sản lượng: 1 tấn sản phẩm/24h (1 ngày đêm) và 01 mô hình hệ thống sấy theo phương pháp gián tiếp để sấy táo mèo với kích thước của hộc sấy là: 5.000 x 3.000 x 900 (mm); sản lượng: 1 tấn sản phẩm/24h (1 ngày đêm). Đồng thời xây dựng hướng dẫn sử dụng, vận hành và bảo quản hệ thống sấy, quy trình sấy cho các loại nông sản.

Số hồ sơ lưu: YBI-031-2020

78545. 09-2021. **Xây dựng chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm từ cây quế tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái/ TS. Trần Văn Quyết, TS. Nguyễn Thị Yến - Thái Nguyên - Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, 2017 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Tổng quan một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chuỗi, chuỗi liên

kết tiêu thụ sản phẩm; chuỗi nông sản và đánh giá thực trạng tiêu thụ và mối liên kết trong tiêu thụ sản phẩm từ cây quế ở huyện Văn Yên tỉnh Yên Bái . Xác định các yếu tố ảnh hưởng tới chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm từ cây quế ở huyện Văn Yên. Từ đó, đề xuất giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại , hạn chế trong chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm từ cây quế huyện Văn Yên tỉnh Yên Bái và tiến tới xây dựng chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm từ cây quế trên địa bàn huyện Văn Yên.

Số hồ sơ lưu: YBI-033-2020

402. Chăn nuôi

77284. 09-2021. **Nghiên cứu các yếu tố kinh tế-kỹ thuật-xã hội và môi trường ảnh hưởng đến việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi vào sản xuất ở 5 vùng chăn nuôi (Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, miền núi phía Bắc và Miền Trung)/ TS. Đinh Xuân Tùng, KS. Nguyễn Đăng Thanh; ThS. Đỗ Văn Đức; ThS. Lê Tiến Dũng; KS. Hàn Anh Tuấn; TS. Lê Minh Linh; ThS. Lê Thị Xuân; KS. Nguyễn Trường Giang; ThS. Nguyễn Văn Đình - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2013 - 01/2011 - 03/2013. (Đề tài cấp Bộ)**

Đánh giá hiện trạng ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật (TBKT) chăn nuôi ở các phương thức chăn nuôi nhỏ hộ gia đình và chăn nuôi trang trại ở 5 vùng chăn nuôi trọng yếu ở Việt Nam. Xác định các yếu tố kinh tế-kỹ thuật-xã hội và môi trường ảnh hưởng đến việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi ở hộ gia đình/trang

trại chăn nuôi. Đề xuất các giải pháp chính sách thúc đẩy công tác ứng dụng các TBKT trong sản xuất chăn nuôi.

Số hồ sơ lưu: 17518

40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi

76939. 09-2021. **Khảo sát ảnh hưởng của kiểu gen ESR, FSHB và kết hợp phương pháp BLUP để chọn lọc giống lợn Yorkshire và Landrace có khả năng sinh sản cao/** TS. Nguyễn Hữu Tĩnh, ThS. Nguyễn Văn Hợp; ThS. Trần Văn Hào; ThS. Nguyễn Ngọc Thanh Yên; ThS. Nguyễn Thị Lan Anh; KS. Hoàng Trung Hiếu; CN. Trịnh Thị Thu Thảo; ThS. Nguyễn Thị Hiệp; BS. Nguyễn Văn Phong - TP. Hồ Chí Minh - Phân viện Chăn nuôi Nam Bộ, 2019 - 10/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xác định ảnh hưởng của kiểu gen ESR và gen FSHB đến các chỉ tiêu sinh sản ở đàn lợn thuần Yorkshire, Landrace. Chọn lọc xây dựng đàn giống thuần Yorkshire, Landrace có năng suất sinh sản cao dựa trên việc đánh giá kết hợp kiểu gen ESR, FSHB với giá trị giống BLUP. Chọn lọc nâng cao năng suất sinh sản (số con đẻ ra /ổ, số con sơ sinh sống/ổ, số con cai sữa/ổ) của giống lợn thuần Yorkshire và Landrace tại trại heo giống Quốc gia Bình Minh (thuộc Phân viện Chăn nuôi Nam Bộ) dựa vào phân tích kiểu gen ESR và FSHB kết hợp với đánh giá di truyền BLUP.

Số hồ sơ lưu: HCM-032-2020

78559. 09-2021. **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sử dụng môi trường biopig để pha loãng và bảo quản tinh dịch lợn đực, giống ngoại trong trong nông hộ, phục vụ công tác phát triển đàn lợn lai chất lượng cao trên địa bàn huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái/** BS. Lê Trọng Hoan, BS. Phạm Hương Quỳnh - Yên Bái - Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi, 2017 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá kết quả xây dựng các cơ sở chăn nuôi lợn đực giống chất lượng cao (Pidu 75), để khai thác tinh dịch phục vụ công tác truyền tinh nhân tạo cho đàn lợn nái ngoại và nái lai. Phân tích, đánh giá và so sánh kết quả theo dõi các chỉ tiêu khoa học về khai thác, pha loãng và bảo quản tinh dịch của lợn giống Pidu 75 bằng môi trường pha loãng tinh dịch lợn biopig và BT6. Đồng thời, đánh giá những thuận lợi - khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện để có cơ sở khoa học từ đó đề xuất các giải pháp cho việc phát triển nhân rộng mô hình nuôi lợn đực giống ngoại, khai thác, pha chế, bảo quản và truyền tinh nhân tạo cho lợn nái ngoại và nái lai tại tỉnh Yên Bái.

Số hồ sơ lưu: YBI-042-2020

78573. 09-2021. **Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật lai tạo bê lai giữa bò đực BBB và bò cái nền lai Zebu trên địa bàn tỉnh Yên Bái/** KS. Nguyễn Huy Bái, - Yên Bái - Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi, 2016 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Lựa chọn bò cái sinh sản Zebu để tổ chức lai tạo với giống bò BBB, tổ chức phối đạt cho 150 bò cái qua tuyển chọn, nhằm cho ra đời 150 bê lai F1 BBB. Tiến hành xây dựng thành công mô hình điểm chăn nuôi bò lai BBB tại nông hộ, với số lượng 15 bê lai BBB được lai tạo tại nông hộ. Đề xuất các chính sách phù hợp cho phát triển chăn nuôi bò thịt tại Yên Bái, góp phần đưa chăn nuôi bò thịt thành ngành sản xuất hàng hóa chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nông nghiệp.

Số hồ sơ lưu: YBI-043-2020

40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi

78552. 09-2021. **Nghiên cứu khả năng thích ứng của giống "vịt trời" thuần hóa tại huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái/** BS. Nguyễn Đức Cường, CN. Đỗ Thị Cẩm Vân - Yên Bái - Trung tâm thông tin và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, 2017 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của giống vịt trời "Anas Supercilloso" tại huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái với quy mô nuôi 400 con vịt trời giống chia làm 2 đợt nuôi, mỗi đợt 200 con. Đồng thời đánh giá khả năng sinh sản của giống vịt trời "Anas Supercilloso" tại huyện Trấn Yên trên quy mô nuôi 100 con vịt giống "Anas Supercilloso" trong đó 75 con vịt cái và 25 con vịt đực.

Số hồ sơ lưu: YBI-040-2020

78596. 09-2021. **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi bò thịt**

cao sản F1 BBB, theo hình thức chăn nuôi công nghiệp trong nông hộ tại huyện Yên Bình - Văn Yên - Văn Chấn tỉnh Yên Bái/ KS. Nguyễn Thị Thoa, - Yên Bái - Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi, 2017 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tình hình chăn nuôi bò trong nước và trên thế giới, tìm hiểu thực trạng chăn nuôi bò tại Yên Bái. Tiến hành điều tra khả năng tăng trưởng và tiêu tốn thức ăn của bò F1 BBB nuôi thịt cao sản tại Yên Bái theo hình thức chăn nuôi công nghiệp. Từ đó, đánh giá kết quả xây dựng mô hình nuôi 30 bò thịt cao sản F1 BBB theo hình thức chăn nuôi công nghiệp tại huyện Yên Bình, Văn Chấn và Văn Yên.

Số hồ sơ lưu: YBI-050-2020

404. Lâm nghiệp

77263. 09-2021. **Nghiên cứu kỹ thuật gây trồng Mắm biển (Avicennia marina), Đưng (Rhizophora stylosa), Đưng (Rhizophora mucronata) và Bần trắng (Sonneratia alba) trên các dạng lập địa chính vùng ven biển miền Trung, các đảo Nam Bộ và Nam Trung Bộ/** TS. Hoàng Văn Thoi, ThS. Lê Thanh Quang; ThS. Nguyễn Khắc Diệu; KS. Bùi Thị Minh Ty; ThS. Đặng Phước Đại; ThS. Nguyễn Văn Thiết; TS. Nguyễn Trung Thông; TS. Kiều Tuấn Đạt; PGS.TS. Phạm Thế Dũng; PGS.TS. Đặng Thái Dương; PGS.TS. Viên Ngọc Nam - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2019 - 01/2015 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Chọn ít nhất 1 xuất xứ tốt/loài/vùng có tỷ lệ sống cao và sinh trưởng tốt hơn trồng rừng phòng hộ thông thường tối thiểu 15% cho vùng ven biển miền Trung (VBMT), các đảo Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Xác định mức độ ảnh hưởng của thể nền, độ mặn, độ ngập, tác động của sóng đến tỷ lệ sống và sinh trưởng của các loài cây trồng. Xây dựng và hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng các loài cây lựa chọn trên các lập địa chính tại vùng VBMT, các đảo Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

Số hồ sơ lưu: 17512

40403. Quản lý và bảo vệ rừng

74121. 09-2021. **Ứng dụng âm sinh học trong điều tra và giám sát động vật hoang dã: Nghiên cứu điểm với các loài vượn và các loài chim trong bộ gà.** PGS. TS. Vũ Tiến Thịnh, TS. Nguyễn Đắc Mạnh; PGS. TS. Đồng Thanh Hải; KS. Trần Văn Dũng; ThS. Trần Mạnh Long - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2019 - 05/2015 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng các thiết bị ghi âm tự động và kỹ thuật phân tích âm sinh học nhằm thay thế con người, giảm thiểu chi phí trong hoạt động điều tra và giám sát các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm. Nâng cao độ chính xác trong ước lượng mật độ và kích thước quần thể cho các loài vượn và các loài chim thuộc bộ gà. Cung cấp thông tin về tình trạng và phân bố của một số loài động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm trong khu vực nghiên cứu phục vụ công

tác bảo tồn. Mô tả phổ âm thanh của một số loài vượn và chim thuộc bộ trĩ từ dữ liệu âm thanh thu thập tự động trong môi trường tự nhiên. Ứng dụng các phương pháp định lượng trong giám sát các loài động vật hoang dã thuộc nhóm vượn và trĩ. Đánh giá tình trạng và phân bố của các loài thuộc họ vượn và trĩ ở tại khu vực nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 16324

405. Thủy sản

76934. 09-2021. **Thực trạng, định hướng và giải pháp phát triển nông nghiệp và thủy sản bền vững vùng Tây Nam Bộ.** TS. Đặng Kim Sơn, TS. Đặng Kim Khôi; TS. Phạm Thị Ngọc Linh; TS. Nguyễn Văn Giáp; ThS. Nguyễn Ngọc Quế; ThS. Lê Thị Hà Liên; PGS.TS. Nguyễn Văn Sánh; TS. Trương Thị Thu Trang; ThS. Trần Hữu Hiệp; TS. Phan Thanh Lâm; ThS. Nguyễn Hồng Thả - Hà Nội - Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn, 2020 - 06/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan, đánh giá thực trạng phát triển và vai trò của nông nghiệp và thủy sản vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) giai đoạn 1986-2017. Đánh giá thành công, hạn chế, nguyên nhân và các vấn đề đặt ra dưới góc độ phát triển bền vững về chiến lược và chính sách phát triển nông nghiệp và thủy sản vùng ĐBSCL giai đoạn 1986-2017. Phát triển mô hình chuỗi giá trị nông sản bền vững trong bối cảnh hội nhập và BDKH tại vùng ĐBSCL. Xây dựng quan điểm, định hướng và đề xuất hệ

thông giải pháp phát triển bền vững nông nghiệp, thủy sản và phát triển các sản phẩm chủ lực về nông nghiệp và thủy sản vùng ĐBSCL, giai đoạn đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 17373

40501. Sinh lý và dinh dưỡng thủy sản

76637. 09-2021. **Nghiên cứu sản xuất thức ăn công nghiệp kích thích cua lột xác/** TS. Nguyễn Văn Nguyễn, KS. Lê Hoàng; KS. Trần Văn Khanh; ThS. Nguyễn Thành Trung; ThS. Nguyễn Quốc Cường; TS. Lê Đức Trung; KS. Trần Thị Lê Trinh; KS. Nguyễn Thị Thu Hiền; Nguyễn Mạnh Hùng - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Công nghệ Thức ăn và Sau thu hoạch Thủy sản, 2019 - 11/2017 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thiết lập công thức ăn cho giai đoạn cua lột thương phẩm nhằm nâng cao hiệu suất lột vỏ và tỷ lệ lột vỏ đồng loạt, giúp người nuôi chủ động trong quản lý, giảm thiểu công lao động, hiệu quả cao, tăng năng suất, tiến tới công nghiệp hoá, chuyên môn hoá nghề nuôi cua lột. Nâng cao hiệu quả kinh tế và tính bền vững của nghề nuôi cua lột (*Scylla spp.*) thông qua giải pháp dinh dưỡng thức ăn, giúp người nuôi chủ động trong việc quản lý, thu hoạch, tiêu thụ tiến tới chuyên môn hoá nghề nuôi cua lột tại Việt Nam. Khảo sát, đánh giá thực trạng nghề nuôi cua lột tại một số vùng nuôi tại Đồng bằng Sông Cửu Long. Nghiên cứu sản xuất thức ăn có

thành phần dinh dưỡng thúc đẩy quá trình lột vỏ cua. Nuôi thử nghiệm và xây dựng quy trình nuôi cua lột sử dụng thức ăn công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: HCM-023-2020

40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản

75968. 09-2021. **Ứng dụng di truyền phân tử, di truyền số lượng phục vụ chọn giống nâng cao sinh trưởng cá chêm (*Lates calcarifer*)/** TS. Trương Hà Phương, TS. Lê Văn Chí; ThS. Phạm Văn Khang; ThS. Nguyễn Văn Dũng; ThS. Phạm Trường Giang; KS. Nguyễn Khắc Đạt; ThS. Võ Đức Duy; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; ThS. Lương Trọng Bích - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2019 - 12/2013 - 04/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập bổ sung 02 dòng cá chêm và đánh giá thông số di truyền và chọn giống nâng cao sinh trưởng cá chêm qua 2 thế hệ G1 và G2. Nghiên cứu các chỉ thị phân tử microsatelite để xác định và xây dựng phả hệ. Xác định hệ số di truyền, hiệu quả chọn lọc ước tính về sinh trưởng của cá chêm chọn giống qua các thế hệ G1 và G2; hệ số di truyền thực tế về sinh trưởng của cá chêm chọn giống thế hệ G1.

Số hồ sơ lưu: 16819

78547. 09-2021. **Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất giống cá chạch sông Mastacembelus armatus (Lacepede, 1800) bằng phương pháp sinh sản nhân tạo tại trại**

giống thủy sản Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bình./ ThS. Nguyễn Thị Hoa, KS. Cao Phan Thường; ThS. Trần Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Đức Thống; Nguyễn Quang Tuất; KS. Quyền Đình Lượng; KS. Trần Kỳ Phong - Bắc Ninh - Trung tâm Tư vấn, sản xuất, dịch vụ và chuyên giao công nghệ Hải sản, 2017 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát đánh giá cơ sở vật chất địa điểm nghiên cứu sản xuất cá chạch sông, đánh giá sự thích nghi, sinh trưởng phát triển và sinh sản của giống cá chạch sông. Sản xuất hơn 15000 con cá bột chạch sông *Mastacembelus armatus* (Lacepede, 1800) và sản xuất hơn 5000 con cá giống chạch sông *Mastacembelus armatus* (Lacepede, 1800) kích cỡ 4-6cm/con. Tiến hành xây dựng hướng dẫn kỹ thuật sản xuất giống cá chạch sông phù hợp với điều kiện địa phương.

Số hồ sơ lưu: YBI-035-2020

40504. Nuôi trồng thủy sản

77143. 09-2021. **Nghiên cứu chế độ ăn đạt hiệu quả kinh tế và giảm ô nhiễm môi trường trong nuôi cá Tra thương phẩm/** PGS.TS. Trần Thị Năng Thu, ThS. Trần Ánh Tuyết; ThS. Võ Quý Hoan; KS. Nguyễn Thị Hậu; KS. Trần Thị Thập Hiều; ThS. Nguyễn Công Thiết; KS. Nguyễn Thị Dung; KS. Nguyễn Văn Tuyên - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2019 - 01/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được quy trình cho ăn đạt hiệu quả kinh tế, giảm ô nhiễm môi trường trong nuôi cá tra thương phẩm. Tìm ra định lượng thức ăn, phương pháp cho ăn, thời điểm cho ăn, tần suất cho ăn phù hợp với cá tra giai đoạn nuôi thương phẩm. Xây dựng được quy trình cho cá tra ăn giai đoạn nuôi thương phẩm đảm bảo đồng thời 3 chỉ tiêu: FCR giảm $\geq 15\%$ so với FCR điều tra được tại hộ nuôi; Lượng nước thay giảm $\geq 15\%$ so với điều tra được tại hộ nuôi Tỷ lệ sống $\geq 75\%$.

Số hồ sơ lưu: 17094

78227. 09-2021. **Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nuôi Lươn đồng (*Monopterus albus*) trong bể xây không bùn trên địa bàn thị xã Nghĩa Lộ và huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái/** KS. Hoàng Văn Mầu, - Yên Bái - Trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú Nghĩa Lộ, 2016 - 06/2015 - 11/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, lựa chọn đơn vị cung ứng con giống và thực hiện giao nhận lươn giống cho các hộ thực hiện mô hình. Xây dựng mô hình, chỉ đạo, hướng dẫn phương án xây dựng bể và chuẩn bị các điều kiện cần thiết phục vụ quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật nuôi lươn trong bể xây không bùn cho các hộ tham gia mô hình. Tiến hành kiểm tra, theo dõi mô hình và đánh giá các chỉ tiêu khoa học. Đưa ra những khuyến nghị nhằm góp phần hoàn thiện mô hình và nhân rộng mô hình ra các xã vùng lân cận để đạt hiệu quả cao trong phát triển nghề nuôi lươn đồng.

Số hồ sơ lưu: YBI-006-2020

78232. 09-2021. **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nuôi thâm canh cá Chép lai V1 thương phẩm trong ao đất tại huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái/** Ths. Bùi Ngọc Thanh, Nguyễn Thị Hoa; Trần Anh Tuấn; Trần Long Phượng; Cao Phan Thương; Nguyễn Anh Tuấn; Trần Văn Phương - Bắc Ninh - Trung tâm Tư vấn, Sản xuất, Dịch vụ và Chuyển giao Công nghệ Thủy sản, 2016 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát địa điểm, chọn 1 ao có diện tích 1,0 ha để thực hiện mô hình, tiến hành tu sửa và cải tạo ao dưới sự hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật. Tiến hành thả tổng số 10.500 con cá chép lai V1 có trọng lượng từ 32 g/con. Cá giống có chất lượng tốt, kích cỡ tương đối đồng đều, cá khỏe mạnh, vận động nhanh nhẹn và không có mầm bệnh, tỷ lệ sống của cá 81,75; năng suất đạt 11,3 tấn/ha; kích cỡ cá thu hoạch đạt 1315g/con; lợi nhuận thu được từ mô hình là 69,4 triệu đồng/ha/năm góp phần tăng thu nhập cho người nông dân nuôi cá trên địa bàn tỉnh.

Số hồ sơ lưu: YBI-009-2020

78442. 09-2021. **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nuôi cá nheo Mỹ (*Ictalurus punctatus* - Rafinesque, 1818) thương phẩm trong lồng trên hồ Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái/** ThS. Trần Ngọc Thư, - Yên Bái - Trung Tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, 2016 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, chọn hộ chọn địa điểm nuôi cá nheo Mỹ, khảo sát lựa chọn đơn vị cung cấp giống cá và thiết kế làm lồng bè nuôi cá. Xây dựng mô hình nuôi 8640 con cá nheo mỹ trong lồng trên hồ Thác Bà đạt tỷ lệ nuôi sống trên 80%, khối lượng cá thương phẩm sau 17 tháng nuôi đạt trung bình 1,5kg/con. Đánh giá khả năng sinh trưởng phát triển và hiệu quả kinh tế sơ bộ từ mô hình nuôi cá nheo Mỹ (*Ictalurus punctatus* - Rafinesque, 1818) thương phẩm trong lồng trên hồ Thác Bà.

Số hồ sơ lưu: YBI-014-2020

40505. Hệ sinh thái và đánh giá nguồn lợi thủy sản

76202. 09-2021. **Xây dựng mô hình nuôi tôm bền vững tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long dựa trên kiểm soát và xử lý nước ao tôm bằng vật liệu và công nghệ nano/** TS. Đoàn Đức Chánh Tín, TS. Đặng Thị Mỹ Dung; GS. TS. Đặng Mậu Chiến; TS. Nguyễn Phúc Cẩm Tú; PGS. TS. Phan Bách Thắng; TS. Nguyễn Thọ; ThS. Trương Thị Thu An; ThS. Lâm Hồng Phương; ThS. Nguyễn Thị Thùy Trang; ThS. Phan Thị Cẩm Huệ; CN. Lê Thị Mai; ThS. Huỳnh Kim Khánh; ThS. Nguyễn Chí Thanh - TP. Hồ Chí Minh - Viện Công nghệ Nano, 2020 - 04/2017 - 01/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định nồng độ diệt khuẩn tối ưu của dung dịch nano bạc đối với vi khuẩn *Vibrio* spp. gây bệnh trên tôm. Xác định nồng độ an toàn của dung dịch nano bạc đối với tôm thẻ chân trắng. Đánh giá khả năng diệt khuẩn của nano bạc trong nước nuôi

tôm, ảnh hưởng của nano bạc đến chất lượng nước và sức khỏe tôm trong điều kiện thực nghiệm. Đánh giá khả năng diệt khuẩn của nano bạc trong nước nuôi tôm, ảnh hưởng của nano bạc đến chất lượng nước và sức khỏe tôm tại ao nuôi thực tế. Xây dựng hệ thống lọc nước, khử khuẩn cho nước ao tôm bằng hệ thống màng lọc kết hợp với xử lý vật liệu nano bạc. Thiết lập hệ thống thu thập các thông tin đo đạc được, lưu trữ và truyền thông tin qua mạng Internet và 3G.

Số hồ sơ lưu: 17057

406. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp

40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;

75453. 09-2021. Nghiên cứu giá trị biểu hiện của phân tử microRNA (osa-miR7695) liên quan đến tính kháng bệnh đạo ôn của lúa/ TS. Nguyễn Bảo Quốc, TS. Nguyễn Ngọc Bảo Châu; CN. Nguyễn Đoàn Nguyên Phương; TS. Nguyễn Vũ Phong; ThS. Lê Hồng Thủy Tiên; ThS. Trương Phước Thiên Hoàng; ThS. Đào Uyên Trân Đa - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, 2018 - 12/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Phân lập và xác định các mẫu nấm đạo ôn gây bệnh trên lúa; Xác định độ đặc hiệu và chuyên biệt của các đoạn mồi sử dụng trong phương pháp qRT-PCR; Xây dựng quy trình qRT-PCR xác định sự hiện diện phân tử microRNA; quy trình chạy

qRT-PCR tối ưu cho phân tử microRNA osa-miR7695 và đánh giá mối tương quan mức độ biểu hiện giữa phân tử microRNA osa-miR7695 với bản sao phiên mã của gen Nramp6 (Os01g31870.8); Xây dựng các giá trị biểu hiện của phân tử microRNA osa-miR7695 và gen Nramp6 (Os01g31870.8) trên các giống lúa nhằm phục vụ cho công tác tuyển chọn giống lúa có khả năng kháng bệnh đạo ôn.

Số hồ sơ lưu: HCM-0216-2018

76212. 09-2021. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tích hợp với từ trường cường độ cao kích thích phát triển rễ để nhân giống vô tính cây hồng ăn quả đặc sản/ ThS. Trịnh Ngọc Diệu, ThS. Trịnh Ngọc Diệu ThS. Trịnh Đại Nghĩa; KS. Cao Văn Khang; KS. Nguyễn Xuân Việt; TS. Phạm Bích Ngọc; ThS. Hoàng Thị Huyền Trang; ThS. Nguyễn Khắc Hưng; ThS. Trịnh Đình Trung; CN. Bùi Thị Phương Loan; CN. Nguyễn Thị Xuyên; ThS. Đinh Phương Quỳnh - Hà Nội - Trung tâm Ứng dụng Vật lý y sinh và kỹ thuật môi trường, 2019 - 12/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định môi trường kích thích tạo rễ phù hợp làm cơ sở cho việc triển khai ứng dụng nhân giống. Xác định hoạt tính sinh học chất kích thích tạo rễ trước và sau khi được hoạt hóa bằng từ trường, làm cơ sở cho việc triển khai ứng dụng nhân giống. Xác định và áp dụng biện pháp kỹ thuật từ trường để kích thích hoạt tính sinh học hormone nội ngoại sinh, nâng cao khả năng tạo rễ

bằng phương pháp chiết cành, giâm cành, giâm rễ trong nhân giống hồng ăn quả. Xác định và áp dụng biện pháp kỹ thuật từ trường để kích thích hoạt tính sinh học các chất điều hòa sinh trưởng, nâng cao hiệu suất tỷ lệ sống cao cây hồng giống trong giai đoạn vườn ươm. Có được quy trình kỹ thuật - công nghệ tích hợp sử dụng từ trường năng lượng cao ứng dụng trong nhân giống đại trà hồng ăn quả đặc sản. Là mô hình điểm, sau đó sẽ được nhân rộng cho các tỉnh miền núi phía Bắc sau khi đề tài kết thúc

Số hồ sơ lưu: 17066

76659. 09-2021. **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen vi sinh vật trồng trọt/** TS. Nguyễn Thu Hà, CN. Trần Thị Thanh Thủy; ThS. Cao Thị Thanh Tâm; CN. Đàm Thị Thanh Hà; ThS.T rần Quang Minh; ThS. Trương Thị Duyên - Hà Nội - Viện Thổ Nhưỡng Nông hóa, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Bảo tồn, lưu giữ và đánh giá nguồn gen vi sinh vật trồng trọt: phân loại các nguồn vi sinh vật bằng giải trình tự gen 16S/28S rARN nguồn gen có tiềm năng trong sản xuất. Đánh giá khả năng phân giải ACC của các chủng bacillus hiện lưu giữ. Đánh giá tính đa hoạt tính (phân giải xenlulo và đối kháng nấm gây bệnh vùng rễ cây trồng: Fusarium, Phytophthora) của các chủng Trichoderma hiện lưu giữ. Tư liệu hoá nguồn gen: bổ sung cơ sở dữ liệu nguồn gen vi sinh vật; chụp ảnh tế bào bằng kính hiển vi điện tử của chủng vi sinh vật. Trao đổi thông tin tư liệu nguồn gen vi sinh vật trồng

trọt: cung cấp nguồn gen vi sinh vật phục vụ công tác nghiên cứu, cung cấp nguồn gen cho các đơn vị có nhu cầu.

Số hồ sơ lưu: 17308

40699. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp khác

74171. 09-2021. **Nghiên cứu Metagenome của vi sinh vật liên kết hải miên tại biển miền Trung Việt Nam nhằm phát hiện và sàng lọc các chất hoạt tính sinh học mới/** PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Cúc, PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Cúc; TS. Vũ Thị Thu Huyền; PGS. TS. Phạm Việt Cường; PGS. TS. Phạm Văn Cường; PGS. TS. Nguyễn Tiến Đạt; TS. Vũ Thị Quyên; ThS. Tôn Thất Hữu Đạt; ThS. Nguyễn Mai Anh; ThS. Trần Thị Kim Dung - Hà Nội - Viện Hoá sinh biển, 2019 - 07/2014 - 11/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sử dụng kỹ thuật metagenomics để đánh giá sự đa dạng vi sinh vật liên kết với một số loài hải miên biển tại Việt Nam, đồng thời phát hiện các gen mã hóa cho các sản phẩm tự nhiên có hoạt tính sinh học và tìm hiểu khả năng khai thác các gen này. Bên cạnh đó, thu nhận một số hợp chất có hoạt tính sinh học và xác định tính chất của chúng.

Số hồ sơ lưu: 16341

499. Khoa học nông nghiệp khác

76632. 09-2021. **Giải pháp thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao trong phát triển nông nghiệp tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh/** ThS. Phan Thị Xuân Diệu, ThS. Vũ

Ngọc Anh; ThS. Vương Tịnh Mạch; ThS. Nguyễn Minh Nhựt; ThS. Phan Thị Tuyết Oanh; CN. Khiếu Văn Công; CN. Nguyễn Thị Bảo Khánh; CN. Kiều Thúy Ngọc; CN. Nguyễn Mạnh Quân - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu và Phát triển, 2019 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích thực trạng bức tranh sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (UDCNC) trên địa bàn thành phố trong giai đoạn hiện tại. Hệ thống và phân tích các chủ trương, chính sách, chương trình của thành phố các tác động đến lĩnh vực nông nghiệp UDCNC, trên cơ sở đó, phân tích những bất cập còn tồn tại trong việc triển khai các chủ trương, chính sách, chương trình này. Xây dựng mô hình định lượng nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến ý định ứng dụng/ duy trì ứng dụng một công nghệ mới vào trong hoạt động của các đơn vị đang hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Đề xuất các giải pháp định hướng cho việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp của thành phố trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: HCM-018-2020

5. Khoa học xã hội

502. Kinh tế và kinh doanh

75939. 09-2021. **Nghiên cứu xây dựng khung chính sách hỗ trợ doanh nghiệp bản địa tham gia vào các khâu có giá trị gia tăng cao hơn trong các chuỗi giá trị toàn cầu và phát triển các chuỗi giá trị nội địa thông qua đổi mới sáng tạo/** ThS. Nguyễn Thanh Tùng,

ThS. Nguyễn Thanh Tùng; TS. Nguyễn Hà Thị Quỳnh Trang; ThS. Nguyễn Võ Hưng; ThS. Nguyễn Phương Mai; CN. Phạm Thị Thắm; PGS.TS. Trần Ngọc Ca; PGS.TS. Đặng Lan Hương; Nguyễn Thanh Hà; TS. Nguyễn Trung Kiên; Phạm Thị Hồng Vân - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng khung chính sách và các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp bản địa nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo (ĐMST) để tham gia vào các khâu/hoạt động có giá trị gia tăng (GTGT) cao hơn trong các chuỗi giá trị toàn cầu (GVC) và chuỗi giá trị nội địa (DVC). Nhận dạng các loại hình của GVC và DVC ở Việt Nam; quá trình hình thành và phát triển; cơ cấu và các thành phần tham gia của chuỗi, phương thức vận hành, cơ hội và những điều kiện đặt ra về năng lực ĐMST để các doanh nghiệp bản địa có thể tham gia vào các khâu/hoạt động có GTGT cao hơn trong các GVC và DVC. Phân tích tác động thực tế của các chính sách hiện hành đến việc nâng cao năng lực ĐMST nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp bản địa tham gia các hoạt động/ khâu có GTGT cao hơn trong GVC và DVC trong 5-10 năm qua: đánh giá sự phù hợp với những loại GVC và DVC khác nhau; xác định các rào cản chính sách cần gỡ bỏ, các cơ hội chính sách có thể khai thác. Đề xuất khung chính sách, cơ chế và giải pháp thực hiện.

Số hồ sơ lưu: 16919

76056. 09-2021. **Nghiên cứu các phương thức thu phí của báo điện tử và đề xuất áp dụng ở Việt Nam/** CN. Nguyễn Văn Bá, KS. Bùi Công Duyên; CN. Lương Tân Hương; CN. Trần Thị Huyền Thương; CN. Nguyễn Thế Khiêm; KS. Trần Thị Minh Nguyệt; CN. Nguyễn Hoàng Anh - Hà Nội - Báo VietNamNet, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thực tiễn việc thu phí các bài báo trên báo điện tử của các báo nước ngoài và một số báo ở Việt Nam. Đề xuất mô hình, giải pháp thu phí và khuyến nghị phát triển nội dung của các báo điện tử ở Việt Nam. Xây dựng giải pháp thu phí các bài báo trên chuyên trang Infonet và ICTnews và từ đó rút kinh nghiệm, mở rộng cho các nội dung khác của báo VietNamNet, làm tiền đề cho báo chí Việt Nam trong việc thực hiện và phát triển.

Số hồ sơ lưu: 16909

76636. 09-2021. **Tác động của chi tiêu công, thể chế công đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia ASEAN+3: Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam/** ThS. Lê Hoàng Anh, CN. Phạm Hòa Thịnh; TS. Huỳnh Xuân Hiệp; TS. Phan Ngọc Trung; ThS. Nguyễn Chí Công; TS. Nguyễn Văn Tuấn; ThS. Đào Thị Trang; ThS. Mai Bình Dương; ThS. Phạm Thị Hà An - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2019 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý thuyết về tác động của chi tiêu công, thể chế công đến tăng

trưởng kinh tế. Phương pháp nghiên cứu tác động của chi tiêu công, thể chế công đến tăng trưởng kinh tế. Đánh giá tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia ASEAN+3. Xác định các nhân tố đại diện cho các thành phần của thể chế công tại các quốc gia ASEAN+3. Đánh giá tác động của thể chế công đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia ASEAN+3 và tác động của thể chế công lên mối quan hệ giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia ASEAN+3 và đưa ra các hàm ý chính sách về quản lý chi tiêu công nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế và cải thiện thể chế công nhằm quản lý, sử dụng chi tiêu công tốt hơn để từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Số hồ sơ lưu: HCM-022-2020

76965. 09-2021. **Xây dựng mô hình giám sát tập đoàn tài chính - tiếp cận rủi ro hệ thống/** PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Huệ, TS. Đỗ Hồng Nhung; PGS.TS. Trần Thị Thanh Tú; TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy; TS. Nguyễn Phú Hà; TS. Lê Đức Hoàng; ThS. Trần Thị Hoàng Yến - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan về tập đoàn tài chính, làm rõ khái niệm và các nội hàm của tập đoàn tài chính. Đánh giá các văn bản pháp lý và hoàn thiện khuôn khổ về mặt pháp lý đối với mô hình giám sát tập đoàn tài chính trên phương diện cơ quan quản lý nhà nước. Đánh giá thực trạng tập đoàn tài chính ở Việt nam theo chuẩn mực quốc tế, từ đó,

chỉ ra những hạn chế và những điểm cần bổ khuyết. Nghiên cứu các nhân tố tác động đến rủi ro hệ thống trong hoạt động của các tập đoàn tài chính Việt Nam. Khuyến nghị chính sách về điều kiện hình thành tập đoàn tài chính theo chuẩn mực quốc tế ở Việt Nam và các hàm ý về giám sát tập đoàn tài chính trên cơ sở rủi ro hệ thống.

Số hồ sơ lưu: 17385

77229. 09-2021. **Cơ chế, chính sách liên kết kinh tế nội vùng và liên vùng đối với vùng Tây Nam Bộ theo hướng phát triển bền vững/** PGS.TS. Bùi Quang Tuấn, TS. Trần Hữu Hiệp; PGS.TS. Nguyễn Văn Sánh; PGS.TS. Giang Thanh Long; TS. Nguyễn Đình Chúc; PGS.TS. Hà Đình Thành; TS. Lê Anh Vũ; ThS. Bùi Việt Cường; ThS. Trần Minh; TS. Nguyễn Thị Thanh Hương - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, 2020 - 06/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích cơ sở lý luận về liên kết nội vùng và liên vùng theo hướng phát triển bền vững; tham khảo kinh nghiệm quốc tế và trong nước để rút ra bài học kinh nghiệm cho vùng Tây Nam Bộ về thúc đẩy liên kết kinh tế nội vùng và liên vùng. Thực trạng, những mặt hạn chế, khiếm khuyết của cơ chế, chính sách đang là điểm nghẽn của liên kết kinh tế nội vùng và liên vùng đối với vùng Tây Nam Bộ giai đoạn vừa qua; xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của liên kết nội vùng và liên vùng đối với vùng Tây Nam Bộ. Đề xuất các giải pháp về

cơ chế, chính sách đẩy mạnh liên kết nội vùng và liên vùng của vùng Tây Nam Bộ giai đoạn đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 theo hướng phát triển bền vững.

Số hồ sơ lưu: 17494

77233. 09-2021. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng Chương trình hành động của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện Chương TBT trong Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA) và Hiệp định FTA Việt Nam – EU (EVFTA) để hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam vượt qua rào cản kỹ thuật thương mại, tiếp cận thị trường Châu Âu, Hàn Quốc/** ThS. Vũ Thị Tú Quyên, CN. Nguyễn Văn Dũng; ThS. Vũ Thị Thu Phương; CN. Nguyễn Thị Mai Sinh; ThS. Phan Thanh Sơn; CN. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; CN. Trương Hạnh Hoa; ThS. Nguyễn Mai Hương; ThS. Lê Bích Ngọc - Hà Nội - Vụ Hợp tác quốc tế - Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng các nhiệm vụ cần thực hiện trong Chương trình hành động của Bộ Khoa học và Công nghệ thực thi chương TBT Hiệp định VKFTA và Chương trình hành động thực thi chương TBT Hiệp định EVFTA. Đề xuất các giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam vượt qua rào cản kỹ thuật để đưa sản phẩm hàng hóa vào thị trường Châu Âu và Hàn Quốc. Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam vượt qua rào cản kỹ thuật đối với thương mại để tiếp cận thị

trường Châu Âu, Hàn Quốc. Phát huy tính chủ động của Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc thực thi chương TBT Hiệp định VKFTA và EVFTA.

Số hồ sơ lưu: 17498

77234. 09-2021. **Nghiên cứu xây dựng, ứng dụng và phổ biến bộ công cụ chẩn đoán doanh nghiệp ngành công thương/ TS.** Trương Thị Chí Bình, ThS. Nguyễn Thị Hạnh; ThS. Nguyễn Trường Minh; ThS. Hồ Thị Ngọc; CN. Nguyễn Đức Tùng; CN. Phạm Thị Quỳnh Nga; CN. Phạm Việt Hà; CN. Nguyễn Lan Hương; PGS.TS. Nguyễn Mạnh Quân; CN. Dương Danh Tuấn - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương, 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng bộ tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá, làm công cụ chẩn đoán doanh nghiệp (DN) ngành công thương. Xây dựng phần mềm trên cơ sở bộ tiêu chí và chỉ tiêu kể trên để chẩn đoán, phân tích và trích xuất báo cáo đánh giá DN. Đào tạo và phổ biến bộ công cụ, giúp DN tự chẩn đoán/đánh giá hiện trạng phát triển của DN.

Số hồ sơ lưu: 17502

77235. 09-2021. **Phát triển du lịch nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao - Nghiên cứu trường hợp khu vực Tây Nguyên/ ThS.** Trần Thị Lan, TS. Đào Duy Tuấn; ThS. Hoàng Đạo Bảo Cầm; ThS. Hoàng Hoa Quân; ThS. Trương Nam Thắng; CN. Nguyễn Thị Diệu Linh; CN. Bùi Thị Hạnh; ThS. Nguyễn

Thanh Huyền - Hà Nội - Viện nghiên cứu phát triển du lịch, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xác lập cơ sở lý luận về hoạt động du lịch nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNUDCNC). Nghiên cứu thực tiễn việc phát triển các sản phẩm của loại hình du lịch NNUDCNC, mang bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam, qua việc nghiên cứu khu vực Tây Nguyên và có sức cạnh tranh cao theo xu thế thị trường hội nhập kinh tế toàn cầu. Đề xuất một số định hướng và các giải pháp cơ bản nhằm thích ứng và phù hợp với du lịch NNUDCNC của Việt Nam nói chung và khu vực Tây Nguyên nói riêng.

Số hồ sơ lưu: 17499

50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh

73968. 09-2021. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp khai thác cơ hội phát triển thương mại Việt Nam trong bối cảnh xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN/ TS.** Phạm Hồng Tú, CN. Trương Thị Thanh Vinh; ThS. Nguyễn Khánh Linh; TS. Phạm Văn Kiệm; ThS. Vũ Thu Quỳnh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương, 2019 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu làm rõ mô hình, cơ chế hợp tác của AEC và các cơ hội phát triển thương mại của Việt Nam; Phân tích thực trạng khai thác các cơ hội phát triển thương mại của Việt Nam trong bối cảnh xây dựng AEC; Nghiên cứu xây dựng quan điểm,

định hướng và giải pháp khai thác các cơ hội phát triển thương mại của Việt Nam trong giai đoạn 2018 - 2025.

Số hồ sơ lưu: 16306

74147. 09-2021. **Nghiên cứu đánh giá mức độ tổn thương các ngành kinh tế chủ yếu vùng bờ từ Thanh Hóa đến Nghệ An do tác động của biến đổi khí hậu nước biển dâng và đề xuất giải pháp phát triển bền vững/** ThS. Đoàn Thị Hạ, ThS. Phạm Thị Tám Hương; TS. Đào Mạnh Tiến; TS. Nguyễn Thế Tường; TS. Đậu Hiền; ThS. Lưu Văn Thủy; ThS. Vũ Thị Thương; ThS. Đặng Thị Hương - Hà Nội - Hội Địa chất biển Việt Nam, 2019 - 01/2018 - 07/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được cơ sở khoa học và thực tiễn nghiên cứu mức độ tổn thương của các ngành kinh tế do tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Đánh giá được mức độ tổn thương các ngành kinh tế chủ yếu vùng bờ từ Thanh Hóa đến Nghệ An do tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Đề xuất được các giải pháp giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng phục vụ phát triển bền vững.

Số hồ sơ lưu: 16333

76225. 09-2021. **Giải pháp cải cách thể chế kinh tế Việt Nam nhằm hội nhập hiệu quả vào các FTA thế hệ mới/** PGS. TS. Chu Đức Dũng, TS. Hoàng Xuân Long; TS. Lại Lâm Anh; PGS. TS. Nguyễn Thanh Đức; TS. Nghiêm Tuấn Hùng; TS. Phạm Mạnh Hùng; ThS. Trần Thị Cẩm Trang; ThS. Võ Hải

Minh - Hà Nội - Viện kinh tế và chính trị thế giới, 2020 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận dạng và phân tích những nội dung yêu cầu của các FTA thế hệ mới về vấn đề thể chế, các tác động của nó đến sự phát triển của Việt Nam trong bối cảnh tham gia nhập các FTA thế hệ mới. Chỉ ra các hạn chế của nỗ lực cải cách thể chế kinh tế của Việt Nam đến nay, nguyên nhân của các hạn chế đó. Đề xuất giải pháp cải cách thể chế kinh tế Việt Nam để hội nhập hiệu quả vào các FTA thế hệ mới trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 17085

76308. 09-2021. **Nghiên cứu phát triển du lịch gắn với các sự kiện thể thao tại Việt Nam/** TS. Đỗ Cẩm Thơ, PGS.TS.Lê Thị Thu Hà; PGS.TS.Nguyễn Danh Hoàng Việt; TS.Đỗ Thị Thanh Hoa; TS.Nguyễn Thu Thủy; TS.Trịnh Lê Anh; ThS.Luyện Thị Hồng Hạnh; KS.Trần Thị Thùy Linh; ThS.Nguyễn Hoàng Mai; ThS.Đinh Thị Thanh Hiền - Hà Nội - Vụ Kế hoạch Tài chính - Tổng cục Du lịch, 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ được các cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch gắn với các sự kiện thể thao tại Việt Nam. Đề xuất được các định hướng và giải pháp nhằm tận dụng các sự kiện thể thao để thúc đẩy phát triển du lịch, tạo sức hấp dẫn và thu hút cao hơn của các sự kiện, tăng cường sức mạnh tổng thể liên ngành, tăng cường thu hút khách du lịch

trong nước và quốc tế đến với các sự kiện thể thao.

Số hồ sơ lưu: 17219

78224. 09-2021. **Nghiên cứu xây dựng chuỗi cung ứng nông sản chủ yếu góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp tại huyện trần yên, tỉnh Yên Bái.**/ PGS.TS. Nguyễn Tuấn Sơn, - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2016 - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng sản xuất và tiêu thụ các loại nông sản chủ yếu của huyện Trần Yên tỉnh Yên Bái giai đoạn 2011 - 2015. Phân tích tiềm năng, triển vọng, cơ hội, thách thức đối với phát triển sản xuất nông lâm nghiệp. Từ đó, đề xuất giải pháp xây dựng và hoàn thiện chuỗi cung ứng 05 loại nông sản chủ yếu (dâu tằm, quế, măng tre bát độ, lợn thịt, cây lâm nghiệp làm nguyên liệu) nhằm gắn kết người sản xuất với các tác nhân trung gian góp phần phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, nâng cao thu nhập cho nông dân trên địa bàn huyện Trần Yên.

Số hồ sơ lưu: YBI-003-2020

50202. Kinh doanh và quản lý

74054. 09-2021. **Đánh giá tiềm năng và nghiên cứu phát triển mô hình du lịch sinh thái vào cộng đồng tại Đăk Nông.**/ Trương Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Thanh Ngân; Mai Ngọc Thịnh; Cao Thế Anh; Văn Thị Nguyên; Nguyễn Thị Thanh Kiều; Nguyễn Ngọc Bảo Thành; Bùi Thị Cẩm Hương - Đăk Nông - Trường Đại học Đà Lạt,

2017 - 10/2014 - 02/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá tiềm năng và thực trạng phát triển mô hình du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại tỉnh Đăk Nông, đánh giá các điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống cơ chế, chính sách phát triển du lịch, tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn và đánh giá hệ thống cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực phục vụ du lịch sinh thái cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đăk Nông. Nghiên cứu xây dựng mô hình mẫu về du lịch sinh thái áp dụng cho tỉnh, thiết kế một số sản phẩm du lịch sinh thái mang tính đặc trưng của tỉnh. Đề xuất quy hoạch tuyến, điểm cho du lịch sinh thái và đề xuất hệ thống giải pháp áp dụng mô hình du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại địa phương.

Số hồ sơ lưu: DNG-012-2019

76067. 09-2021. **Đánh giá chất lượng của một số sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường có nguy cơ gây mất an toàn và đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.**/ ThS. Trần Văn Dur, CN. Phạm Thị Vân Trang; CN. Vũ Thị Minh Khai; CN. Đặng Anh Đức; CN. Nguyễn Văn Nam; CN. Hà Thị Thanh Thủy; CN. Nguyễn Doãn Trung - Hà Nội - Tạp chí Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (nay là Trung tâm Thông tin - Truyền thông Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng), 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nhận diện sản phẩm hàng hoá cần đánh giá chất lượng (10 loại sản

phẩm/6 nhóm ngành) thông qua các hoạt động nghiên cứu, phân tích thực trạng chất lượng sản phẩm hàng hóa trên cơ sở thông tin từ các ngành hàng, hệ thống kênh truyền thông, dư luận xã hội và ở kinh nghiệm của một số nước/nhóm nước. Đánh tình hình chất lượng một số sản phẩm hàng hoá (SPHH) lưu thông trên thị trường có nguy cơ cao gây mất an toàn (10 sản phẩm/6 nhóm hàng). Thông tin, cảnh báo về SPHH không đảm bảo chất lượng, an toàn tới các cơ quan quản lý và người tiêu dùng. Xây dựng và đề xuất các giải pháp, biện pháp tăng cường quản lý nhà nước về chất lượng SPHH.

Số hồ sơ lưu: 16907

76077. 09-2021. **Đánh giá những tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đến công tác quản lý đối tượng bảo hiểm xã hội/** TS. Bùi Sỹ Tuấn, ThS. Trần Việt Dũng; TS. Nguyễn Thanh Hương; ThS. Hoàng Mạnh Cầm; CN. Ngô Văn Chung; CN. Lê Văn Hạnh; ThS. Bùi Huy Nam; ThS. Đinh Mai Hạnh; ThS. Nguyễn Hoàng Phương; ThS. Bùi Thị Lan Hương - Hà Nội - Văn phòng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, 2019 - 10/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa lý luận về cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và đánh giá tác động đến công tác quản lý đối tượng bảo hiểm xã hội (BHXH). Đánh giá những tác động tích cực và tiêu cực của cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đến ngành BHXH. Đề xuất một số giải pháp và lộ trình thực hiện của ngành BHXH đối với những tác động của cách mạng công

ngiệp lần thứ 4 đến công tác quản lý đối tượng BHXH.

Số hồ sơ lưu: 16918

76208. 09-2021. **Nâng cao nhận thức về đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ trong cộng đồng sinh viên và doanh nghiệp khởi nghiệp/** Cử nhân. Trần Thị Tám, CN. Phạm Thị Việt Hà; CN. Nguyễn Thị Thu Hương; PGS. TS. Lê Thị Thu Hà; TS. Phan Tất Thứ; TS. Nguyễn Như Quỳnh; ThS. Lữ Thị Thu Trang; ThS. Phạm Duy Khương; CN. Lê Quốc Minh; PGS. TS. Trần Văn Hải; PGS. TS. Nguyễn Quốc Thịnh; CN. Lê Quang Vinh; TS. Nguyễn Trung Dũng; KS. Vũ Mạnh Hùng - Hà Nội - Công ty TNHH IpCom Việt Nam, 2020 - 10/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được nhu cầu tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, tiếp nhận thông tin về đổi mới sáng tạo và quản trị tài sản trí tuệ trong trường đại học, doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp) và cộng đồng; Thông qua các diễn đàn, hội thảo, tuyên truyền được vai trò và sự gắn kết của đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ trong cộng đồng sinh viên và doanh nghiệp khởi nghiệp một cách sâu rộng; Tạo nên được một diễn đàn kết nối các chuyên gia về đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ với cộng đồng, sinh viên và doanh nghiệp khởi nghiệp nhằm chia sẻ kiến thức, trao đổi kinh nghiệm và tư vấn ứng dụng lý luận vào thực tiễn. Xây dựng được hệ thống và sử dụng các công cụ truyền thông xã hội về đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ, tạo sự tương tác gắn

kết, cung cấp thông tin cho những người tham gia cộng đồng, đưa hoạt động đổi mới sáng tạo và bảo

Số hồ sơ lưu: 17082

76228. 09-2021. **Giáo dục tài chính - kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam/** TS. Nguyễn Tường Vân, TS. Hà Thị Sáu; ThS. Đào Bích Ngọc; ThS. Lê Văn Hinh; ThS. Đoàn Đức Minh; ThS. Trần Hữu Tuyền; ThS. Trần Thị Thu Hương; ThS. Vũ Mai Chi; CN. Ngô Thị Minh Thu; ThS. Thân Thị Vi Linh - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2019 - 10/2018 - 10/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất về chính sách giáo dục tài chính cho Việt Nam; Hệ thống hóa lý luận về giáo dục tài chính và sự cần thiết của giáo dục tài chính trong công cuộc phát triển tài chính toàn diện; Tổng hợp kinh nghiệm quốc tế về chiến lược giáo dục tài chính tại Australia, Ấn Độ và Hồng Kông và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam; Đánh giá về thực trạng giáo dục tài chính tại Việt Nam; Đưa ra các khuyến nghị chính sách về giáo dục tài chính phù hợp cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17093

76627. 09-2021. **Nghiên cứu dự báo rủi ro dự án BOT công trình giao thông ở Việt Nam bằng phương pháp mạng Nơ ron nhân tạo (Artificial Neural Network – ANN)/** TS. Lê Quang Trung, TS. Nguyễn Anh Đức; TS. Lê Hồng Hà; ThS. Lê Thái Hòa; ThS. Vũ Anh Tuấn; PGS. TS. Hồ Ngọc Khoa; TS.

Trần Quang Dũng; ThS. Lê Đình Tiến; ThS. Lưu Văn Thực; ThS. Phạm Đình Hạnh - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng, 2019 - 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Thống kê và xử lý số liệu thống kê về một số nhóm rủi ro của dự án BOT công trình giao thông ở Việt Nam trước đây. Áp dụng thuật toán dự đoán một số nhóm rủi ro dự án BOT công trình giao thông ở Việt Nam dựa trên phương pháp mạng thần kinh nhân tạo ANN (Artificial Neural Network – ANN). Áp dụng thuật toán, tính toán dự đoán một số nhóm rủi ro một dự án BOT công trình giao thông ở Việt Nam trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 17307

78551. 09-2021. **Nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý tài chính công ở tỉnh Yên Bái/** TS. Bùi Tiến Hanh, - Yên Bái - Sở Tài Chính, 2017 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu và đánh giá thực trạng khuôn khổ thể chế, chính sách liên quan đến hoạt động quản lý tài chính công, đặc biệt là hoạt động quản lý ngân sách địa phương giai đoạn 2013-2015 ở tỉnh Yên Bái. Từ đó, đề xuất các giải pháp có cơ sở khoa học lý luận và thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý tài chính công, đặc biệt là hoạt động quản lý ngân sách của tỉnh Yên Bái cho giai đoạn đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

Số hồ sơ lưu: YBI-039-2020

503. Khoa học giáo dục**50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,...**

74145. 09-2021. **Nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác quốc tế lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp/** PGS. TS. Mạc Văn Tiến, ThS. Nguyễn Quyết Tiến; TS. Lê Thanh Hà; TS. Lê Kim Dung; TS. Nguyễn Quang Việt; ThS. Phạm Xuân Thu; PGS. TS. Bùi Tất Thắng; ThS. Phí Mạnh Thắng; TS. Đỗ Năng Khánh; ThS. Trần Thị Liễu - Hà Nội - Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp, 2018 - 01/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ về mặt lý luận về hợp tác quốc tế, nội hàm của hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; các hình thức, phương thức mô hình hợp tác trong lĩnh vực này. Xây dựng được tiêu chí đánh giá chất lượng và hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục nghề nghiệp. Đánh giá thực trạng chất lượng và hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Đề xuất được mô hình và các giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 16329

76036. 09-2021. **Nghiên cứu xây dựng Ứng dụng bồi dưỡng - huấn luyện trực tuyến các chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin dựa trên đồ thị ngữ nghĩa/** TS. Hoàng Bảo Hùng, TS. Nguyễn Thị Hoa Huệ; ThS. Võ Hoàng Phương Dung; ThS. Đỗ Công Đức - Đà Nẵng - Trường Cao đẳng Công nghệ thông

tin Hữu nghị Việt-Hàn, 2019 - 01/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) (cơ bản, nâng cao) để xây dựng dữ liệu dùng thử ma trận kiến thức cho từng mô đun. Xây dựng dữ liệu dùng thử ngân hàng câu hỏi để kiểm tra trình độ kỹ năng CNTT (cơ bản, nâng cao). Đánh giá một số hệ thống e-learning đào tạo về chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin hiện có, như hệ thống e-learning của Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông, Đại học Đà Nẵng và Trung tâm Tin học SDC - Đại học Đà Nẵng. Nghiên cứu các công nghệ web ngữ nghĩa để xây dựng ontology nhằm biểu diễn đồ thị ngữ nghĩa cho các mô đun trong các chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin: RDF, RDFS, OWL và SPARQL. Xây dựng ứng dụng bồi dưỡng trực tuyến các chuẩn kỹ năng CNTT (cơ bản, nâng cao) dựa trên đồ thị ngữ nghĩa.

Số hồ sơ lưu: 16910

76044. 09-2021. **Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay/** PGS.TS. Đặng Hữu Toàn, PGS.TS. Phạm Văn Đức; PGS.TS. Nguyễn Tài Đông; PGS.TS. Vũ Văn Viên; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà; TS. Nguyễn Đình Hòa; ThS. Trần Thị Minh Tâm - Hà Nội - Viện Triết học, 2017 - 11/2013 - 11/2017. (Đề tài cấp Quốc gia)

Từ góc độ triết học, làm rõ những vấn đề lý luận về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đánh giá thực trạng phát triển nguồn nhân lực này từ 2011 đến nay và dự

báo nhu cầu về nguồn lực này trong những năm tiếp theo. Đề xuất một số giải pháp chủ yếu và điều kiện để thực hiện những giải pháp này nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao vì mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 16920

76063. 09-2021. **Hỗ trợ các hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu, sản phẩm công nghệ trong trường cao đẳng khối ngành kỹ thuật – công nghệ/** TS. Phạm Xuân Khánh, ThS. Kiều Thành Chung; TS. Trần Xuân Ngọc; KS. Tô Bá Dũng; ThS. Lê Ngọc Dũng; ThS. Phạm Thị Thanh Hà; ThS. Nguyễn Trung Dũng; ThS. Vũ Tuấn Anh; PGS.TS. Đinh Văn Hải; PGS.TS. Vũ Thị Tú Anh; TS. Trần Xuân Thảo; ThS. Nguyễn Thị Hải Yến - Hà Nội - Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội, 2019 - 07/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình thúc đẩy các hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu, sản phẩm công nghệ trong trường cao đẳng khối ngành kỹ thuật - công nghệ. Đào tạo, tập huấn về thương mại hóa kết quả nghiên cứu, sản phẩm công nghệ. Xây dựng, duy trì cập nhật và phát triển cơ sở dữ liệu về kết quả nghiên cứu, sản phẩm khoa học công nghệ của nhà trường có thể truy cập trực tuyến trên Internet.

Số hồ sơ lưu: 16912

76232. 09-2021. **Nghiên cứu xây dựng chương trình bồi dưỡng**

kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức ngành Công Thương về cải cách hành chính/ ThS. Nguyễn Thanh Tuấn, ThS. Nguyễn Hồng Linh; ThS. Trần Thị Phương Thảo; ThS. Phan Phương Thảo; ThS. Nguyễn Đình Đức; CN. Bùi Hồng Diệp; TS. Nguyễn Thị Huế; ThS. Nguyễn Thị Minh - Hà Nội - Trường Đào tạo, Bồi dưỡng Cán bộ Công thương Trung ương, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức ngành Công thương về cải cách hành chính. Mục tiêu của chương trình đào tạo, bồi dưỡng phải gắn kết chặt chẽ với tầm nhìn và sứ mệnh phát triển của cơ sở đào tạo. Đồng thời, mục tiêu của chương trình đào tạo phải hướng đến sự phát triển toàn diện của người học - nguồn nhân lực tương lai.

Số hồ sơ lưu: 17097

504. Xã hội học

76966. 09-2021. **Quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam: Thực trạng, vấn đề đặt ra và định hướng chính sách/** GS.TS. Phạm Quang Minh, PGS.TS. Phạm Ngọc Thanh; TS. Nguyễn Thị Thu Hương; PGS.TS. Đinh Xuân Lý; GS.TS. Dương Xuân Ngọc; ThS. Nguyễn Văn Thục; PGS.TS. Trần Thị Minh Ngọc; PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà; GS.TS. Hoàng Bá Thịnh; ThS. Đoàn Việt Hải - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2020 - 01/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Trên cơ sở phân tích làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn về quản lý phát triển xã hội (QLPTXH) trong điều kiện kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế. Tham khảo mô hình, cách thức QLPTXH ở một vài nước trên thế giới, tập trung đánh giá toàn diện, cập nhật thực trạng xã hội và QLPTXH ở nước ta. Dự báo các xu hướng PTXH và QLPTXH tại Việt Nam tới năm 2020, tầm nhìn năm 2030 trong điều kiện kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế. Đề xuất mô hình định hướng chính sách, giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả QLPTXH ở Việt Nam, đáp ứng yêu cầu PTBV đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 17384

50404. Dân tộc học

73963. 09-2021. **Nghiên cứu kết quả thực hiện một số chủ trương, chính sách đối với đồng bào Khmer và những vấn đề đặt ra/** CN. Sơn Minh Thắng, PGS. TS. Ngô Quang Sơn; TS. Vũ Thị Thanh Minh; CN. Huỳnh Thị Sô Ma Li; TS. La Đức Minh; ThS. Nguyễn Duy Dũng; ThS. Vũ Quốc Vượng; ThS. Vũ Xuân Hùng; ThS. Nguyễn Đăng Lãng; ThS. Lý Thị Mười - Hà Nội - Học viện Dân tộc, 2019 - 01/2016 - 03/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu khung lý thuyết đánh giá kết quả thực hiện chủ trương, chính sách đối với đồng bào Khmer Nam Bộ từ năm 1991 đến nay. Nghiên cứu, đánh giá kết quả thực hiện một số chủ trương, chính

sách đối với đồng bào Khmer Nam Bộ từ năm 1991 đến nay. Dự báo tình hình kinh tế - xã hội vùng đồng bào Khmer trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Đề xuất quan điểm, định hướng, nội dung, giải pháp, kiến nghị về đổi mới, hoàn thiện chủ trương, chính sách đối với đồng bào Khmer Nam Bộ nói chung và đồng bào Khmer ở vùng đặc biệt khó khăn nói riêng, trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 16303

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội

74081. 09-2021. **Nâng cao hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học của Bộ vào thực tiễn công tác của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội/** PGS. TS. Nguyễn Thị Lan Hương, ThS. Nguyễn Thị Hải Yến; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; TS. Bùi Thái Quyên; CN. Lưu Thị Lan Anh; ThS. Phùng Thị Như Nhàn; ThS. Nguyễn Trà My - Hà Nội - Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2018 - 05/2017 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về nâng cao hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn công tác của ngành; Tổng quan kinh nghiệm trong nước và quốc tế về ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn công tác của ngành; Đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học của Bộ vào thực tiễn công tác của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 2012- 2016; Đề xuất hệ

thông chỉ tiêu đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào hoạch định các chính sách ngành LĐTĐBXH. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học của Bộ vào thực tiễn công tác của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn đến 2025.

Số hồ sơ lưu: 16314

76039. 09-2021. **Biến đổi vai trò giáo dục và xã hội hóa cá nhân về vai trò giới/ GS.TS.Nguyễn Hữu Minh, TS. Trần Thị Hồng; ThS. Trần Quý Long; ThS. Hà Thị Minh Khương; ThS. Lê Thị Hồng Hải; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Trần Thị Thanh Loan; CN. Đào Hồng Lê; CN. Phan Thị Thanh Mai - Hà Nội - Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2020 - 06/2018 - 03/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Trình bày rõ khái niệm xã hội hóa về vai trò giới. Vai trò và ý nghĩa của xã hội hóa cá nhân về vai trò giới của gia đình. Phân tích sự biến đổi vai trò giáo dục và xã hội hóa cá nhân về vai trò giới của gia đình Việt Nam hiện nay. Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến các chiều cạnh khác nhau của vai trò giáo dục và xã hội hóa cá nhân về vai trò giới của gia đình. Gợi ý các chính sách đối với chức năng giáo dục và xã hội hóa cá nhân về vai trò giới của gia đình trong bối cảnh phát triển và biến đổi xã hội hiện nay. Ở nghiên cứu này các tác giả giới hạn việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu về giáo dục và xã hội hóa đối với cá nhân trong gia đình là xã hội hóa đối với thanh thiếu niên, vì về cơ bản xã

hội hóa hướng nhiều đến đối tượng này

Số hồ sơ lưu: 16911

76179. 09-2021. **Báo cáo tổng hợp của Chương trình “Nghiên cứu, đánh giá tổng thể về gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế” trình Thủ tướng Chính phủ và các hoạt động triển khai Chương trình/ GS. TS. Nguyễn Quang Thuấn, GS. TS. Nguyễn Hữu Minh; PGS. TS. Trần Thị Minh Thi; ThS. Đỗ Diệu Hương; ThS. Lê Thị Hồng Vân; TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh; PGS. TS. Phan Thị Mai Hương; TS. Đặng Bích Thủy; ThS. Nguyễn Thanh Hà; PGS. TS. Vũ Mạnh Lợi; ThS. Hà Thị Minh Khương; ThS. Đặng Thanh Nhàn; ThS. Lỗ Việt Phương; TS. Nguyễn Quốc Anh; GS. TS. Trịnh Duy Luân; TS. Trương Thị Thu Thủy; CN. Đào Hồng Lê; ThS. Nguyễn Đức Tuyên; ThS. Hạ Thị Thu Thủy; TS. Phạm Thị Thu Phương; ThS. Phạm Thị Vân; ThS. Trịnh Tố Na; ThS. Vũ Thị Cúc; TS. Nguyễn Hà Đông; ThS. Phan Huyền Dân; TS. Trịnh Thái Quang; PGS. TS. Trần Thị An; TS. Nguyễn Bùi Nam; PGS. TS. Vũ Hùng Cường; ThS. Trần Thị Bích Nga; ThS. Phí Hải Nam; TS. Ngô Ngân Hà; PGS. TS. Nguyễn Chiến Thắng - Hà Nội - Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2020 - 12/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Mô tả các đặc điểm cơ bản của gia đình Việt Nam trên các khía cạnh: Đặc điểm nhân khẩu-xã hội hộ gia đình; Đặc điểm hôn nhân; Mỗi

quan hệ vợ-chồng; Quan hệ cha mẹ-con cái; Mâu thuẫn, xung đột và bạo lực gia đình; Điều kiện sống và phúc lợi gia đình; và Văn hóa ứng xử trong gia đình. Nhận diện thực trạng, xu hướng và nguyên nhân biến đổi của cơ cấu và các mối quan hệ gia đình từ khi đổi mới đến nay. Tác động của xu hướng đó đối với sự phát triển kinh tế-xã hội. Nhận diện thực trạng, xu hướng và nguyên nhân biến đổi của chức năng gia đình từ khi đổi mới đến nay. Tác động của xu hướng đó đối với sự phát triển xã hội. Nhận diện thực trạng và xu hướng biến đổi văn hóa gia đình. Tác động của sự biến đổi văn hóa gia đình đối với sự phát triển xã hội, đối chiếu với những yêu cầu xây dựng nền văn hóa gia đình mới. Phân tích mối quan hệ cơ bản giữa gia đình, cộng đồng và nhà nước trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập, đặc biệt xác định vai trò của nhà nước và cộng đồng đối với gia đình và tác động trở lại của gia đình đối với sự phát triển xã hội nói chung. Nhận diện xu hướng biến đổi của mối quan hệ này trong giai đoạn tiếp theo. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, nêu ra những đề xuất pháp luật, chính sách về gia đình, đáp ứng yêu cầu quản lý có hiệu quả văn hóa gia đình.

Số hồ sơ lưu: 17049

76187. 09-2021. **Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng năng lượng mặt trời của hộ gia đình ở Việt Nam/** TS. Nguyễn Đình Chúc, ThS. Trần Minh; TS. Bùi Quang Bình; ThS. Trịnh Thị

Tuyết Dung; TS. Vũ Hoàng Đạt; ThS. Nguyễn Đức Long; TS. Lê Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Thị Thục; ThS. Vũ Thị Chanh - Hà Nội - Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2019 - 06/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu và phân tích cơ cấu thị trường điện và các vấn đề thể chế chủ yếu như các biện pháp khuyến khích và không khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo. Tìm hiểu nhận thức và hành vi tiêu dùng của người sử dụng điện và mức độ sẵn sàng chi trả cho việc đầu tư và sử dụng năng lượng mặt trời. Đánh giá kỳ vọng của người tiêu dùng đối với thị trường năng lượng mặt trời hộ gia đình. Tìm hiểu và phân tích những khó khăn trong tiếp cận với năng lượng mặt trời hộ gia đình; Khoảng cách giữa nhu cầu và cung cấp năng lượng mặt trời hộ gia đình..

Số hồ sơ lưu: 17061

76994. 09-2021. **Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ văn hóa cơ sở tại các tỉnh biên giới phía Bắc/** TS. Nguyễn Quang Hùng, ThS. Hoàng Thị Bình; PGS.TS. Lê Ngọc Thắng; PGS.TS. Bùi Hoài Sơn; TS. Trần Hữu Sơn; ThS. Trần Thị Thanh Tâm - Hà Nội - Trường Cán bộ quản lý văn hóa, thể thao và du lịch, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động của đội ngũ cán bộ văn hóa cơ sở các tỉnh biên giới phía Bắc. Đánh giá thực trạng các hoạt động văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch và phát hiện

những vấn đề đặt ra từ thực tiễn cần giải quyết. Đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ văn hóa cơ sở tại các tỉnh biên giới phía Bắc. Định hướng nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý ngành văn hóa cơ sở khu vực biên giới phía Bắc trong xu thế hội nhập, phát triển đất nước hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 17387

77045. 09-2021. **Phát triển kỹ năng nghề nghiệp để nâng cao khả năng dịch chuyển của lao động trẻ Việt Nam/** TS. Nguyễn Trung Hưng, ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Thừa Thế Đức; ThS. Nguyễn Hữu Hùng; TS. Nguyễn Thị Quyên; CN. Trịnh Hoàng Hiếu; ThS. Lê Quang Anh - Hà Nội - Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2019 - 09/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về phát triển kỹ năng nghề nghiệp để nâng cao khả năng dịch chuyển của lao động trẻ; Tổng quan kinh nghiệm quốc tế về phát triển kỹ năng nghề nghiệp để nâng cao khả năng dịch chuyển của lao động trẻ; Đánh giá thực trạng kỹ năng nghề nghiệp và khả năng dịch chuyển của của lao động trẻ Việt Nam trong giai đoạn 2007-2016; Đề xuất các giải pháp phát triển kỹ năng nghề nghiệp để nâng cao khả năng dịch chuyển của lao động trẻ Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17314

77262. 09-2021. **Một số giải pháp nâng cao vai trò của đoàn xã, phường, thị trấn tham gia thực**

hiện quyền trẻ em/ TS. Phạm Ngọc Linh, ThS. Nguyễn Thị Bình; PGS.TS. Vũ Hồng Tiến; ThS. Nguyễn Trọng Tiến; TS. Lê Thu Hiền; ThS. Trần Thị Hà; ThS. Đào Thị Tĩnh; CN. Bùi Phương Thảo; CN. Phạm Hoàng Hiệp; CN. Nguyễn Thị Thương Huyền - Hà Nội - Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về vai trò đoàn xã, phường, thị trấn tham gia thực hiện quyền trẻ em: Tổng quan tình hình nghiên cứu, hệ thống khái niệm, hệ thống văn bản pháp luật, vai trò đoàn xã, phường, thị trấn tham gia thực hiện QTE. Đánh giá thực trạng vai trò đoàn xã, phường, thị trấn và các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò đoàn xã, phường, thị trấn tham gia thực hiện QTE. Đề xuất một số giải pháp nâng cao vai trò của đoàn xã, phường, thị trấn tham gia thực hiện QTE.

Số hồ sơ lưu: 17513

77264. 09-2021. **Vai trò của đoàn thanh niên trong hỗ trợ nhóm trẻ bị xao nhãng ở nông thôn hiện nay/** TS. Lê Thị Thanh Thủy, ThS. Phan Thị Thảo; ThS. Phạm Thị Thanh Mai; ThS. Nguyễn Ngọc Tùng; TS. Hoàng Thị Hạnh; ThS. Ngô Thu Trà My; ThS. Trần Quang Thái; CN. Vũ Hồng Nhung; CN. Nguyễn Ngọc Diệp; TS. Trần Thị Phi Hằng - Hà Nội - Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lý luận về vai trò của đoàn thanh niên trong hỗ trợ nhóm

trẻ em bị xao nhãng. Làm rõ cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học trong hoạt động hỗ trợ của đoàn thanh niên với trẻ em bị xao nhãng. Khảo sát và phân tích thực trạng trẻ em bị xao nhãng ở khu vực nông thôn và vai trò của đoàn thanh niên trong hỗ trợ nhóm trẻ bị xao nhãng. Đề xuất một số giải pháp nâng cao vai trò của đoàn thanh niên trong việc hỗ trợ nhóm trẻ bị xao nhãng ở nông thôn.

Số hồ sơ lưu: 17510

505. Pháp luật

76962. 09-2021. **Áp dụng chương trình khoan hồng trong điều tra và xử lý các vụ việc thỏa thuận hạn chế cạnh tranh - kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam/** ThS. Phùng Văn Thành, CN. Trịnh Minh Tiến; CN. Lê Huyền Trang; ThS. Phan Hải Lê; ThS. Nguyễn Thúy Ngọc; ThS. Lê Vũ Quỳnh Trang; ThS. Tiêu Quang Khánh; CN. Nguyễn Phương Trà My - Hà Nội - Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn áp dụng chính sách khoan hồng trong điều tra và xử lý hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh ở một số nước (bao gồm cả thành công và thất bại) và từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc triển khai áp dụng chính sách khoan hồng trong điều tra và xử lý hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, đặc biệt trong bối cảnh chính sách khoan hồng lần đầu tiên được quy định trong Luật Cạnh tranh 2018. Xây dựng hướng dẫn thực thi chính sách

khoan hồng nhằm phục vụ công tác điều tra và xử lý hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh tại của cơ quan cạnh tranh Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17372

77246. 09-2021. **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hoàn thiện quy định chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhằm khuyến khích phát triển kinh tế trang trại theo Luật Đất đai 2013/** ThS. Hoàng Ngọc Hà, ThS. Phạm Thị Thúy Hạnh; ThS. Trần Thu Lệ; ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo; CN. Phạm Thị Quỳnh; ThS. Lê Gia Chinh; ThS. Phùng Văn Hiệp; ThS. Vũ Công Ôn; KS. Ngô Bảo Hưng; KS. Trần Văn Tiến - Hà Nội - Viện nghiên cứu quản lý đất đai, 2020 - 07/2016 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về trang trại, phát triển kinh tế trang trại (KTTT) và các chính sách pháp luật có liên quan. Đánh giá thực trạng về chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho phát triển KTTT. Đề xuất hoàn thiện quy định chuyển đổi mục đích sử dụng đất và một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai nhằm khuyến khích phát triển KTTT.

Số hồ sơ lưu: 17507

50501. Luật học

76199. 09-2021. **Nghiên cứu đánh giá chất lượng sáng chế được bảo hộ/** TS. Nguyễn Hữu Cần, ThS. Nguyễn Thị Minh Hằng; ThS. Vũ Thị Hân; ThS. Đỗ Thị Xuân Hương; CN. Nguyễn Thị Hương Xiêm; ThS. Bùi Tiên Quyết; ThS. Trần Thị Thu

Hằng; CN. Hoàng Duy Khánh; CN. Lê Quang Dũng; ThS. Lê Thị Hằng - Hà Nội - Viện Khoa học sở hữu trí tuệ, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về chất lượng SC được bảo hộ và cách thức đánh giá chất lượng SC được bảo hộ một cách hệ thống, trong đó lưu ý tới mục tiêu phục vụ hoạt động thương mại hóa và thực thi quyền đối với SC ở góc độ chính sách; Làm rõ khả năng áp dụng việc đánh giá tình hình chất lượng SC được bảo hộ trong điều kiện ở Việt Nam và đề xuất một số giải pháp để hiện thực hóa khả năng này, trong đó lưu ý tới đối tượng thụ hưởng và áp dụng chính sách là chủ sở hữu SC, các tổ chức/doanh nghiệp. Đánh giá chất lượng SC được bảo hộ nhằm làm rõ thực trạng và cung cấp luận cứ cho việc hoạch định chính sách phục vụ hoạt động thương mại hóa và thực thi quyền đối với SC ở Việt Nam trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 17062

76201. 09-2021. **Nghiên cứu mức độ đóng góp của nhãn hiệu tới GDP ở Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Thị Minh Hằng, ThS. Vũ Thị Hân; TS. Nguyễn Hữu Cẩn; ThS. Đỗ Thị Xuân Hương; ThS. Bùi Tiến Quyết; ThS. Lê Thị Hằng; ThS. Nguyễn Mỹ Linh; CN. Nguyễn Thị Hương Xiêm; ThS. Phạm Thị Huế; ThS. Trần Thị Thu Hằng - Hà Nội - Viện Khoa học sở hữu trí tuệ, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định ngành công nghiệp 5 sử dụng nhiều nhãn hiệu ở Việt Nam

trong giai đoạn 2011-2015; Xác định mức độ đóng góp của ngành công nghiệp sử dụng nhiều nhãn hiệu vào tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ở Việt Nam. Để nâng cao hơn nữa đóng góp và tác động tích cực của nhãn hiệu đối với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam trong thời gian tới trước hết cần gia tăng mức độ sử dụng nhãn hiệu của doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp nhất là những ngành công nghiệp là thế mạnh có lợi thế cạnh tranh và được ưu tiên phát triển đến năm 2035.

Số hồ sơ lưu: 17076

76231. 09-2021. **Nghiên cứu xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức về Hiệp định thương mại tự do Việt nam - Liên minh kinh tế Á Âu (VIETNAM - EAEU FTA)**/ ThS. Hoàng Việt Hà, ThS. Nguyễn Thanh Vân Hằng; ThS. Nguyễn Đình Đức; ThS. Nguyễn Thị Hiền Minh; ThS. Nguyễn Thị Minh Hòa; ThS. Nguyễn Thị Hinh; ThS. Phan Phương Thảo; TS. Phạm Xuân Tiến - Hà Nội - Trường Đào tạo, Bồi dưỡng Cán bộ Công thương Trung ương, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận liên quan đến xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức về Hiệp định Việt Nam - EAEU cho các CCVC và DN ngành Công Thương: sự cần thiết, nội dung, hình thức và các nhân tố ảnh hưởng đến xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức... Nghiên cứu cơ sở thực tiễn liên quan đến xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức về Hiệp định Việt Nam - EAEU cho các CCVC và DN ngành

Công Thương; nhu cầu và điều kiện xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức về Hiệp định Việt Nam - EAEU; thực trạng các chương trình bồi dưỡng hiện có về Hiệp định Việt Nam - EAEU + Đề xuất quan điểm, định hướng và chương trình bồi dưỡng kiến thức về Hiệp định Việt Nam - EAEU cho các CCVC và DN ngành Công Thương; các yêu cầu và giải pháp thực hiện chương trình.

Số hồ sơ lưu: 17096

506. Khoa học chính trị

76960. 09-2021. **Vấn đề phát huy dân chủ trong điều kiện một đảng lãnh đạo: Thực trạng, vấn đề đặt ra và giải pháp/** PGS.TS. Bùi Nguyên Khánh, GS.TS. Phạm Văn Đức; TS. Đinh Thị Mai; PGS.TS. Nguyễn Như Phát; PGS.TS. Nguyễn Tài Đông; PGS.TS. Vũ Thư; PGS.TS. Nguyễn Thị Việt Hương; TS. Vũ Mạnh Toàn; TS. Vũ Mạnh Dũng; TS. Nguyễn Đình Hòa - Hà Nội - Học viện Khoa học xã hội, 2020 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu làm sáng tỏ và phong phú thêm nhằm góp phần hoàn thiện những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát huy dân chủ trong điều kiện một Đảng lãnh đạo xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay. Đánh giá thực trạng phát huy dân chủ, đề xuất quan điểm, giải pháp phát huy dân chủ ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay. Luận chứng và cung cấp các luận cứ khoa học cho việc xây dựng

các Văn kiện của Đại hội XIII của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17383

50601. Khoa học chính trị

76220. 09-2021. **Một số vấn đề lý luận cơ bản về dân tộc trong thế giới đương đại và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam/** PGS. TS. Trần Hậu, PGS.TS.Đoàn Minh Huân; PGS.TS.Nguyễn Thị Song Hà; PGS.TS.Nguyễn Thanh Xuân; TS.Nguyễn Lâm Thành; TS.Nguyễn Quỳnh Trâm; ThS.Trần Minh Đức; PGS.TS.Phạm Minh Tuấn; TS.Nguyễn Thị Ứng; TS.Vũ Văn Chung - Hà Nội - Học viện chính trị khu vực I, 2019 - 10/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng khung lý luận tiếp cận những vấn đề lý luận cơ bản về dân tộc của thế giới đương đại; Phân tích nguồn gốc, bản chất, đặc điểm và những hình thức thể hiện trên thực tế của những trào lưu lý luận dân tộc trong thế giới đương đại. Đánh giá tác động của các trào lưu lý luận về dân tộc trên thế giới đối với Việt Nam, khái quát thực trạng nghiên cứu lý luận dân tộc và những vấn đề đặt ra trong nghiên cứu lý luận dân tộc ở Việt Nam. Đề xuất quan điểm, định hướng và giải pháp xây dựng hệ thống lý luận dân tộc ở Việt Nam; xác lập cơ sở lý luận cho hoàn thiện công tác dân tộc và đấu tranh với chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa ly khai hoặc lợi dụng vấn đề dân tộc vì mục đích chính trị

Số hồ sơ lưu: 17088

50602. Hành chính công và quản lý hành chính

74023. 09-2021. **Thực hiện công bằng môi trường tại Việt Nam hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn/** PGS. TS. Nguyễn Thị Lan Hương, ThS. Phạm Thị Hương; PGS. TS. Phạm Thị Ngọc Trâm; TS. Trần Tuấn Phong; PGS. TSKH. Lương Đình Hải; PGS. TS. Nguyễn Ngọc Hà; ThS. Phạm Văn Hưng; ThS. Phạm Văn Dương - Hà Nội - Viện Triết học, 2019 - 01/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ một số vấn đề lý luận chung về công bằng môi trường; Phân tích thực trạng thực hiện công bằng môi trường, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại trong quá trình thực hiện công bằng môi trường tại Việt Nam trong giai đoạn vừa qua (từ 1986 đến nay); Đề xuất các định hướng, giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả của việc thực hiện công bằng môi trường tại Việt Nam trong giai đoạn tới.

Số hồ sơ lưu: 16310

78228. 09-2021. **Nghiên cứu giải pháp xây dựng đội ngũ công nhân tỉnh Yên Bái thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa"/** ThS. Vương Văn Bằng, - Yên Bái - Liên đoàn Lao động tỉnh Yên Bái, 2016 - 10/2015 - 11/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng đội ngũ công nhân tỉnh Yên Bái, những nhân tố tác động, và dự báo xu hướng biến động đội ngũ công nhân tỉnh Yên Bái thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đánh giá

vai trò của tổ chức Công đoàn trong việc xây dựng đội ngũ công nhân Yên Bái và tìm hiểu quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND và sự phối hợp của các ngành về xây dựng đội ngũ công nhân. Qua đó, đề xuất quan điểm, phương hướng và các giải pháp xây dựng đội ngũ công nhân tỉnh Yên Bái giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: YBI-007-2020

78505. 09-2021. **Nghiên cứu, xây dựng mô hình “Dân vận khéo” phục vụ xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Yên Bái/** ThS. Hoàng Xuân Nguyên, CN. Nguyễn Thành Công CN. Đặng Thị Thu Phương; CN. Triệu Tiến Thịnh - Yên Bái - Ban Dân vận, 2016 - 01/2016 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá hiệu quả công tác dân vận của hệ thống chính trị cơ sở thông qua các mô hình “Dân vận khéo” đang tham gia vào việc thực hiện một số tiêu chí trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Xây dựng 03 mô hình “Dân vận khéo” duy trì tính bền vững của các mô hình tại các huyện: Trấn Yên, Yên Bình, Văn Chấn. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực công tác tổ chức và phối hợp hoạt động của Khối dân vận cơ sở trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân huy động nguồn lực tham gia góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Yên Bái.

Số hồ sơ lưu: YBI-022-2020

50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị

77226. 09-2021. **Nâng cao vai trò của công đoàn trong thực hiện dân chủ ở cơ sở tại các đơn vị thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội/** ThS. Đào Ngọc Thịnh, CN. Hà Đức Chúc; ThS. Hoàng Thị Thu Huyền; ThS. Đỗ Lê Hoàng; CN. Phạm Anh Hào; ThS. Phùng Quốc Việt; ThS. Bùi Quốc Anh ; ThS. Phạm Thị Ngọc; ThS. Nguyễn Thùy Linh; ThS. Trần Hồng Trường - Hà Nội - Công đoàn Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2019 - 10/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý về dân chủ ở cơ sở và vai trò của công đoàn trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở. Phân tích, đánh giá thực trạng dân chủ ở cơ sở và vai trò của công đoàn trong thực hiện dân chủ ở cơ sở tại các đơn vị thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Đề xuất các giải pháp nâng cao vai trò của công đoàn trong thực hiện dân chủ ở cơ sở tại các đơn vị thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Số hồ sơ lưu: 17492

78544. 09-2021. **Nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái giai đoạn 1946-2016/** CN. Triệu Tiến Thịnh, - Yên Bái - Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái, 2018 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu nhằm tái hiện quá trình 70 năm hình thành và phát triển của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái

từ năm 1946 đến năm 2016, trọng tâm là về tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; những đóng góp của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc qua các giai đoạn lịch sử. Từ đó biên soạn cuốn “Sơ thảo lịch sử quá trình hình thành và phát triển của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái giai đoạn 1946 – 2016”.

Số hồ sơ lưu: YBI-032-2020

507. Địa lý kinh tế và xã hội**50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội**

73940. 09-2021. **Chính sách bảo vệ môi trường của một số nước châu Âu và gợi mở cho Việt Nam/** TS. Nguyễn Thị Ngọc, ThS. Trần Thị Thu Huyền; ThS. Lê Hoàng Minh; ThS. Đinh Thị Ngọc Linh; ThS. Hồ Thanh Hương; TS. Đinh Thị Ngọc Bích; ThS. Lê Thị Kim Oanh; ThS. Nguyễn Văn Linh; CN. Nguyễn Hoàng Thuý; ThS. Nguyễn Thị Phương Dung - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Âu, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát hóa, hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến chính sách bảo vệ môi trường ở châu Âu; Phân tích, làm rõ thực trạng xây dựng và thực thi các chính sách bảo vệ môi trường ở một số quốc gia ở châu Âu; Rút những bài kinh nghiệm về xây dựng và thực thi chính sách bảo vệ môi trường ở một số nước châu Âu nhằm gợi mở cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16317

50702. Địa lý kinh tế và văn hoá

74767. 09-2021. **Xác định lĩnh vực lợi thế đặc thù của Tây Nguyên trong bối cảnh Việt Nam tham gia Cộng đồng kinh tế ASEAN và thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới/ PGS. TS. Bùi Nhật Quang, PGS. TS. Trần Thị Lan Hương; TS. Kiều Thanh Nga; TS. Nguyễn Thắng; TS. Nguyễn Bình Giang; TS. Nguyễn Duy Thụy; PGS. TS. Nguyễn Văn Dân; TS. Hoàng Vũ Quang; TS. Nguyễn Thị Oanh; TS. Phạm Sỹ An - Hà Nội - Trung tâm phân tích và dự báo, 2019 - 12/2016 - 03/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xác định các lĩnh vực lợi thế đặc thù của Tây Nguyên trong bối cảnh hội nhập quốc tế, đặc biệt là khi Việt Nam tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN và ký kết, thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, từ đó đánh giá, đề xuất các cơ chế, chính sách, giải pháp nhằm khai thác hiệu quả các lĩnh vực có lợi thế đặc thù của Tây Nguyên để tăng cường năng lực liên kết vùng và hội nhập quốc tế một cách chủ động, hiệu quả. Làm rõ các vấn đề lý thuyết liên quan đến lợi thế đặc thù và các lĩnh vực có lợi thế đặc thù để làm căn cứ xác định các lĩnh vực có lợi thế đặc thù của Tây Nguyên trong bối cảnh tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới. Xác định các lĩnh vực có lợi thế đặc thù ở Tây Nguyên, phân tích thực trạng khai thác các lĩnh vực có lợi thế đặc thù trong phát triển kinh tế của Tây Nguyên

trong thời gian qua, từ đó làm rõ hiệu quả và hạn chế và nguyên nhân của việc khai thác lợi thế đặc thù của Tây Nguyên trong bối cảnh tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới. Xác định và phân tích các thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức đối với việc khai thác các lĩnh vực có lợi thế đặc thù của Tây Nguyên trong bối cảnh Việt Nam tham gia AEC và thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới từ nay đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 16444

76219. 09-2021. **Hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại/ GS. TS. Trần Thị Vân Hoa, PGS. TS. Đỗ Thị Đông; GS. TS. Hoàng Văn Hoa; GS. TS. Nguyễn Kế Tuấn; GS. TS. Ngô Thắng Lợi; GS. TS. Nguyễn Đông Phong; PGS. TS. Bùi Tất Thắng; PGS. TS. Lê Thị Lan Hương; PGS. TS. Trần Mạnh Dũng; PGS. TS. Phạm Hồng Chương; PGS. TS. Đỗ Hoài Linh; TS. Nguyễn Quỳnh Hoa; TS. Trương Minh Đức; TS. Nguyễn Thị Hoa; TS. Đinh Thiện Đức; TS. Nguyễn Hữu Đồng; TS. Phạm Xuân Hòa; TS. Nguyễn Đình Trung; TS. Nguyễn Kế Nghĩa; TS. Vũ Văn Ngọc; TS. Phí Thị Hồng Linh; ThS. Trần Anh Ngọc; ThS. Trần Thị Thanh Xuân - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2019 - 12/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Làm rõ cơ sở khoa học, quan điểm, phương pháp tiếp cận về nước công nghiệp hiện đại và hệ tiêu chí

nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và rút ra bài học cho Việt Nam về xây dựng hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại và giải pháp đạt được các tiêu chí của nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Phân tích, đánh giá thực trạng quá trình xây dựng hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại ở Việt Nam (bao gồm cả mục tiêu, phương pháp tiếp cận, nội hàm, hình thức, mức độ đáp ứng các yêu cầu của hệ tiêu chí phản ánh trình độ phát triển nước công nghiệp theo hướng hiện đại). Đề xuất hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại áp dụng vào Việt Nam phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại và dự báo thời gian nước ta có thể đạt được hệ tiêu chí và trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đánh giá thực trạng mức độ đạt được hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại áp dụng ở Việt Nam; làm rõ những thành công, hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong quá trình xây dựng đất nước đạt được hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại của Việt Nam thời gian qua.

Số hồ sơ lưu: 17071

78546. 09-2021. **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp chủ yếu chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại vùng hồ Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, góp phần phát triển kinh tế xã hội ở địa phương/** PGS.TS. Trần Đình Tuấn, PGS.TS. Đỗ Thị Thúy Phương - Yên Bái - Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, 2017 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tiến hành đánh giá thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại vùng hồ Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2015. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại vùng hồ Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Từ đó, đề xuất các giải pháp chủ yếu chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại vùng hồ Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, góp phần phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

Số hồ sơ lưu: YBI-034-2020

78602. 09-2021. **Nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động du lịch nghỉ nhà dân (Homestay) tại vùng đông hồ Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái/** Ths. Vũ Thị Hiền Hạnh, - Yên Bái - Văn phòng - UBND tỉnh Yên Bái, 2017 . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng loại hình du lịch nghỉ nhà dân tại 19 hộ dân tại các xã Phúc An, Vũ Linh, Xuân Lai vùng Đông hồ Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, mở rộng điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng loại hình du lịch nghỉ nhà dân tại 11 xã trên địa bàn. Tiến hành, chuyển giao kiến thức, kỹ năng về loại hình du lịch nghỉ nhà dân tại vùng Đông hồ Thác Bà. Đồng thời, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động du lịch này trên địa bàn huyện Yên Bình, Yên Bái.

Số hồ sơ lưu: YBI-055-2020

599. Khoa học xã hội khác

77244. 09-2021. **Phát triển hệ thống hỗ trợ quan hệ lao động ở Việt Nam giai đoạn 2020 – 2025/** TS. Nguyễn Duy Phúc, CN. Nguyễn Thị Yên; ThS. Phạm Thị Chung; CN. Nguyễn Thị Phương Nga; CN. Lê Xuân Thành; ThS. Nguyễn Huy Hưng; TS. Vũ Minh Tiến; TS. Nguyễn Văn Bình; ThS. Vi Thị Hồng Minh; ThS. Nguyễn Thị Tố Như - Hà Nội - Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Quan hệ lao động, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về sự cần thiết và vai trò của nhà nước trong hỗ trợ phát triển quan hệ lao động (QHLD). Từ đó, xác định nhu cầu dịch vụ, cấu trúc và cơ chế hoạt động, phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống hỗ trợ QHLD. Đánh giá thực trạng mô hình và cơ chế hoạt động của hệ thống hỗ trợ QHLD hiện nay; những thách thức, nhu cầu mới và các yêu cầu mới đặt ra đối với việc hỗ trợ QHLD trong bối cảnh mới. Đề xuất mô hình và cơ chế hoạt động của hệ thống hỗ trợ QHLD giai đoạn 2020 – 2025 đảm bảo vai trò của nhà nước trong dẫn dắt sự phát triển QHLD theo hướng thị trường, đảm bảo quyền con người và phù hợp với các cam kết quốc tế về QHLD.

Số hồ sơ lưu: 17505

6. Khoa học nhân văn**601. Lịch sử và khảo cổ học****60101. Lịch sử Việt Nam**

73981. 09-2021. **Lịch sử đường hành lang chiến lược trong**

kháng chiến chống Mỹ trên địa bàn tỉnh Quảng Đức (Đăk Nông ngày nay) 1954-1975./ ThS. Ngô Thanh Danh, - Đăk Nông - Ban Tuyển giáo Tỉnh ủy Đăk Nông, 2017 - 05/2015 - 04/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa - xã hội và truyền thống đấu tranh của quân và dân tỉnh Quảng Đức trước khi mở đường hành lang chiến lược, giai đoạn 1930-1954. Ghi lại lịch sử quá trình xoi, mở hệ thống đường hành lang chiến lược (đường Trường Sơn, đường nội tỉnh và liên tỉnh) góp phần chi viện sức người sức của cho chiến trường miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ trên địa bàn tỉnh Đăk Nông giai đoạn 1954-1975. Lưu giữ nguồn tư liệu, lịch sử, ghi nhớ, tôn vinh công lao của các thế hệ cán bộ, chiến sĩ, quân và dân tỉnh Đăk Nông trong việc mở đường, bắt nôi, khai thông đường Hồ Chí Minh, góp phần tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong và ngoài tỉnh.

Số hồ sơ lưu: DNG-002-2019

60199. Các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác

74144. 09-2021. **Khảo cứu thư tịch Hán Nôm Công giáo tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm/** PGS. TS. Lã Minh Hằng, TS. Trần Thị Giáng Hoa; TS. Đào Phương Chi; ThS. Phạm Hoàng Giang; ThS. Lê Thị Hà; ThS. Đào Phương Anh; ThS. Nguyễn Văn Ngoạn; TS. Nguyễn Thị Tú Mai - Hà Nội - Viện Nghiên

cứ Hán Nôm, 2018 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát thư tịch Hán Nôm Công giáo hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm; Tìm hiểu giá trị ngôn ngữ, giá trị nội dung của nhóm thư tịch Hán Nôm Công giáo hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Qua đó giúp các nhà nghiên cứu hiểu thêm về thư tịch Hán Nôm Công giáo hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, về tầm quan trọng của nguồn tư liệu này trong nghiên cứu Tôn giáo, Lịch sử, và Ngữ văn.

Số hồ sơ lưu: 16332

602. Ngôn ngữ học và văn học

60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung

76964. 09-2021. **Hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế/** PGS.TS. Phạm Hồng Chương, PGS.TS. Từ Thị Loan; GS.TS. Nguyễn Chí Bền; PGS.TS. Nguyễn Thị Hiền; PGS.TS. Nguyễn Tài Đông; PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương; TS. Vũ Anh Tú; TS. Đào Thị Minh Hương; ThS. Nguyễn Thái Bình; ThS. Vũ Hoa Ngọc - Hà Nội - Viện văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, 2019 - 06/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người, đồng thời tham khảo những bài học kinh nghiệm của nước ngoài. Khảo sát thực trạng biến động hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại. Xác định nội dung hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm triển khai thực hiện các hệ giá trị đó trong thực tiễn những năm tới.

Số hồ sơ lưu: 17381

Phu lục:

THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở, sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

2. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cách thức thực hiện:

- Đăng ký trực tuyến tại trang thông tin điện tử:

<http://dangkyqnv.vista.gov.vn/>;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ

- 01 Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (Phiếu đăng ký để rời, đóng dấu giáp lai nếu 2 tờ, không đóng vào báo cáo tổng hợp).

- 01 bản giấy Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (đã hoàn thiện sau khi nghiệm thu chính thức), báo cáo đóng bìa cứng, gáy vuông (in tên chủ nhiệm nhiệm vụ, và mã số nhiệm vụ), trên trang bìa lót bên trong có xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.

- 01 bản điện tử Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (file hoàn chỉnh, không tách riêng các file chương, mục,...); 01 bản điện tử Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện

tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mặt khấu.

- 01 bản sao Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (biên bản không đóng kèm vào báo cáo tổng hợp); văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).

- 01 Bản sao đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.

- **01 Phiếu mô tả công nghệ** (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- **Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ** sử dụng ngân sách nhà nước.

- **Phiếu mô tả công nghệ.**

- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- **Luật khoa học và công nghệ** ngày 18/6/2013.

- **Nghị định số 11/2014/NĐ-CP** ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

- **Thông tư số 14/2014/TT-BKH-CN** ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Một cửa - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39349116; Fax: 024.39349127.

Email: dangky@vista.gov.vn

*Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: “**Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, Số 24 Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 04.39349119**”*